



TƯ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

HUY CÂN

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÙ SÁCH TÁC GIẢ, TÁC PHẨM TRONG NHÀ TRƯỜNG

HUY CẬN

TÁC PHẨM CHỌN LỌC

NGUYỄN ĐĂNG ĐIỆP giới thiệu và tuyển chọn
Với sự cộng tác của ĐỖ HẢI NINH

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

90- 2009/CXB/101- 82/GD

Mã số : 8V735119-CPII

LỜI GIỚI THIỆU

*Trong những năm vừa qua, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã phối hợp tổ chức biên soạn và cho ra mắt bạn đọc bộ sách **Về tác gia và tác phẩm** giới thiệu 40 nhà văn tiêu biểu của văn học Việt Nam đồng thời cũng là những tác giả quan trọng được dạy học trong trường phổ thông : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, v.v. Qua bài Tổng quan và phân tuyến chọn những công trình nghiên cứu, những tư liệu được sưu tầm công phu,... bộ sách tạo điều kiện thuận lợi cho việc khái quát vị trí lịch sử, xác định đóng góp của mỗi tác giả trong nền trình văn học dân tộc, gợi mở những khả năng, những cách thức tiếp cận đối với sáng tác của họ.*

*Từ khi bộ sách **Về tác gia và tác phẩm** được xuất bản, dư luận bạn đọc, đặc biệt là những người trực tiếp học tập, nghiên cứu ở trong nhà trường, các viện nghiên cứu hết sức hoan nghênh và đánh giá cao. Nhận thấy nhu cầu của độc giả, từ năm 2008, Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tiếp tục phối hợp biên soạn – xuất bản **Tủ sách tác giả, tác phẩm trong nhà trường** nhằm tình tuyến tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ để không chỉ đáp ứng nhu cầu tra cứu, tham khảo văn bản mà còn đáp ứng nhu cầu tiếp xúc trực tiếp với tác phẩm nghệ thuật trong quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.*

Trong một thời gian không xa, khi việc biên soạn – xuất bản hai bộ sách hoàn tất, bạn đọc sẽ có dịp ghi nhận thành quả trọn vẹn và nhiều ý nghĩa của kế hoạch hợp tác giữa Viện Văn học và Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Huy Cận – Tác phẩm chọn lọc thuộc Tủ sách tác giả, tác phẩm văn học trong nhà trường do PGS. TS. Nguyễn Đăng Điệp giới thiệu và tuyển chọn với sự cộng tác của Th.S. Đỗ Hải Ninh. Cuốn sách tập hợp những tác phẩm tiêu biểu, đáng chú ý trong sự nghiệp văn chương của Huy Cận.

Trong khi tuyển chọn, người biên soạn đã cố gắng sưu tầm, tập hợp khá đầy đủ tác phẩm của tác giả nhưng do khuôn khổ sách có hạn, chúng tôi xin được trích lược và chọn lọc những tác phẩm tiêu biểu và có giá trị nghệ thuật đặc sắc. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để khi tái bản cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Viện trưởng Viện Văn học
PGS. TS. Phan Trọng Thương

HUY CẬN

(1918 – 2005)

Huy Cận (tên khai sinh là Cù Huy Cận), sinh ngày 31-5-1919 tại làng Ân Phú (nay thuộc xã Đức Ân), huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh, trong một gia đình nhà nho nghèo, gốc nông dân. Hồi nhỏ học quốc ngữ ở quê đến lớp năm tại trường Tổng Di Long. Năm 1928, ông được vào Huế học Trung học. Sau khi đậu Tú tài toàn phần, Huy Cận ra Hà Nội học Trường Cao đẳng Nông lâm và ở cùng Xuân Diệu tại 40 Hàng Than.

Từ năm 1942, Huy Cận tham gia hoạt động trong Mặt trận Việt Minh. Năm 1945, ông tham dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào, được bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng toàn quốc và cùng với Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng vào Huế nhận sự thoái vị của Bảo Đại. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Canh nông trong Chính phủ liên hiệp lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ năm 1955 đến 1984, ông lần lượt giữ các chức vụ : Thứ trưởng Bộ Canh nông, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Thứ trưởng Bộ Kinh tế. Năm 1984, ông là Bộ trưởng đặc trách Văn hoá Thông tin kiêm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.

Huy Cận đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996.

Tháng 6 năm 2001, Huy Cận được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ Thế giới.

Huy Cận bắt đầu có thơ đăng báo và một số bài bình luận trên các tờ *Tràng An*, *Sông Hương* (ký bút danh Hán Quỳnh) từ năm 1936. Ông cũng đã từng cộng tác với nhóm Tự lực văn đoàn. Năm 1940, tập thơ đầu tay *Lửa thiêng* ra mắt. Năm 1942, xuất bản tập *Kính cầu tự* và hoàn thành tập thơ thứ hai *Vũ trụ ca*.

Sau Cách mạng tháng Tám, Huy Cận tiếp tục sáng tác với một khối lượng khá lớn, bao gồm thơ, văn xuôi, tiểu luận và phê bình. Các tập thơ chính : *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960), *Bài thơ cuộc đời* (1963), *Hai bàn tay em* (thơ thiếu nhi, 1967), *Những năm sáu mươi* (1968), *Chiến trường gần đến chiến trường xa* (1973), *Ngày hằng sống, ngày hằng thơ* (1975), *Ngôi nhà giữa nắng* (1978), *Hạt lại gieo* (1984), *Tuyển tập Huy Cận* (2 tập),... Thơ của Huy Cận được dịch ra nhiều thứ tiếng. Tập thơ song ngữ *Nước triều Đông* (*Marées de Orientale*) được xuất bản tại Pháp (1994) và *Thông điệp từ vầng sao và từ mặt đất* (*Messages stellaires et terrestres*) được xuất bản tại Canada (1996).

Văn xuôi và phê bình tiểu luận của Huy Cận gồm : *Suy nghĩ về nghệ thuật* (1982), *Suy nghĩ về bản sắc văn hoá dân tộc* (1994), *Hồi ký song đôi* (viết chung với Xuân Diệu, 2002),...

Ngoài ra, Huy Cận còn tham gia tích cực nhiều tổ chức và có nhiều đóng góp trong các hoạt động văn hoá, xã hội trong nước và quốc tế.

Huy Cận mất ngày 19-2-2005 tại Hà Nội.

HUY CẬN – MỘT LINH HỒN TRỜI ĐẤT

Trong cõi rộng dài *Lửa thiêng*, Huy Cận đã từng nhiều lần *Trông lên* với cảm giác "Quên thân như đã quên giờ - Tê mê cõi biếc bến bờ là đâu". Nhưng tự trong bản chất, chàng thấy mình vẫn gắn chặt với trần gian⁽¹⁾. Đó mới đích thực là quê hương của chàng :

Ta ở đất này, ở cõi này

Đất làm ra gió để chim bay

Chim làm ra gió cho trời rộng

Người thuộc đường chim dang cánh tay

(Chim làm ra gió)

Gần bảy mươi năm tận hiến cho nghệ thuật, Huy Cận đã bám riết lấy cõi đời bằng tất cả niềm yêu sống chân thành, vì thế nhiều bài thơ của ông đã trở thành vĩnh cửu. "Những bước chân trên đường" của ai kia có thể tan vào hư không, còn Huy Cận vẫn lưu lại cõi thế bằng những vần thơ run rẩy, tinh vi và thấm thía sâu xa một tình tri kỷ.

Về phương diện nào đó, có thể coi Huy Cận là một người quen nhưng lạ. Quen vì hồn vía thơ Huy Cận đậm chất phương Đông.

(1) Xem : Vũ Quần Phương, *Huy Cận quê ở hành tinh*, trong sách *Huy Cận – Về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2000, tr. 314.

Lạ vì ẩn sau hình hài ông "phó mộc" là một trái tim tinh tế đến không ngờ, vì Huy Cận đã dung hoà rất khéo mối quan hệ giữa một "ông quan cách mạng" với một thi sĩ đích thực. lạ vì rất ít khi tuyên ngôn về nghệ thuật, nhưng ngay từ rất sớm, Huy Cận đã điễm nhiên bước vào "chiếu nhất" của phong trào Thơ mới mà không hề tốn thời gian bàn cãi. Càng lạ hơn khi công sĩ Bùi Giáng, trước sau vẫn chỉ khẳng khái nhận mình là môn đệ của Nguyễn Du và phục tào lục bát Huy Cận. Giữa hai con người thơ ấy, một "tèm nhem tâm hồn", một mực thước, điễm tinh đã tìm đến nhau bởi cái sợi dây không dính vướng tình giai cấp, ấy là sự liên tài⁽¹⁾.

Phẩm chất thi sĩ của ông phần nào đã được ươm mầm từ nhỏ. Quê hương và gia đình đã trở thành môi trường thuận lợi nuôi dưỡng tình yêu và niềm đam mê nghệ thuật của cậu bé Cù Huy Cận. Nhà thơ kể : "Bố tôi rất mê văn chương, thuộc *Kiều* kinh khủng và hay bình *Kiều*. Ban đêm, ông thường nằm nhà ngoài một mình rồi đọc *Kiều* sang sáng, rồi tự bình như giảng cho ai vậy. Hàng xóm đều lắng tai nghe. Mẹ tôi cũng nghe..." ; "Còn làng tôi thì yêu văn nghệ vô cùng...". Lớn giờ lại tiểu sử của Huy Cận, có thể thấy bên cạnh môi trường văn hoá, thiên nhiên cũng có vai trò rất quan trọng liên quan đến thể tạng thơ ông sau này. Ấy là miền sơn cước thâm u đất Hà Tĩnh và cái mệnh mang tinh lạnh của xứ Huế, nơi Huy Cận theo học từ khi mới lên bảy cho đến Tú tài toàn phần. Tất cả đã ăn sâu vào tiềm thức nhà thơ, kết thành một ám ảnh sáng tạo trong thi giới Huy Cận về sau. Cảm quan vũ trụ trong thơ Huy Cận hẳn

(1) Bùi Giáng, *Đi vào cõi thơ Huy Cận*, trong sách *Huy Cận - Về tác gia và tác phẩm*, Sđđ, tr. 253

chắc có dây mơ rễ má với những yếu tố địa văn hoá này. Hường về vũ trụ mà vẫn không nguôi khát khao về cõi thế, không thôi suy tưởng về lẽ đời, ấy là cái mạch nguồn thống nhất trong thế giới nghệ thuật của Huy Cận.

Cuối năm 1937 đầu năm 1938, Huy Cận từ Huế gửi ra Hà Nội cho Xuân Diệu bài thơ *Chiều xưa*. Bài thơ lập tức lọt vào mắt xanh của Thế Lữ và được đăng cùng *Cảm xúc* của Xuân Diệu trên tờ *Ngày nay* số Tết Mậu Dân (1938). Hai năm sau, *Lửa thiêng* ra đời. Trong ý nghĩ của tôi, nếu xét về tính hoàn chỉnh của một tập thơ thì đây là tập "chín" nhất của thời đại Thơ mới. Điều đó được bảo đảm bởi bằng ba lý do cơ bản : Thứ nhất, về chất lượng nghệ thuật, hầu như toàn bộ *Lửa thiêng* đều đạt tới trình độ nghệ thuật cao, trong đó có những thi phẩm xứng danh kiệt tác như *Tràng giang*, *Ngậm ngùi*, *Buồn đêm mưa*, *Chiều xưa*,... Huy Cận không chỉ suy tưởng về những vòm trời rộng lớn mà ông còn chạm đến cả những điều nhỏ như nhỏ nhất, bình dị nhất của cõi nhân sinh. Đây là điều không dễ kết hợp nếu nhà thơ ấy không phải là một cây bút thực tài. Thứ hai, về tư duy nghệ thuật, Huy Cận đã kết hợp hài hoà cái tinh tế hàm súc của phương Đông và tính hiện đại của nghệ thuật phương Tây. Điều này có phần khác với Xuân Diệu. Với tư cách là nhà thơ "mới nhất" của phong trào Thơ mới, Xuân Diệu trong những ngày đầu vẫn còn lộ dấu kỹ thuật của phương Tây. Đến sau Xuân Diệu một chút, khi thơ mới đã qua phút bùng bột ban đầu, Huy Cận đã hoà nhuyễn được hơi thở tượng trưng của S. Bô-đơ-le (Charles-Pierre Baudelaire) và P. Véc-len (Paul Verlaine) vào trong cái uyên súc của tinh thần cổ điển phương Đông : "Ôi nắng

vàng sao mà nhớ nhung - Có ai đàn lé để tơ chùng",... Huy Cận cũng không có cái táo bạo để bước hẳn vào bến bờ huyền diệu "rộng rinh không bờ bến" như Hàn Mặc Tử, nhưng không ai dám chắc trong *Gái quê* và *Đau thương* của Hàn tất cả đều đạt đến độ toàn bích. Thứ ba, về phương diện thể loại, Huy Cận không những đem đến hương vị mới lạ cho thể thơ thất ngôn, tám chữ mà còn tạo nên dấu ấn sâu sắc ở thể thơ lục bát. Sự phân tích trên đây không có ý phân vị tầm vóc cao thấp của các thi nhân bởi trong cái nhìn của tôi, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính thực sự là *tứ bát tử* của một cuộc cách mạng thơ ca có tên là Thơ mới. Nhiều hơn, nó có ý nghĩa nhận diện chiều sâu của một tập thơ trong một thời đại có quá nhiều tập thơ hay của các thi sĩ tài năng.

Nhìn một cách tổng quát, toàn bộ *Lửa thiêng* là một *khối sâu thien cổ*⁽¹⁾. Dải phổ buồn sâu của *Lửa thiêng* hiện lên rất rõ qua sự xuất hiện trực tiếp của 49 chữ *buồn*, 33 chữ *sâu* và hàng loạt hình ảnh nói về nỗi cô đơn cùng những biến thể của nó trong suốt tập thơ này. Huy Cận nhìn đâu cũng thấy sâu. Sâu vì đêm mưa : "Đêm mưa làm nhớ không gian - Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la" (*Buồn đêm mưa*) ; sâu bởi đẹp xưa : "Trơ vơ buồn lọt quán chiều - Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người" (*Đẹp xưa*) ; sâu trước không gian rộng lớn : "Thuyền về nước lại sâu trăm ngã - Củi một cành khô lạc mấy dòng" (*Tràng giang*) ; sâu bao trùm vũ trụ : "Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm - Vạn lý sâu núi tiếp lên mây" (*Vạn lý tình*),... Đỉnh cao

(1) Xem : Nguyễn Đăng Điệp. *Huy Cận . Khối sâu thien cổ*, trong sách *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, NXB Văn học, H., 2002, tr. 271 – 292

của sâu là cái chết và âm nhạc thê lương của nó : "Ai chết đó ? Nhạc buồn chỉ lắm thế !- Chiều mờ còi, đời rét mướt ngoài đường - Phở điều hiu màu đá cũ lên sương - Sương hay chính bụi phai tàn lá tá ?" (*Nhạc sâu*),... Có thể cất nghĩa nỗi sâu buồn trong thơ Huy Cận từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng xét đến cùng, có hai lý do cơ bản : trước hết, xuất phát từ mỹ học thơ mới ; thứ hai, xuất phát từ thời thế. Sinh thể nghệ thuật thơ mới sau năm 1936, dù đã được cườn vào yếu tố tượng trưng và siêu thực, nhưng về bản chất, vẫn nằm trong từ trường lãng mạn. Mỹ học lãng mạn bao giờ cũng yêu chuộng nỗi buồn, mỗi bài thơ thường là một vẻ *đẹp buồn*. Ta hiểu vì sao mô típ buồn thương, ly biệt, nước mắt, dang dở,... xuất hiện dày đặc đến thế trong thơ mới. Đó có thể là nỗi *buồn xa* trong thơ Thế Lữ, *buồn mơ* của Lưu Trọng Lư, *buồn lạnh* của Xuân Diệu, sự *rên xiết* của Hàn Mặc Tử và nỗi *buồn vạn kỷ* trong thơ Huy Cận. Mặt khác, không được may mắn như các thi sĩ lãng mạn Pháp, các thi sĩ thơ mới còn mang trong mình nỗi buồn của những kẻ mất nước. Bởi vậy, nỗi buồn thơ mới nhiều khi là nỗi buồn tủi. Và rất nhiều bơ vơ : "Nhưng cô độc đã thâm ghi trên trán - Lòng lạc loài ngay từ thuở sơ sinh" (*Trình bày*), "Cúi một cành khô lạc mấy dòng" (*Tràng giang*),... Vì thế, trong sâu thẳm, tinh thần dân tộc vẫn là cái "nhất điểm linh đài"⁽¹⁾ tạo nên vẻ đẹp sâu xa của thơ mới.

(1) *Nhất điểm linh đài* . *Nhất điểm* : lấy ý thơ của Lý Thương Ẩn đời Đường : "Tâm hữu linh tề nhất điểm thông" (Trong tâm còn có một điểm thông suốt như sừng con linh tề). *Linh đài* : có nghĩa là đầu thiêng, chỉ chữ Tâm. *Nhất điểm linh đài* : dùng để chỉ cái Tâm, cái quan trọng nhất, yếu tố cốt lõi nhất.

Về phương diện kết tinh thẩm mỹ, nét độc đáo nhất của thơ Huy Cận là niềm "khắc khoải không gian"⁽¹⁾. Nếu Xuân Diệu là người hết sức tinh nhạy trong việc nắm bắt bước đi của thời gian thì Huy Cận là người đặc biệt nhạy cảm với không gian. Điều này đã được chính Xuân Diệu nhận thấy lần đầu trong lời tựa *Lửa thiêng* : "Thơ Huy cận đó ư ? Ai nhắc làm chi những nỗi thê thiết của ngàn đời, ai động đến cái lớp sầu dưới đáy hồn nhân thế ; những lời muôn năm than thâm trong lòng vạn vật, ai thuật lại mà nào nuốt lăm sao !". Hoài Thanh, gọn hơn : "Người đã gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á, người đã khơi lại cái mạch sâu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngấm trong cội đất này"⁽²⁾. Cảm quan không gian và chất giọng "tơ chùng" khiến cho thơ Huy Cận có tính hướng nội rất cao. Hướng nội đến mức *Lửa thiêng* trở thành một "bản ngâm ngùi dài". Vì cảm nhận thế giới bằng nhịp thở của tâm linh nên Huy Cận ít khi dừng lại hình xác của cảnh mà ông như chạm được vào cội u huyền của cảnh : "Bụi rơi trên lá dọi nên lời" (*Dấu chân trên đường*), "Gió đưa hơi, gió đưa hơi - Lá thơm như thể da người : lá thơm" (*Trông lên*),... Trong thơ Huy Cận, thời gian như ngưng đọng để hoá "màu vĩnh viễn" : "Non xanh ngây cả buồn chiều - Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia" (*Thu rừng*),... Tuy nhiên, gốc rễ của nỗi sầu buồn không nằm đâu xa mà nằm ngay trong chính cội lòng Huy Cận :

*Một chiếc linh hồn nhỏ
Mang mang thiên cổ sầu*

(1) Đỗ Lai Thúy, *Con mắt thơ*, NXB Lao động, H., 1992, tr. 71 – 91.

(2) Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, H., 1988, tr. 137.

Xuân Diệu nói : "Huy Cận quá cảm nghe cái mênh mông, thì giọng thơ của người cũng lây cái sâu vũ trụ". Nhưng đọc kỹ *Lửa thiêng*, cũng có thể nói, vũ trụ như lây cái sâu của thi sĩ. Đúng hơn, tại đây có cộng hưởng của nhiều nỗi buồn và dư vị của nó không có gì khác hơn là sự "ào ùa" đến thế lương.

Cũng bởi thế, một giọt mưa, một chút hơi may, một thoáng cửa mình của vạn vật,... đều trở thành cơ sở lay thức những sợi thần kinh thi ca nhạy cảm của Huy Cận để tạo thành những giai âm kỳ diệu : "Rơi rơi... diu diu rơi rơi - Trăm muôn giọt lệ nổi lời vu vơ..." (*Buồn đêm mưa*), "Buồn gieo theo gió ven hồ - Đèo cao quán chật, bến dò lau thưa" (*Chiều xưa*),... Thậm chí, không cần cơ sở, Huy Cận vẫn buồn và buồn rất sâu : "Lòng quê dọn dọn vời con nước - Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà" (*Tràng giang*),...

Trùng điệp không gian, trùng điệp nỗi buồn nhưng tất cả các chiều không gian ấy rốt cục đều dồn tụ vào chiều tâm linh sâu thẳm của Huy Cận. Đây mới là thứ không gian quan trọng nhất tạo nên vẻ đẹp của thơ ông. Không phải ngẫu nhiên mà tứ thơ của Huy Cận thường được triển khai trên tương quan đối lập. Một bên gợi sự nhỏ nhoi, hiu quạnh của kiếp người và bên kia là sự rộng dài đến rợn ngợp của vũ trụ : "Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu - Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều - Nắng xuống, trời lên, sâu chót vót - Sông dài, trời rộng, bến cô liêu" (*Tràng giang*), "Dừng chân nghĩ ngựa non cao - Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon" (*Đẹp xưa*). Trong cái vời xa của trời đất, thiên nhiên, thơ Huy Cận ít khi liền khối mà thường bị chia cắt đến mức đìu hiu. Tại đây, sự cô đơn nhiều khi được đẩy đến mức tuyệt đối : "Bèo dạt

về đầu hàng nối hàng - Mênh mông không một chuyến dò ngang - Không cầu gợi chút niềm thân mật - Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng" (*Tràng giang*). Trong thế giới "Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư", Huy Cận lần tìm đến những vẻ đẹp xưa. Nhưng quá khứ nào có vui gì :

*Đồn xa quần quai bóng cờ,
Phất phơ buồn tự thuở xưa thối về.
Ngàn năm sức tỉnh lê thê
Trên thành son nhạt. – Chiêu tê cú đầu...*

(*Chiều xưa*)

Chán nản trước thực tại, không tìm thấy chốn nương tựa trong quá khứ, cũng chẳng mong gì ở tương lai, Huy Cận trình bày với Thượng đế :

*Hỡi Thượng đế ! Tôi cúi đầu trả lại
Linh hồn tôi dù một kiếp đi hoang.
Sầu đã chín, xin Người thôi hỡi hái
Nhận tôi đi, dù địa ngục, thiên đàng.*

(*Trình bày*)

Tiếp nối Tản Đà, Huy Cận đã hữu hình hoá rất giỏi nỗi buồn sâu qua hệ thống hình ảnh đầy tính gợi cảm : *sầu đã chín, trái sầu rụng rơi, sầu thu lên vút,...* Những thi ảnh trên đây cũng chính là nỗi khắc khoải thường trực của một kẻ bơ vơ trong cảnh "thiên đường bị đánh mất". Nhưng thật may mắn, ngay cả trong những phút chán nản nhất, người thơ ấy vẫn biết giữ lấy tình yêu thương đồng loại : "Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa - Yêu một người : ta dâng cả tình thương" (*Bi ca*).

Vì biết "dâng cả tình thương" nên ở cực này, Huy Cận buồn nào nuốt, ở cực kia : "Người thì đẹp mà lòng ta mới nở... - Gió mơn ru và mây giục yêu đương". Thì ra, Thượng đế trong cái nhìn Huy Cận chính là sự sống với tất cả niềm vui và nỗi buồn của nó. Vì thế, trong cõi thâm u *Lửa thiêng*, Huy Cận có những vần thơ thật trong trẻo, hồn nhiên. Nhiều câu thơ như nở bừng ánh sáng :

*Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
Hôm xưa em đến mắt như lòng.
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước tỏa hồng.*

(*Áo trắng*)

Khoảng năng trong thơ Huy Cận trước Cách mạng cho thấy ẩn sâu trong nỗi buồn là niềm khát sống âm âm mà mãnh liệt. Nó dệt thành những áng mơ đẹp, tinh khôi : *Áo trắng, Tựu trường, Xuân ý, Đi giữa đường thơm, Tình tự*,... Những khúc hát từ "linh hồn bằng ngọc" của Huy Cận không ào ạt mê đắm như Xuân Diệu mà hấp dẫn ta bởi một thứ hương dịu dàng, thấm thía : "Đường trong làng : hoa dại với mùi rơm... - Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm - Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng" (*Đi giữa đường thơm*) ; "Đêm tựu trường mùi cửa sổ mới sơn - Tủ mới đánh và lòng trai thơm ngát" (*Tựu trường*),... Cũng bởi thế, thơ tình Huy Cận mang một vẻ đẹp rất riêng. Một vẻ đẹp gắn liền với mộng ảo thơm tho. Sự tinh khôi và lòng yêu đời đã giúp Huy Cận diễn tả rất tinh sự chuyển động của mạch đời trong *Xuân ý* : "Đêm say, không khí say nồng - Nghìn cây mở ngọn muôn lòng hé phôi - Khuya nay trong những mạch đời - Máu thanh xuân dấy thức người héo hon",... Nhưng không riêng gì

Huy Cận, nếu nhìn thơ mới như một chỉnh thể sẽ thấy phần lớn các thi sĩ của thơ mới, bên cạnh nỗi buồn truyền kiếp của mạch nguồn lãng mạn đều có những vần thơ trong trẻo, yêu đời. Chỉ riêng về mùa xuân, Nguyễn Bính có *Mùa xuân xanh*, Xuân Diệu có *Xuân hồng*, Hàn Mặc Tử có *Mùa xuân chín*, còn Huy Cận có *Xuân ý*, *Ý xuân*,... Nguồn cảm hứng vui tươi này của *Lửa thiêng* được đẩy lên ở mức độ cao hơn trong *Vũ trụ ca*. Các thi phẩm như *Lượng vui*, *Xuân hành*, *Áo xuân*, *Hương dục đất*,... là những bài thơ cho ta thấy rõ hơn sự đa dạng trong hồn thơ Huy Cận. Xa hơn, ta còn thấy được tính "nhị nguyên" là một nét bản chất của phong trào Thơ mới. Hoá ra, nỗi buồn trong thơ Huy Cận trước Cách mạng đâu phải là tiếng thở dài tiêu cực như có thời ta từng nghĩ mà đó chính là mặt kia của lòng yêu đời, thể hiện sự gắn bó khăng khít của nhà thơ với cõi người. Nói nỗi buồn Huy Cận thấm đầy tính nhân văn cũng chính vì lẽ ấy.

*

* *

Sau Cách mạng, có đến hơn mười năm Huy Cận lặng tiếng trên thi đàn. Có thể ông bận bịu vì những trọng trách mới mà Chính phủ đã trao. Có thể vì ông chưa đủ vốn sống. Nhưng quan trọng hơn, Huy Cận chưa tìm thấy hướng đi mới trong nghệ thuật, mặc dù trên thực tế ông vẫn cầm bút. Về mặt xã hội, Huy Cận tham gia cách mạng từ năm 1942, bởi thế, nhận thức của ông về lý tưởng, về cách mạng có lẽ không còn là quá trình vật lộn đầy vất vả, cam go để "lột xác" như nhiều văn nghệ sĩ "tiền chiến" khác. Tuy nhiên, không phải cứ có nhận thức xã hội đúng đắn là có ngay tư tưởng nghệ thuật riêng. Muốn có cái riêng trong nghệ thuật, cần phải có những điều

kiện khác, trong đó, điều kiện quan trọng nhất là cảm xúc phải thật đầy thì thơ mới nổi sóng. Vậy nên, phải đến chuyến đi thực tế dài ngày ở Hòn Gai, Cẩm Phả, Huy Cận mới tìm lại được nguồn cảm hứng cho thơ. Tại đây, ông hội đủ hai yếu tố. Trước hết, những ngày "ba cùng" với công nhân vùng mỏ giúp ông tích lũy được vốn sống đầy đặn. Sau nữa, chính tại vùng biển Quảng Ninh, nơi giao hoà của hùng vĩ núi và mệnh mỏng biển đã đánh thức trở lại cảm xúc vũ trụ trong tâm hồn Huy Cận. Nghe những âm thanh của biển, tiếng hát say mê của con người trong *Đoàn thuyền đánh cá*, ta có thể nhận thấy điều đó :

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Đàn đan thế trận lưới vây giăng.*

Một khi thi hứng được khai thông, Huy Cận bắt nhịp với đời sống thơ ca một cách nhanh chóng. Cùng với Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... Huy Cận trở thành một trong những cây bút tiêu biểu nhất của thơ ca cách mạng. Liên tiếp các tập thơ của ông được xuất bản, trong đó đáng chú ý là : *Trời mỗi ngày lại sáng*, *Đất nở hoa*, *Bài thơ cuộc đời*, *Hai bàn tay em*, *Những năm sáu mươi*, *Chiến trường gần đến chiến trường xa*, *Ngày hằng sống, ngày hằng thơ*, *Ngôi nhà giữa nắng*, *Hạt lại gieo*,...

Khác với một Huy Cận bơ vơ đi "lượm lặt những chút buồn rơi rác" trước Cách mạng, giờ đây Huy Cận hoà nhịp với cuộc đời mới bằng niềm tin yêu chân thành. Nói theo cách diễn đạt của Chế Lan Viên, ông đã cùng với thế hệ mình đi từ "thung lũng đau thương" đến "cánh đồng vui", từ chân trời một phía đến chân trời nhiều phía. Cũng như nhiều nhà thơ khác,

thơ Huy Cận thời kỳ này tập trung vào những chủ đề quen thuộc như ngợi ca cuộc chiến đấu anh dũng của dân tộc, ngợi ca xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngợi ca cuộc sống mới,... Bản thân nhan đề các tập thơ của Huy Cận đã phần nào cho ta thấy rõ cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của ông sau Cách mạng. Nếu trước đây, Huy Cận hay viết và viết hay về mưa thì ở thời sau, ông vẫn tiếp tục viết về mưa. Chỉ có điều, xưa là mưa buồn, nay là mưa vui, mưa gieo sự sống :

Em bé nhà ai ra dẫm nước,

Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm.

Biển bằng không có dòng xuôi ngược,

Cơm giữa ngày mưa gạo trắng thơm.

(Mưa xuân trên biển)

Thời đại mới và nguồn cảm hứng mới không chỉ giúp Huy Cận có cái nhìn tươi tắn về cuộc sống và con người mà thiên nhiên trong thơ ông cũng được dệt bằng gam màu tươi sáng, khoẻ khoắn. Trước, con người trong thơ Huy Cận thường nhỏ bé, lẻ loi, chìm khuất trong vũ trụ, nay tư thế của con người là tư thế vươn lên làm chủ : "Ta hát bài ca gọi cá vào - Gõ thuyền đã có nhịp trăng sao",... Những "Mái rùng gió hắt - Chiều xuân đầy lời" thuở nào chỉ lấp ló trong *Lửa thiêng* giờ đã trở thành âm nhạc chủ đạo trong thơ Huy Cận. Đây là sự thay đổi rất cơ bản trong cái nhìn nghệ thuật của Huy Cận. Nó khiến cho mối gắn bó giữa con người với xã hội, tình yêu thương giữa con người với con người trong cuộc sống thường nhật đã trở thành bình diện quan trọng nhất trong thơ Huy Cận. Dường như viết về đề tài nào, Huy Cận cũng cố gắng làm nổi bật tính ưu việt của chế độ mới. Đặc biệt, ông có nhiều bài thơ hay về thiếu nhi.

Các tập *Hai bàn tay em, Phù Đổng Thiên Vương, Sơn Tinh – Thủy Tinh*,... của Huy Cận cho thấy óc quan sát tinh tế và tấm lòng đôn hậu của ông dành cho trẻ thơ. Rất có thể, chính vì giữ được cái nhìn đôn hậu ấy mà Huy Cận mãi là một thi sĩ đích thực.

Tuy nhiên, dù viết nhiều về hiện thực cuộc sống nhưng chất *suy tưởng* như một nét trội trong phong cách nghệ thuật của Huy Cận vẫn được duy trì và mở rộng khi nhà thơ nghĩ về lịch sử và thời đại. Một trong những bài thơ xuất sắc nhất của Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám là *Các vị La Hán chùa Tây Phương*. Bên cạnh những chi tiết tạo hình sống động về chân dung các vị La Hán, Huy Cận có những suy tưởng và bình luận rất sâu sắc về nỗi đau và sự bất lực của cha ông ta trong quá khứ :

*Mặt cúi mặt nghiêng, mặt ngoảnh sau
Quay theo tám hướng hỏi trời sáu
Một câu hỏi lớn. Không lời đáp
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau.*

Hiểu về những giọt nước mắt của quá khứ cũng là để tin yêu hơn cuộc đời mới hôm nay, đó là chủ ý của Huy Cận trong thơ. Khả năng liên tưởng phong phú và năng lực khái quát cao đã giúp Huy Cận có những câu thơ hay về đất nước trong trường kỳ lịch sử :

*Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững.
Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa
Trong và thật : sáng hai bờ suy tưởng
Sống hiện ngang mà nhân ái chan hoà.*

(Đi trên mảnh đất này)

So với thời *Lửa thiêng*, thơ Huy Cận sau Cách mạng gần gũi hơn với cuộc sống của nhân dân. Giờ đây, nhà thơ trái lòng với tất thảy mọi người, nhất là những số phận bất hạnh như khi gặp một chị diên, nghe tiếng sáo của một anh mù,... Bằng thơ, Huy Cận thành thực chứng minh rằng, xã hội mới hơn hẳn xã hội cũ bởi lòng nhân ái, sự vị tha của con người, và bởi "bài thơ cuộc đời" hôm nay đang tràn đầy hạnh phúc. Tuy nhiên, niềm tin ấy của ông đâu rất chân thành song có những lúc rơi vào dễ dãi. Cũng vì quá chú ý đến hiện thực, vì chất suy tưởng chưa sâu nên thơ Huy Cận nhiều khi thiếu đi sự tinh lọc cần thiết, và hệ quả, không ít bài thơ rơi vào tình trạng lặp lại, nhạt màu. Đó là lý do cốt lõi vì sao thơ Huy Cận sau này dù số lượng dồi dào nhưng trình độ kết tinh lại sút giảm.

Có thể nói, trong hành trình sáng tạo không hề mệt mỏi, Huy Cận đã gửi lại cho đời *Lời tâm nguyện cùng hai thế kỷ* bằng tiếng nói của riêng ông. Ông luôn giữ niềm tin sâu sắc vào tình yêu sự sống và sự tận hiến nghệ thuật của mình. Với ông, *nhân* là tình yêu, *quả* là những sản phẩm tinh thần cao đẹp. Đó cũng chính là quy luật về sự tái sinh trường cửu :

*Yêu mãi, yêu rồi, đâu hết yêu
Cuộc đời như miếng đất phì nhiêu
Trồng bao nhiêu vụ còn tươi tốt
Hạt gặt xong rồi, hạt lại gieo ;*

(Hạt lại gieo)

Đến nay, thơ Huy Cận đã vượt khỏi biên giới để đến cùng nhân loại với tập *Nước triều Đông* và *Thông điệp từ vùng sao và từ mặt đất*. Bản thân Huy Cận cũng vinh dự được bầu làm

Viện sĩ Viện hàn lâm Thơ thế giới. Mặc dù ở mỗi chặng đường, Huy Cận có một đóng góp riêng, nhưng tính nhất quán trong thế giới nghệ thuật của ông, có lẽ nằm ở cái nốt "la" mà Y-vơ-lin Phơ-rây (Yveline Feray) đã nhận thấy : "Mỗi bài thơ của anh cũng giống như những loạt hoà điệu (trong âm nhạc) tùy theo sắc thái tâm hồn của anh mỗi lúc, cũng tùy theo thời tiết nữa, gắn bó với thực tế của cuộc đời và gắn bó hơn nữa với vũ trụ, như là không mệt mỗi đêm đêm anh tìm cái nốt "la" để hoà điệu tất cả"⁽¹⁾. Bằng cái "nghiêng tai kỳ diệu" của một "linh hồn trời đất" Huy Cận đã kết nối những âm thanh của *vòm sao* và *mặt đất* để truyền đến người đọc tình yêu và niềm tin bất diệt về cuộc sống.

Không chỉ là một cây đại thụ thơ, Huy Cận còn thử sức trong nhiều thể loại khác nhau và ở mỗi thể loại, ông đều có những đóng góp đáng ghi nhận. Về văn xuôi, ông có *Kinh cầu tự*. Tập văn xuôi này có lúc được hiểu như sự lẩn tránh của nhà thơ vào cõi siêu hình. Nhưng nếu không bị vướng víu bởi cái nhìn ý thức hệ mà nhìn nó từ góc độ tư duy nghệ thuật, ta có thể nhận thấy vị lạ của tác phẩm này. Văn chương Việt Nam từ xưa rất ít cảm thức siêu hình, bởi thế, chút câu kỳ, khó hiểu trong *Kinh cầu tự* của Huy Cận hay chút siêu hình trong *Điệu tàn* của Chế Lan Viên, sự bí hiểm của *Xuân thu nhĩ tập*,... biết đâu chẳng mang lại một dư vị mới cho văn chương nước nhà ? Riêng với Huy Cận, *Kinh cầu tự* tuy không quá xuất sắc, nhưng cũng là một bằng chứng để người đọc nhìn thấy rõ hơn chất

(1) Chu Văn Sơn cũng nhận thấy "hoạ điệu" là yếu tố hết sức quan trọng trong cấu trúc thơ Huy Cận. Xem *Ngọn Lửa thiêng của Huy Cận*, tạp chí *Thơ*, số 1, 2008.

triết lý và màu sắc suy tưởng đã thực sự trở thành một phần máu thịt trong bản thể nghệ thuật của ông. Về phê bình văn học, Huy Cận gây được sự chú ý từ trước Cách mạng với bút danh Hán Quỳnh. Sau này, ông cũng là tác giả của nhiều tác phẩm nghiên cứu văn học và văn hoá khá sâu sắc như *Suy nghĩ về nghệ thuật*, *Suy nghĩ về bản sắc văn hoá dân tộc*,... Những bài luận về văn hoá của Huy Cận thường tập trung nói về tương quan giữa dân tộc và nhân loại như là những nhân tố quan trọng nhất trong cấu trúc văn hoá của mỗi quốc gia.

Theo thời gian, Huy Cận càng ngày càng chứng tỏ được rằng ông không chỉ là một nhà thơ lớn mà còn là một nhà văn hoá lớn, một nhà hoạt động xã hội xuất sắc. Những đóng góp của ông không chỉ có ích cho hôm nay mà còn mãi cho cả muôn sau. Tuy nhiên, thứ "của tin" sâu sắc nhất mà Huy Cận gửi lại vẫn là thơ ca. Trong cái gia tài thơ phong phú ấy, thật kỳ lạ, những thi phẩm có khả năng chạm tới sự trường cửu của nghệ thuật lại chính là những bài thơ được Huy Cận khởi bút từ tuổi đôi mươi. Có lẽ, vì ngày ấy, Huy Cận đã đến với thơ bằng tất cả sự rung động sâu sắc của tình đầu. Tôi nghĩ, biết đâu đây chính là yếu tố quan trọng nhất giữ cho *lưu* thơ Huy Cận mãi còn *thiêng*...

Hà Nội, cuối thu 2008

PGS. TS. NGUYỄN ĐĂNG DIỆP

LỬA THIÊNG

Là tập thơ đầu tay của Huy Cận, "*Lửa thiêng*" (NXB Đời nay, 1940) gồm 50 bài với lời đề tựa của Xuân Diệu và sự trình bày của họa sĩ Tô Ngọc Vân. Đây là một trong những tập thơ xuất sắc nhất của phong trào Thơ mới. Trong sâu thẳm nỗi buồn "áo nã" Huy Cận, ta vẫn nhận thấy niềm khát khao chia sẻ với cõi đời và cõi người của nhà thơ. Giá trị nhân bản và tính nghệ thuật sâu sắc đã khiến cho "*Lửa thiêng*" trở thành tập thơ mang tầm vóc thế kỷ.

TRÌNH BÀY

Tôi sẽ đến trước mặt Người, Thượng đế !
Để kêu than, khi tôi đã lìa đời ;
Khi lá rụng, và hồn tôi đã xế
Sang bên kia thế giới của loài người.

Trước Thượng đế hiền từ tôi sẽ đặt
Trái tim đau khổ héo thượt trần gian.
Tôi sẽ nói : "Này đây là nước mắt,
Ngọc đau buồn, nguyên khối vẫn chưa tan.

Người biết đấy, lòng tôi trong trắng lắm,
Người cho sao tôi giữ vậy, như gương ;
Mặt trời đẹp, sắc đời đua nở thắm,
Tôi đã dành mang nặng nghiệp yêu thương.

Từng bước lạnh teo, một mình lủi thủi,
Tin ngậy thơ : hồn sẽ hiểu qua hồn ;
Tôi đâu biết thịt xương là sông núi
Chia biệt người ra từng xứ cô đơn.

Cả linh hồn tôi đem cho trọn vẹn ;
Vốn nhà nghèo không quen thói bán buôn,
Đến những kẻ mới vờ duyên hứa hẹn,
Tôi cũng cho trọn vẹn cả linh hồn.

Đầu gối rã, tôi đứng chờ đã mệt ;
Tôi trông mong hai mắt tối đen rồi.
Tôi đã khóc những đêm sâu đến chết
Thuở trần gian ; – xin Thượng đế thương tôi.

Tuổi non dại lòng tôi say mẩn bạn,
Khi thanh xuân, tôi mỗi chạy theo tình
Nhưng cô độc đã thấm ghi trên trán,
Lòng lạc loài ngay từ thuở sơ sinh.

Lòng tôi đây, trọn một đời thương nhớ ;
Hồn tôi đây, thiên hạ bỏ điu hiu ;
Người nhìn xem, chân tôi muôn dấu rõ
Thùng gai đời, đây tay với tình yêu.

Hỡi Thượng đế ! Tôi cúi đầu trả lại
Linh hồn tôi đã một kiếp đi hoang.
Sầu đã chín, xin Người thôi hãy hái !
Nhận tôi đi, đầu địa ngục, thiên đường”.

Rồi tôi khóc, và đầu tôi ngã gục,
Mắt tôi mờ, và tay của tôi xuôi,
Không biết nữa, thiên đường hay địa ngục ;
– Quên, quên, quên đã mang trái tim người.

THÂN THỂ

Hỡi Thượng đế !

Người nhìn xem, Người đã cho thân thể
Bình thịch xương để đựng chứa linh hồn.
Người đã cho những bàn tay hoa nở,
Những cây chân, chồi mạnh búp tơ măng,
Người thu góp gió mây trong miệng thở,
Nơi mắt ngời, Người gửi ánh sao trăng ;

Mắt sâu sáng thấp đèn soi vũ trụ,
Và tai rền thu cất nhạc không gian ;
Và tơ tóc ướp vạn mùa hương ủ,
Và ngực vang ngân điệu nhịp hoàn toàn ;

Và cổ đứng như mình cây vững chãi,
Và vai ngang như mặt nước xuôi dài :
Hỡi Thượng đế, Người công phu biết mấy !
– Nhưng một sâu nung núp giữa lâu đài.

Nghìn yếu đuối theo sau nghìn yếu đuối,
Bước ngày mai sẽ chống dấu hôm nay.
A ! Thân thể ! Một cái bình tội lỗi !
Đất sơ sinh đã hoá lại bùn lầy.

Xương với máu có bao giờ mỏi mệt,
Miệng bao giờ buông nhả vú cay chua !
Thân không chán đau, ngực sâu thờ chết,
Tay bồng thân, và tay nữa ôm mồi.

Xin thương lấy những mầm khô, trứng đập ;
Những thân teo, xin Thượng đế dung thương !
Thân quá nặng nên hồn sa xuống thấp,
Chớ giận chi những kẻ mất thiên đường !

Nếu Chúa biết bao nhiêu lòng hốt hoảng
Trong sâu đen đã gãy cánh như dơi ;
Nếu Chúa biết bao nhiêu dòng lệ đắng
Chảy như sông, không rửa sạch sầu đời ;

Nếu Chúa biết bao nhiêu hồn ly tán
Vì đã nâng bình lửa áp lên môi ;
Thì hẳn Chúa cũng thẹn thùng hối hận
Đã sinh ra thân thể con người.

BUỒN

Đã chày về đâu những tuổi xưa ?
Đâu cơn yêu mến đến không chờ ?
Tháng ngày vùn vụt, phai màu áo
Của những nàng tiên mộng trẻ thơ.

Rụng những chùm tên máy độ bông ;
Phai hàng nhật ký chép song song ;
Chàng trai gởi mộng trên trang sách
Tỉnh thức, mùa xuân rụng hết hồng.

Đời mát về đâu, hơi tháng, năm ?
Xuân không mọc nữa với trăng rằm !
Chẳng bao lâu ngủ sâu trong đất,
Vĩnh viễn mùa đông lạnh chỗ nằm.

Nay hăng còn dây ấm mặt trời,
Mà sao lòng lạnh tuyết băng rơi ?
– U sầu chắc hẳn đang nhanh bước,
Lung khộm nghìn năm đến cửa tôi.

BUỒN ĐÊM MƯA

Tặng Khái Hưng

Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la...
Tai nường nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn.
Nghe đi rồi rạc trong hôn
Những chân xa vắng đậm mồn lẻ loi...
Rơi rơi... dịu dịu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nổi lời vu vơ...
Tương tư hướng lạc, phương mờ...
Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe.
Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư...

TRÔNG LÊN

Nằm im dưới gốc cây tơ,
Nhìn xuân trải lụa muôn tờ lá non.
Gió se dòng mộng tuôn dòn,
Đem theo hương vị đời ngon ngàn đời,

Gió đưa hơi, gió đưa hơi,
Lá thơm như thể da người : lá thơm...

 Da chiều mới tỏ sao hóm
Màu thanh thiên đã và ôm giữa hôn
 Giữa trời hình lá con con
Trời xa sắc biển, lá thon mình thuyền.
 Gió qua là ngọn triều lên
Hiu hiu gió đẩy thuyền trên biển trời.

 Chờ hôn lên tận chơi vơi
Trâm chèo của Nhạc, muôn lời của Thơ.
 Quên thân như đã quên giờ
Tê mê cõi biếc bến bờ là đâu.

XUÂN

 Luống đất thơm hương mùa mới dậy,
 Bên đường chân rộn bước trai tơ.
 Cây xanh cành đẹp xui tay với :
 Sông mát tràn xuân nước đậm bờ.

Ồ những người ta đi hóng xuân.
Cho tôi theo với, kéo tôi gần !
Rộn ràng bước nhịp hương vương gót,
Nhựa mạnh tuôn trào tưởng dính chân.

Bất gặp màu tươi lên rún rầy
Trong cành hoa trẻ, cổ chim non.
– Có ai gợi ý trong xuân cũ,
Đất nở muôn xuân vẫn chẳng mòn.

TÌNH TỰ

Sáng hôm nay hôn em như tú áo,
Ý trong veo là lượt xếp từng đôi.
Áo đẹp chưa anh ! Hoa thắm thêu đời,
Áo mơ ước anh bận giùm chiếc nhé.
Vàng rạng cùng xanh, hồng cười với tía,
Xin mời anh chọn hình sắc yêu đương.
Hôn em đây đủ muôn ánh nghề thường,
Anh hãy bận hôn em màu sáng chói.

Anh có biết hôm nay là ngày hội
Của lòng ta. Em trần thiết, trang hoàng.

Anh đã về ; em nghe dưới chân vang
Hoa lá nở với chuông rền giọng thắm.
Thuở chờ đợi, thời gian rét lạnh,
Đời tàn rơi cùng sao rụng canh thâu ;
Và trăng lu xế nửa mái tình sầu.
Gió than thở biết mấy lời van vi ?
Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ,
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa.
Yêu giữa đời mà hồn ở trong mơ,
Tình rộng quá, đời không biên giới nữa,
Đáy cửa mộng lòng em, anh hãy mở.
Màu thanh thiên rời rợi, gió long lanh :
Hồn nhớ thương em dệt áo dâng anh.

ĐI GIỮA ĐƯỜNG THƠM

Tặng Thạch Lam

Đường trong làng : hoa dại với mùi rom...
Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm,
Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng.

Đất thêu nắng, bóng tre rồi bóng phượng
Lần lượt buông màn nhẹ vướng chân lâu :

Lên bề cao hay đi xuống bề sâu ?
Không biết nữa. – Có chút gì làm ngợp
Trong không khí... hương với màu hoà hợp...

Một buổi trưa không biết ở thời nào,
Như buổi trưa nhẹ nhẹ trong ca dao,
Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ,
Mà đôi lúa đứng bên vườn tình tự.
Buổi trưa này xưa kia ta đã đi,
Phải cùng chàng ? Lòng nhớ rõ làm chi !
Chân bên chân, hôn bên hôn, yên lặng,
Người cùng tôi đi giữa đường rải nắng,
Trí vô tư cho da thờ hương tình.
Người khẽ nắm tay, tôi khẽ nghiêng mình
Như sắp nói, nhưng mà không ; – khóm trúc
Vừa động lá, ta nhận vào một lúc
Cả không gian hôn hậu rất thơm tho ;
Gió đưa hương mùi, dịu dịu phát phơ...

Trong cảnh lặng, vẫn đưa mùi gió thoảng...
Trí băng quơ nghĩ thoảng nhưng buồn nhiều :
"Chân hết đường thì lòng cũng hết yêu".
Chân đang bước bỗng e dè đứng lại
– Ở giữa đường làng, mùi rơm, hoa dại...

VÔ VÊ

Tỉnh dậy lòng ơi, ê chề hãy tỉnh !
Gà gáy mai đem sức lại cho đời.
Quên chua cay, hãy tỉnh dậy lòng ơi !
Chớ ảo não, chán chường không phải lẽ.
Ngày về đó, đậm đà và mới mẻ ;
Sương buông thưa, hứa hẹn gió hiền lành.
Nghe mạch đời đang thao thức âm thanh...
Và nhạc sống vẫn âm thầm tiến tới...
Thơm tho quá, lòng ơi, vườn mới xới,
Vấn vợ thơm như mùi của tơ duyên ;
Làm nũng chi với hạnh phúc bình yên !
Chim hót đó ; sao lại ngờ số mệnh ?

Rắn rỏi chút với vài ba dự định,
Yên vui đi cùng thương mến ít nhiều.
Hàng ngày qua, buồn khổ cũng qua theo,
Đời vẫn đến ở dưới trời rộng mở.
Nếu mai một theo ngô lầy quá khứ,
Nỗi nhác lười sẽ mục hết thanh niên.
Và nhất là đừng cúi mặt đi bên ;
Chớ buông thả hết cả lòng kiêu hãnh.

Hãy tinh lòng ơi, é chề hãy tỉnh !
Tim Sớm Mai mà xin một nụ cười !
Nghe : bên tường, vội vã một đàn dơi
Thâu bóng tối cuối cùng trong cánh lớn.

CHIỀU XUA

Buồn gieo theo gió veo hồ,
Đèo cao quán chật, bến dò lau thưa.

Đón xa quàn quại bóng cờ,
Phất phơ buồn tự thưở xưa thổi về.

Ngàn năm sực tỉnh, lê thê
Trên thành sơn nhật. – Chiều tê cúi đầu...

Bờ tre rung động trống châu,
Tường chình còn vọng trên lầu ải quan.

Đêm mơ lay ánh trăng tàn,
Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống đồn.

ĐẸP XUA

Tặng Tô Ngọc Vân

Ngáp ngừng mép núi quanh co,
Lưng đeo quán đựng, mưa lò mái ngang...
Vì vu gió hút nẻo vàng ;
Một trời thu rộng mấy hàng mây nao.

Dừng cương nghỉ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon...

Đi rồi, khuất ngựa sau non ;
Nhỏ thưa tràng đặc, tiếng còn tịch liêu...
Trơ vợ buồn lọt quán chiều,
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người.

HỌC SINH

Tặng Tu Mơ

Gió thổi sân trường chiều chú nhật ;
– Ôi ! Thời thơ bé tuổi mười lăm,
Năng học rải nhật hoa trên đất,
Đời dụi vờ như nguyệt trước rằm.

Bốn vách nghiêm trang tiếng đọc bài,
Đầu xanh dẫm chực, nét văn khôi.
Chiều xuân chim sẻ vô trong lớp,
Ông giáo trông lên ; chúng bạn cười.

Lén mắt thầy xem lại bức thư
Của người có họ, chú hiền từ.
Bàn tay vợ vẫn đưa trang sách,
Mộng tưởng phiêu lưu bức địa đồ.

Đôi guốc năm hiên kéo bốn mùa,
Tiền nhà ít gửi, biết chi mua !
Áo dài cọ mãi đôi tay rách,
Gương lược thâm hoài tóc ngắn thưa.

Chủ nhật nhiều khi chán nản ghê,
Xung xăng sân bóng chạy tư bề –
Bên vườn ông đốc dâm hoa nở,
Đêm tới mau mau hái trộm về.

Lên gác yên tâm nghĩ sự đời,
Hương nồng quanh gối vẫn vợ chơi.
Giường bên cửa sổ, cây đưa mát,
Không chịu mùng che để gió trời.

Họ sống bình yên, bước lặng thinh,
Không nghe hoa bướm gọi bên mình.
Hững hờ đi giữa hương yêu mến,
Chân bước chưa khi rộ ái tình.

Vậy đó bỗng nhiên mà họ lớn,
Tuổi hai mươi đến, có ai ngờ !
Một hôm trận gió tình yêu lại :
Đứng ngẩn trông vời áo tiểu thơ.

TỰ TRƯỜNG

Tặng em Triệu

Giờ nao nức của một thời trẻ dại !
Hỡi ngói nâu, hỡi tường trắng, cửa gương !
Những chàng trai mười lăm tuổi vào trường,
Rương nhỏ nhỏ với linh hồn bằng ngọc.

Sấp hạnh phúc như chương trình lớp học,
Buổi chiều đầu họ tìm bạn kết duyên ;
Trong sân trường tưởng đạo giữa Đào viên ;
Quân áo trắng đẹp như lòng mới mẻ.

Chân non dại ngập ngừng từng bước nhẹ ;
Tim run run trâm tình cảm rứt rề ;

Tuổi mười lăm gấp sách lại, đứng nghe
Lòng mới nở giữa tay đời ấm áp.

Tụ trường đó ; lòng tôi vừa bắt gặp
Nỗi xôn xao thâm lặng ở trong rương
Của chàng trai mười lăm tuổi vào trường,
Mắt tin cậy và tóc vừa dưỡng rẽ⁽¹⁾.

Người bạn nhỏ ! Cho tôi lòng theo ghé !
Không nổi gì có thể vượt ve hơn
Đêm tụ trường mùi cửa sổ mới sơn.
Tú mới đánh, và lòng trai thơm ngát.

TIỄN ĐUA

Chân rộn, lòng đau xé ;
Tay buông, dáng nảo nùng.
Đứng dừng trông mắt lệ.
Đi : bắc cầu nhớ nhung.

Người xa, buồn lại gần.
Tai nặng lời giao thân.
Ngã ba tà áo lặn...
Dặm trường thương cố nhân.

(1) *Dưỡng rẽ* (có lẽ từ địa phương) : ý nói rẽ tóc, chải tóc, chăm chút tóc cho đẹp.

Gió về, chiều sẽ kể...
Bước chậm tường gần người...
Cây dài lung bóng xế.
Sương sâu gieo xuống vai.

EM VỀ NHÀ

Thôi sáng hung rồi ; em hãy đi
Tự nhiên em nhé ; chớ buồn chi,
Suốt ngày nhắc nhở em từng phút,
Anh đoán thuyền em đến bến gì.

Này lúc bên đường bóng đứng trưa,
Thuyền em qua thác sóng xô lùa.
Sông êm, bãi cát con cò đứng :
Khỏi vực, lòng em hết sợ chưa ?

Tới ngã ba sông, nước hỗn bẽ.
Nửa chiều gà lạ gáy bên đê.
Làng xa lặng lẽ sau tre trúc :
Bến cũ thuyền em sắp ghé về.

Khi bóng hoàng hôn phủ núi xa,
Khi niềm tơ tưởng vương chân, và
Khi không cảm được, anh ngồi khóc :
Ấy lúc em tôi đã tới nhà.

TRĂNG GIANG

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

H.C

Tặng Trần Khánh Giu

Sóng gợn trăng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả ;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Năng xuống, trời lên sâu chót vót ;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo dạt về đâu hàng nối hàng ;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật.
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao dùn núi bạc...
Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn với con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

THUYỀN ĐI

Trăng lên trong lúc đang chiều,
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên.
Thuyền đi, sông nước ưu phiền ;
Buồm treo rắng đỏ giông miền viễn khơi.

Sang đêm thuyền đã xa vời ;
Người ra cửa biển, nghe hơi lạnh buồn.
Canh khuya tanh vắng bên cồn,
Trăng phơi đầu bãi nước đôn mênh mang.

Thuyền người đi một tuần trăng,
Sâu ta theo nước, tràn giang lững lờ.
Tiễn đưa đôi nướ⁽¹⁾ đợi chờ –
Trông nhau bữa ấy ; bây giờ nhớ nhau.

(1) *Đôi nướ* : *dôi* : thừa, đôi ra ; *nướ* (trong tiệc nướ). Nghĩa cả câu : tiễn đưa niềm tiếc nướ, lưu luyến, đợi chờ vẫn còn.

VẠN LÝ TÌNH

Người ở bên trời, ta ở đây ;
Chờ mong phương nọ, ngóng phương này.
Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm,
Vạn lý sáu lên núi tiếp mây.
Nắng đã xế về bên xứ bạn ;
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy.
Trông về bốn phía không người nhớ,
Dời động hoàng hôn thấp thoáng bay.
Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt,
Xa nhau chỉ biết nhớ vui ngày.
Chiếu chơn không ấm người nằm một –
Thương bạn chiều hôm, sáu gối tay.

GÁNH XIẾC

Có chàng ngơ ngác tựa gà trống,
Em đến trăm năm còn trẻ thơ ;
Tám tuổi một chiều trong rạp xiếc
Yêu nàng cười ngựa uôn thân tơ.

Điệu kèn rộn rịp nâng chân ngựa
Nhịp với lòng trai mở cánh yêu.
Nhạc buồn thu – chớ hồn đường sá ;
Lăn với hùm, voi : gái lệ kiêu.

Gái lệ kiêu đi với ngựa, voi ;
Về nhà, đứa bé vẫn đùa chơi
Nhưng lòng trẻ đã theo đoàn xiếc
Xếp với màn to của rạp đời.

Gánh xiếc đi qua chỉ một lần,
Bây giờ có lẽ đã chia tan...
– Và nàng cưới ngựa đâu rồi nhỉ ?
Ngỡ gác chàng trai tự hỏi thăm.

DẤU CHÂN TRÊN ĐƯỜNG

Ai biết đường kia dậm⁽¹⁾ mấy lần ?
Gió vừa thổi lạc dấu muôn chân.
Làm sao góp lại nâng xem thử
Những bước vu vơ xa lại gần.

(1) *Dậm* : bước (đi).

Thời đã tan rồi vụn gót hương
Của người đẹp tới tự trăm phương.
Tan rồi những bước không hò hẹn
Đã bước trùng nhau một ngã đường.

Cây mở cành xanh, nghiêng lá phôi ;
Bụi gico trên lá, dội nên lời
Bâng khuâng kể lại bao câu chuyện
Của những bàn chân rỗ dấu đời.

Đã vậy bao lần rồi thế nhỉ ?
Và sau này nữa, dấu chân ai
Sẽ ghi rồi xoá trên đường bạc
Mỗi lúc trời đau gió thổi dài.

THU

Hôm qua thu mới về
Với một cành hoa gầy,
Sương nặng gieo đầu tre,
Lạnh tràn theo gió đẩy.

Thu tới trong vườn bên ;
Ngộ ngàng màu cúc mới,
Đêm qua bên láng giếng,
Êm tựa nhàn, thu tới.

Cô gái nhỏ thung dung
Qua miếng vườn hoa nhỏ.
Đất nằm im dưới cỏ.
Hoa tạ màu nhớ nhung.

HOA ĐIỀU

Vàng đẹp quá, giăng tơ và xối chí ;
Trời mênh mông nên rất đổi nhớ nhung ;
Chiều buồn buồn giữa hương sắc tung bùng
Như nắng xế nằm trên gương mờ thủy.

Chiều nơi hôn, và nơi trời, ý nhị ;
Choáng tương tư, gió rộng vương cành sây.
Vườn hân hoan muôn vạn nổi đàn bày,
Của nhựa mạnh thành tơ trong lá mới.

Bước so sánh những nỗi lòng phấn khởi,
Ở nơi kia từng lúa bạn trẻ trung
Đi bài đàn bóng bột của đời chung.
Thắm xuân ý trong nhịp người nhún nhảy.

Chân cây đứng, và chân người qua đấy,
Bóng chân người xen giữa bóng chân cây ;
– Vườn hân hoan muôn vạn nỗi đàn bà
Của nhựa mạnh thành tơ trong lá mới –

Chiều thịnh trị : ngày xiêu nhưng nắng phớt,
Cây không đi mà tình cũng nghiêng nghiêng :
Cây với người xưa có lẽ lảng giềng,
Đấy đó cũng ngàng đầu lên kiếm Gió.

Em ơi ! Chiều dương hoạ điệu vàng tơ...

NHỚ HỒ

Lâng lâng chiều nhẹ ghé muôn tai ;
Trong bóng chiều như mờ tiếng ai,
Thổi lạc hương rừng cơn gió đến –
Bằng khung trời rộng nhớ sông dài.

Ôi ! Nàng vàng sao mà nhớ nhung !
Có ai đàn lé để tơ chùng ?
Có ai tiễn biệt nơi xa ấy
Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...

Cây nặng. Hoa rơi cánh đợi chờ.
Chiều đi, ở lại mộng bơ vơ.
Thoảng vòng tóc gió qua bên má,
Khiến động làn da rợn ý sờ.

HỒN XA

Tặng Thế Lữ

Thuở xưa, Chúc Nữ buồn sông Ngân,
Có kẻ ngồi thương ở dưới trần ;
Chạnh nỗi tương tư khôn giải tỏ,
Muôn sao bằng bạc sâu không gian.

Tự buổi tiên đi, sâu cũng nhỏ,
Nhân gian thôi nhớ chuyện trên trời ;
Đại bàng vỗ cánh muôn năm trước,
Ai biết trời xưa rộng mấy khơi !

Bích Câu đâu nữa bóng chàng Uyên ?
Sông núi thô sơ bật tiếng huyền.
Có lẽ hồn ta không đẹp nữa,
Nét thân thời hoạ bức thiên duyên.

Giấc mộng Minh Hoàng không trở lại,
Trăng ôi ! Ai chép nhạc Nghê Thường ?
Cõi đời cúi mặt quên xa biếc,
Đi hết thời gian, không nhớ thương.

TRÒ CHUYỆN

I

Chiều lại xuống ở trên lầu cô tịch ;
Chờ thi nhân đã chết tự ngàn xưa
Nói chuyện cùng. – Chiều không nắng, không mưa,
Không sương gió, chỉ có sâu vạ thuở.
Đời hiu quạnh, thời gian nghiêng bóng nhớ,
Phố không cây thối sáu biếc bao chùm !
Chỉ mơ hồ trùng điệp với mộng lung,
Buồn vạ lớp trên mái nhà dợn sóng.

II

Nghìn năm trước thưở các người mơ mộng,
Yêu trăng sao vào thương nhớ gió mây,
Mê giai nhân, liễu mảnh, với hồ đầy,
Màu năm tháng cũng ngậm ngùi thế nhí.
Cùng một hận chuyện nhau từng thế kỷ
Thì về đây, hỡi thi sĩ muôn xưa !
Chiều hiu hiu kêu gọi nhớ nhung hờ,
Câu tâm sự gọi duyên người kim cổ.

III

Em chiêu niệm các anh, hôn rạn lửa,
Đuốc muôn sao đã tắt ở mặt trời.
Hãy về đây hỡi thi sĩ muôn đời,
Đời lạnh thế, mình em sao chịu nổi.
Trời ! Áo nã những chiều buồn Hà Nội,
Hôn bơ vơ không biết tựa vào đâu ;
Mây không bay, thương nhớ cũng không màu,
Nắng không xé và lòng sâu mất hướng.

GIÁC NGỦ CHIỀU

Tặng Hoàng Đạo

Thức dậy, nắng vàng ngang mái nhật,
Buôn gico theo bóng lá đung đưa
Bên thềm. – Ai nấn lòng tôi rông,
Cho trái mênh mông buồn xế trưa.

Than ôi ! Trời đẹp nhưng trời buồn,
Như cánh tươi màu rập cái lương.
Tôi đội tang đen cùng mũ trắng,
Ra đi không hẹn ở trên đường.

Rưng rưng hoa phượng màu thương nhớ ;
Sơn đậm bên thành mệt sắc xưa ;
Cánh rục đòi cơn rơi lối đó,
Bên chân ghi động dấu bao giờ.

Không khí vờn xoay, mông rã tan ;
Trông như tim đã cũ muốn vãn.
– Thâu qua cái ngấp dài vô hạn
Hình ảnh lung linh vũ trụ tàn.

CÁCH XA

Lời chẳng giao lời, tay lạ tay,
Tấc gang cách trở nhớ muôn ngày.
Cô sáu dựng núi lên cao ngất ;
Những cặp chim hôn lạc hướng bay.

Tôi đứng bên này cửa Khổ đau,
Bên kia người đạo, biết chi sâu.
Doc đời rải rác muôn ga đón,
Khó nổi ngồi chung một chuyến tàu.

Cũng chẳng dò xem gió ngược xuôi ;
Lời đi không cốt gặp tai người.
Quá buồn nên muốn yên người chút,
Tôi nói lòng ra để tự cười.

TÌNH MẮT

Ôi ! Những kẻ tôi chỉ chào một bận,
Chân xa mau, lòng chưa kịp giao thân,
Trên đường tôi nếu trở lại vài lần,
Chắc ta đã yêu nhau rồi. – hẳn chứ...

Một lời nói nếu có gan ươm thù ;
Một bàn tay đừng lương lự trao thơ ;
Một lúc nhìn thêm, đôi lúc tình cờ,
Chắc có lẽ đã làm nên luyện ái...

Yêu biết mấy nếu có lần gặp lại !

Tôi vụng về, tôi ngỡ ngác, nên chi
Người bên tôi mà tôi để người đi,
Tôi làm nũng, quyết giữ lòng kiêu hãnh ;
Người ở đó, tôi làm như ghè lạnh ;
Người đi rồi, thôi mong mới gì đâu !
Những bàn tay đáng lẽ phải giao nhau,
Hờ hững thế ! Không chịu cầm lưu luyện.

Ôi ! Những kẻ cùng tôi không hứa hẹn !
Người không quen nhưng tôi chắc sẽ yêu ;
Mặt vừa nhìn mà chân đã muốn theo ;
Tình mới chép một hai dòng nhật ký :
Tên viết tắt, tin rằng lòng nhớ kỹ
Bạn một hôm đi đến rất tình cờ ;
Tình quên đi ở trong những bức thơ
Viết không gửi, xếp nằm trong sách cũ :
Ôi ! Bao kẻ chỉ một lần gặp gỡ !
Bởi vì sao lòng tôi rất thương đau
Khi nghĩ thăm : "Nếu ta đã gần nhau !.."

NHẠC SẦU

Tặng Nguyễn Giu Trí

Ai chết đó ? Nhạc buồn chi lắm thế !
Chiều mố côi, đời rét mướt ngoài đường ;
Phô điều hiu màu đá cũ lên sương.
Sương hay chính bụi phai tàn lá tả ?
Tùng tiếng lệ : ấy mộng sầu úa lá.
Chim vui đâu ? Cây đã gãy vài cành.
Ôi chiều buồn ! Sao nặng quá mong manh !
Môi tái nhạt nào cười mà héo vậy !

Ai chết đó ? Trục xoay và bánh đẩy,
Xe tang đi về tận thế giới nào ?
Chiều đông tàn, lạnh xuống tự trời cao,
Không lửa ấm, chắc hồn buồn lắm đó.
Thê lương vậy mà ai đành lia bỏ
Trần gian sao ? Đây thành phố đang quen,
Nhưng chốc rồi neo vắng đã xa miền
Đường sá lạ thôi lạnh lòng biết mấy !

Và ngựa ơi, đi nhịp dầm chớ nhảy
Kéo thân đau, chưa quên nệm giường đời.
Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi,
Chớ quay lại nửa đường mà làm tui

Người đã chết – Một vài ba đầu cúi,
Dăm bày lòng thương xót đến bên mộ
Để cho hồn khi sắp xuống hư vô
Còn được thấy trên mặt người ám áp
Hình dáng cuộc đời từ đây xa tắp.

Xe tang đi, xin đường chớ gập ghềnh !
Không gian ôi, xin hẹp bớt mông mênh,
Áo nào quá trời buổi chiều vĩnh biệt !
Và người nữa, tiếng gió buồn thê thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.
Hàng cờ đen là bóng qua chập chờn
Báo tin xấu, dẫn hồn người đã xé...

Ai chết đó ? Nhạc buồn chi lắm thế !
Kèn đám ma hay ấy tiếng đau thương
Của cuộc đời ? Ai rút tự trong xương
Tiếng nức nở gửi gió đường quanh quẽ !
Sâu chi lắm trời ơi ! Chiều tận thế !

NGÂM NGŨI

Năng chia nửa bãi ; chiều rồi...
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rêu.

Sợi buồn con nhện giăng mau ;
Em ơi ! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.
Lòng anh mở với quạt này ;
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.
Ngủ đi em, mộng bình thường !
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...
Cây dài bóng xế ngán ngơ...
– Hồn em đã chín mấy mùa thương đau ?
Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi...

Ê CHÈ

Tôi lại mĩa mai rồi.
Sao mà buồn thế ấy !
Xuôi đường, mây nước trôi,
Bỏ lại lòng ta vậy.

Đôi tay không tín mộ
Chi lạc hướng thiên đường.
Linh hồn tôi goá bụa,
Đơn chiếc giữa đau thương.

Mong trốn tránh bờ vờ,
Tôi đem tình bán rẻ
Cho vạn khách thờ ơ –
Và lòng tôi đã ế.

Một chiếc linh hồn nhỏ :
Mang mang thiên cổ sầu.
– Những nàng tiên dần chết ;
Mơ mộng thuở xưa đâu ?

XUÂN Ý

Đêm vừa nhẹ, gió vừa mơn,
Cây chen ánh nguyệt trái vờn bóng xanh.

Khuya nay, mùa động đáu cành ;
Đồng trăng lục nhạt ; vàng thanh lối gán.

Trăng êm cho gió thanh tân ;
Hương rừng tỉnh dậy ái ân xuống đồng.

Đêm say không khí say nồng,
Nghìn cây mở ngọn, muôn lòng hé phôi...

Khuya nay, trong những mạch đời,
Máu thanh xuân đây thức người héo hon.

Ngón tay tương búp xuân tròn,
Có người ra dạo vườn non thần thờ.

LỜI ĐI

Đi rất êm, bước êm nữa, người ơi !
Tiếng động gần, dư thanh gọi xa xôi...

Phòng yên tĩnh, chớ làm phòng vắng vẻ !
Hồn mới lìm dim, bước giùm nhẹ nhẹ.

Hé cửa vào, nín cành lá qua song
Cho bóng xuống mi, cho bóng xuống lòng.

Tại ẽ chế chỉ vừa nghe gió lạ,
Trí mệt mỏi, buông chi lời nói lạ !

Ru cho tôi ngủ dưới bóng mi người ;
Nhìn tôi đi, xin miệng thắm cứ cười...

Trong giấc đẹp sẽ thấy trời mở rộng,
Không gian hồng, đời nhuộm màu hy vọng.

Tôi sẽ giơ tay để đón rước Đời.
Đón giúp cho đôi tay ngẩn chơi vơi...

Nhưng phòng rất vắng, bước giẫm nhẹ nhẹ :
Hồn yên tĩnh, chớ làm hồn quạnh quẽ...

Đi rất êm, bước êm nữa, người ơi !
Với lòng buồn xin chớ gọi Xa Xôi...

KHUNG TÌNH

Hoàng hôn mù xuống nặng
Gió sông buồn, em ơi !
Nhà em đâu phố lặng,
Ba ngõ, bốn bề trời.

Gân gùi già mong nhau.
Tắc gang càng tưởng nhớ.
Phố trước với đường sau :
Ấy nơi lòng gặp gỡ.

Anh đến ơi ! Chờ đợi.
Em ra ô ! Ngóng trông.
Em nói và anh nói ;
Đôi tay giao đôi lòng.

Yêu nhau, tình dễ vậy
– Cuộc đời khó khăn đâu ! –
Bên nhà, sông nước chảy.
Bên sông, lặng bóng lâu.

Anh biên lời để lại,
Dặn dò khách sau đây :
"Đầy tình yêu đóng trại ;
"Duyên lành, đôi lứa may.

"Ai yêu xin mời đến.
"– Tình yêu không có nhà.
"Nhưng nơi lòng hò hẹn
Nghìn năm một cảnh mà –".

Có người đọc thơ anh
Sẽ tìm theo địa chỉ.
Ta giao lại khung tình
Cho đời sau, em nhỉ ?

Nhà em ba ngõ lắm !
Lòng anh một hướng thôi !
– Nhớ em ngồi biên nhảm.
Ôi tình yêu vẽ vời !

ĐIỆU BUỒN

Mưa rơi trên sân.
Mái nhà nghiêng dần...
Ôi buồn trời mưa !

Nhìn trâm sao buồn
Của mưa trên sân...
Ôi lòng buồn chưa !
Đêm sa xuống gần.

Biết sao nói năng.
Nhớ chi bâng khuâng.
Cửa the gió rình ;
Vườn cau nước dâng.

Mưa rơi đều đều
Trên từng ngói kêu,
Trên từng ngói vang...

Trên từng ngói xanh
Lệ rêu muôn hàng.

QUANH QUẢN

Quanh quản mãi giữa vài ba dáng điệu
Tối hay lui vẩn chùng áy mặt người
Vi quá thân nên quá đổi buồn cười.
Mời nhắc lại chi có ngán ấy chuyện.

Đời nhạt tẻ như tàu không đổi chuyển !
Đứng xem ngoài hay quay gót nhìn trong
Cũng thuộc rồi bàn ghế ở trong phòng,
Và trong đó : những hồn quen biết quá !

Đời nghèo thế ! Không dành tôi chút lạ...
Đèn ai ăn cũng hết cả đợi chờ ;
Và mỗi ngày sau những giấc ngủ trưa,
Mùng buông xuống không che sấu vũ trụ.

À ! Thế đấy, chốn hằng ngày cư trú.
Ván bài đời may mắn chỉ ù sông.
Ôi ! Tâm tư ngán giữa bốn bờ tường,
Chờ gió mới, nhưng cửa đều đóng kín !

CHIỀU XUÂN

Xuân gọi tràn đầy
Giữa lòng hoan lạc,
Trên mình hoa cây...

Nắng vàng lạt lạt –
Ngày đi chầy chầy...

Hai hàng cây xanh
Đám chồi hy vọng...
Ôi duyên tốt lành !

Én ngàn đưa vông –
Hương đồng lên hanh.

Kê bên đường mòn
– Mùa đông đã tạnh –
Có mọc bờ non...

Chiều xuân tươi mạnh –
Gió bay vào hồn.

Có bàn tay cao
Trút bình âm dịu
Từ phương xa nào...

Người cô yếu điệu
Nghe mình nao nao...

Nhạc vờn lên trời ;
Đời mãng đang đây
Tung bùng muôn nơi...

Mái rùng gió hấy –
Chiều xuân đây lời.

MƯA

Mưa giông buồn sợi xuống lời lời,
Lạnh của không gian thấm xuống người.
Rơi rớt về đây muôn hướng gió ;
Lòng sáu vạn dặm gió mưa phơi.

Hiu hắt đây tôi giữa xứ hờ,
Ý buồn tự kể mộng băng quơ.
Tương tư thấp thoáng sau khe cửa,
Tuy chẳng mong ai cũng đợi chờ.

Tôi luôn tay nhỏ hứng không gian,
Với gió xa xôi lạnh lẽo ngàn.
Tôi để cho hồn theo với lá,
Xiêu xiêu cúi nhẹ trút buồn tràn.

Buồn hão nhưng lòng chẳng biết người.
Buồn mưa không định, chỉ bùi ngùi.
Lòng êm như chiếc thuyền trên bến
Nghe gió thu về hạ bớt vui...

THU RỪNG

Bỗng dưng buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.

Nai cao gót lẩn trong mù
Xướng rừng neo thuộc nhìn thu mới về.

Sắc trời trời nhạt dưới khe :
Chim đi, lá rụng, cành nghe lạnh lùng.

Sầu thu lên vút, song song
Với cây hieu quạnh, với lòng quạnh hieu.

Non xanh ngáy cả buồn chiều,
– Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

ÁO TRẮNG

Tặng Nhất Linh

Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong.
Hôm xưa em đến, mắt như lòng,
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.

Em đẹp bàn tay ngón ngón thon ;
Em duyên đôi má nắng hoe tròn
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phòng anh cả núi non.

Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời ;
Hồn em, anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phất cửa ngoài.

Đôi lúa thân tiên suốt một ngày,
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay,
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.

BI CA

Hỡi mây trắng phát phơ màu gió cũ !
Nước buồn ôi ! Còn lại bến sơ xưa.
Cho ta gởi vọng xuôi về quá khứ
Đòi chút sầu tư nước đầy, mây đưa.

Buồn đã lại khi bắt đầu yêu mến ;
Lòng mê say ngay từ thuở mê tình.
Vì ta đợi cho nên người chẳng đến ;
Người xa ta, xa từ buổi sơ sinh...

Trời buổi ấy ở trong thời tình tư,
Xuân muôn năm tơ mơn cỏ bên đường.
Người thì đẹp mà lòng ta mới nở ..
Gió mơn ru và mây giục yêu đương.

Hoa nãng rải ở trên màu tóc đơm ;
Áo lụa bay thấp thoáng lá chen phôi.
Lòng non dại đã hoá thành chiếc bướm,
Cánh băng khuâng bay tới đậu bên người.

Ta cầu khẩn như một lòng tín mộ,
Nhạc tim ngảy phấp phới tiếng trầm chuông.
Hồn lưu lạc chưa hề thờ một chúa,
Yêu một người : ta dâng cả tình thương.

Nhưng chân đẹp vội rẽ đường trăm lối,
Gió bay qua thổi đưa tiếng cười chào.
Rồi một bữa đứng chờ người chẳng tới,
Ta thấy buồn cùng mọc với trăng sao.

Bóng đêm toả không lấp niềm thương nhớ,
Tình đi mau, – sầu ở lại lâu dài.
Ta đã để hồn tan trong tiếng thở
Kêu gọi người, đưa tiễn nổi tàn phai.

Hỡi mây trắng, hỡi nước buồn gió cũ !
Sao chiều nay áo nã vị sơ xưa !
Lòng ta nữa, cùng trở về một chỗ
Trong nỗi đau thương vương tự bao giờ.

TÂM SỰ

Chiều ơi ! Hãy xuống thăm ta với !
Thiên hạ lìa xa, đời trống không.
Năng xế ngậm ngùi trên mái cũ ;
Điêu hiu bên phố, nhớ bên lòng.

Ta biết quen chiều tự thuở xưa.
Tìm nghe xa vắng rộng không bờ
Một ngày trời đẹp băng khuáng quá :
Ấy buổi đầu tiên bạn bút tờ.

Đã mấy năm rồi thơ nở hoa,
Trang vui cũng lúc lệ buồn nhoà.
Dòng đời cũng nặng sầu lưu thúy,
Tóc nặng sầu tư gió thổi tà.

Chiều ơi ? Gặp gỡ đã đòi cơn.
Sương lạnh đôn thêm lệ tủi hồn,
Một buổi xưa kia phòng vắng bạn,
Đó ngày quen biết với cô đơn.

Có lúc xa người, bởi quá yêu,
Than ôi ! Sông núi lại buồn nhiều.
Mây xa lạc gió bên trời vắng,
Đời bạt lòng ta, – lại gặp chiều.

Kể lẽ tâm hồn đã bấy lâu :
Hôm nay nhìn lại nhớ thương đâu,
Một mình cũng muốn câu tâm sự :
Chiều xuống cùng ta đặng có nhau.

HỒN XUÂN

Ai biết em tôi ở chốn nao ?
Má tròn đương nụ, trán vừa cao.
Tiếng mùa về gọi lòng em dậy,
Lơ dãng lòng tôi chẳng kịp rào.

Ai biết người yêu nhỏ của tôi,
Người yêu nhỏ nhỏ trốn đâu rồi ?
Báo giùm với nhá ; Em tôi đó,
Tròn trĩnh xinh như một quả đôi.

Ngực trắng giòn như một trái rùng ;
Mắt thì bằng rượu, tóc bằng hương,
Miệng cười bùng nở hàm răng lựu,
Sáng cả trời xanh mấy dặm trường.

Anh khắp rừng cao xuống lũng sâu
Tìm em, đi hái lộc xanh đầu.
Trông đâu chân đẹp tròn như cột ?
Em đẹp son ngời như cổ lâu.

Nghe nhịp đời lên em bỏ anh,
Đua theo xuân nở rộ trăm cành.
Ý mùa cũng rộ trong thân mới,
Tóc rủ bờ tơ sợi liễu mảnh.

Khách qua đường ơi ! Em tôi đây,
Chân em : cỏ mượt, mắt : hồ đầy.
Lòng em hoá cánh chờ anh gặp ;
– Man mác hồn xuân ngọn gió hây.

MAI SAU

Mai sau dù có bao giờ .

NGUYỄN DU

Chàng Huy Cận khi xưa hay sầu lắm,
Gió trăng ơi ! Nay còn nhớ người chăng ?
Hơn một lần chàng đã gửi cho trăng
Nỗi hiu quạnh của hồn buồn không cố.
Thuở chàng sống thì lòng chàng hay nhớ,
Nỗi nhớ thương không biết đã tan chưa ?
Hay lòng chàng vẫn tủi nắng, sầu mưa
Cùng đất nước và nặng buồn sông núi ?

"Chàng yêu lắm nên bị người hắt hủi,
Chàng yêu lâu nên thiên hạ lìa xa ;
Chàng tự tình bằng những khúc bi ca,
Chàng tâm sự với buổi chiều quạnh quẽ.
Hỡi trăng gió đã nghe chàng kể kể,
Hồn các người là hồn của người thơ ;
Hỡi thơ chàng thổi trong gió phát phơ.
Đài vũ trụ quen bước người thi sĩ.

"Người một thuở mà chàng sầu vạn kỷ,
Sống một đời chàng tưởng vọng muôn năm
Gió trăng ơi ! Chắc nơi chỗ chàng nằm
Chân chiếu mục đã nở màu vĩnh viễn.

Hôn đơn chiếc như đảo rời dặm biển,
Suốt một đời như núi đứng riêng tây.
Lòng chàng xưa chôn nọ với nơi này.
Đây hay đó chỉ đặng chồi cò độc.

"Người ta bảo bà mẹ chàng hay khóc
Chia gia tài cho con quý : lệ đau.
Chàng là con một người mẹ hay sầu
Nên trọn kiếp mắt chàng thường đầm lệ.
Người thi sĩ đã nguyện cầu Thượng Đế
Một đôi lần, nhưng vốn nghiệp đi hoang
Thì chết rồi, chắc người vẫn lang thang
Như buổi sống, ở trong bầu trắng gió
Ở địa ngục, hay thiên đường, không rõ..."

Chiều nay đây nửa thế kỷ hai mươi,
Viết dăm câu tôi gửi lại vài người
Những thế hệ mai sau, làm bè bạn...
Hỡi ai đó, có nhớ lòng Huy Cận,
Gọi gió trăng mà thò thẻ lời trên,

Rất thương yêu, xin nhớ gọi giùm tên
Rất an ủi của bạn chàng : Xuân Diệu.

VŨ TRỤ CA⁽¹⁾

"*Vũ trụ ca*" (chưa xuất bản) gồm 27 bài đã từng được đăng rải rác trên các báo "*Thanh Nghị*", "*Điện tín*", "*Thanh niên*" trong khoảng từ năm 1940 - 1942. Với giọng thơ khoẻ khoắn, âm hưởng trầm hùng, cảm hứng chủ đạo của thi phẩm là đi tìm niềm vui sự sống trong vũ trụ. Tập thơ giàu màu sắc tâm linh, siêu thoát, tạo nên vẻ lung linh kỳ ảo nhưng có chỗ còn hơi lên gân, cường điệu. Hướng tới sự giải thoát và sự tự do của tinh thần, "*Vũ trụ ca*" gửi gắm khát vọng vươn tới vũ trụ và sự hài hoà giữa con người với thiên nhiên, tạo vật.

XUÂN HÀNH

Lượng xuân trời đất vui chưa hết,
Sông Nhị dòng hàng nước chảy ào.
Máu đời lai láng hòn đất đỏ,
Mạch đời vời vợi lòng sông cao.

(1) Chưa xuất bản thành sách nhưng đã đăng báo từng bài lẻ.

Nghe đời bước mạnh vắn thế núi
Nghe đời thở mạnh loà trăng sao.
Ta đi một mình trên đê nhỏ,
Ta gộp chân nhanh cùng bốn gió,
Ta đi mau quá tâm chân người,
Ta gặp hôn ta trong vũ trụ.
Máu xuân chồn chồn sôi mệnh mộng,
Hoa gọi trời xanh phát quạt hồng.
Ta đi về đâu ta chẳng biết,
Chỉ biết trời xanh là ta say,
Trời xanh hái cụm hoa tinh khiết,
Mỗi bước bùng khơi một suối ngày.
Bà quán bên đường nếp áo nâu,
Xôn xao xuân ý cũng về đâu ?
Về đâu thiếu nữ công vai mạnh
Quá khứ tương lai gánh trước sau ?
Về đâu những bước thời gian đã
In dấu mong manh trên cánh đào ?
Về đâu hạt bụi vàng thao thức
Theo bánh xe quay vòng khát khao ?
Về đâu nhật nông cùng nguyệt lạnh,
Hai bánh xe quay vòng số mệnh ?
Ngồi xe nhật nguyệt cùng Thiên nhiên
Làm ban đi đường về vô định,
Chỉ biết hôm nay lòng ta vui,

Mà tuổi đất trời còn độ thịnh,
Âm dương chưa hằng mệt,
Bên đường hoa nở tươi.
Mùa vàng đời chưa hết,
Biển vang triều chẳng liệt,
Sống rú nhau đi bát ngát cười...

1943

SUỐI

Này suối vui ca,
Giọng vàng ngân nga.
Bấy lâu suối ngủ trong lòng đất,
Thao thức ngày đêm mộng hải hà,
Nằm trong lòng đất suối nghe biển
Ân ái xôn xao triều hiển hiện.
Biển gọi tha thiết đất khóc òa,
Suối xuống triều lên đời bao la.
Muốn triệu lòng suối.
Điệu vàng không tuổi
Của lòng ta !
Mặt trời thức các người bình dậy,
Các người liền đây

Vũ trụ mệnh mông đến cảm hoà.
Này suối tự dâng
Cho trời muôn trượng,
Này suối tự nâng
Thành triều vô lượng,
Nói sao cho hết suối mê say !
Đi về biển nhạc xa tâm tấp
Suối sống hồ vui thoát lại đây.

1943

LUỘNG VUI

Trời thắm duyên rằm, vừng nhạc mở
Chuông sao rung nhớ, tiếng vàng bay
Luộng vui muôn kiếp cân đầu sóng
Biển rủ rẻ lòng nhập cuộc say

Sóng tự bờ đềm lên tới tấp
Trăng cao đưa đẩy nhịp vô cùng
Hại bờ sóng chết đời ru vông
Trăng rộng, triều xa, gió cảm thông.

ÁO XUÂN

Sớm nay khoác áo màu vô định
Ra gặp mùa xuân đến giữa đàng
Lá biếc đưa thoi xuyên vĩnh viễn
Gió là sợi thắm của thời gian

Ta vận tấm xuân đi hơn hờ
Tâm tư ngào ngạt hiến dâng đời
Thân cũng hát lưng cao nhịp lúa
Hoa thiên thu hẹn nở cùng môi.

Lòng chim gieo sáng dệt vân sa
Trên bước đường xuân trở lại nhà.
Mở sách chép rằng : Vui một sáng
Nghìn năm còn mãi tấm lòng ta.

1942

ĐÀO

Những đảo mù khơi ai viếng thăm !
Chim con mòn mỏi cánh giam cầm.

Rêu vàng nở gương đôi hoa gió,
Không hạt phương xa đến gờ mầm.

Chỉ có nghìn năm triều sóng động
Mai chiều trải lại nếp vô biên.
Mây phiêu lưu cũng không ngừng bóng,
Cát nổi đòi cơn trận tụi phiến.

Tôi nhớ băng quơ những chiếc hồn
Muôn trùng biển rộng, đảo con con.
Thuyền không giao nối đây qua đó,
Van thớ chờ mong một cánh bướm.

1940

SƠ KHAI

Trời xanh ran lá biếc
Biển choá ngập bướm vàng
Gió thổi miên bất diệt
Mây tạnh đất hồng hoang.

TIN VUI

Đời bát ngát vít cành ngổi hời
Xuân đi đâu trăm lối ngổn ngang
Tin vui vừa giục lên đàng
Áo tơ mở cuộc nếp vàng mệnh mông.

HOA VẺ

Mỗi năm hoa về đây
Hoa nói gì với người
Lòng đời chắc nặng lắm
Hoa nói hoài không thôi.

NẮNG ĐÀO

Nắng đào mặt chị khéo tươi
Thong dong em lá đưa cười khắp thôn
Mặt hồng thấp với chồi son
Tường đầu sắc thắm dậy hồn thu xưa.
Ngợ ngàng là bước người thơ
Xóm quen đã lạc đường mơ lối nào...

HƯƠNG DẬY ĐẤT

Chim hót vòm xanh, hương dẫy đất.
Hôm nay vũ trụ mở huy hoàng.
Đi ra hoa bướm không tin trước,
– Sự nhớ đêm rồi đã ngủ lang.

NĂM NGHE NGƯỜI THỞ

Năm nghe người thở bên ta,
Nghe ta cùng thở vui hoà đêm nay
Nghe xa nghìn thuở đưa quay
Nóng muôn hạt gió lừng bay ngược đời.
Trong hơi ta, trong hơi người
Lại nghe nằm nghỉ đất trời ban sơ.
Hơi ta thành tụ từ xưa
Hơi người dằng dặc bao giờ cho tan...

TRỜI MỖI NGÀY LẠI SÁNG

Sau khoảng mười năm im lặng, "*Trời mỗi ngày lại sáng*" (NXB Văn học, 1958) đánh dấu sự trở lại của Huy Cận. Đây là tập thơ được hoàn thành trên cơ sở chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Hòn Gai, Cẩm Phá. "*Trời mỗi ngày lại sáng*" gồm 56 bài, chủ yếu ghi lại cảm xúc của nhà thơ về cuộc sống mới của những người công nhân vùng mỏ. Sự kết hợp cảm hứng hiện thực và lãng mạn đã tạo nên sắc thái mới trong thơ Huy Cận, tiêu biểu là "*Đoàn thuyền đánh cá*", "*Chiều thu quê hương*",

ANH TÀI LẠC

Anh tài Lạc, công nhân ở mỏ Cẩm Phá, đoàn viên công đoàn, tổ trưởng một tổ phá hoại hơi dầu kháng chiến ở mỏ bị địch bắt và bắn tại thị xã Cẩm Phá ba giờ sau khi chúng bắt anh.

Tôi là tài Lạc. Tôi đã chết rồi.

Tôi chết ngày tháng chạp, chiều hai mươi,

Ngực thủng năm lần xuyên đạn,
Gió rét lùa vào lỗ bản.
Nó bắn tôi ngày hôm ấy phát lương,
Phát gạo vay cho tất cả công trường,
Trước nhà máy, hòng phát luôn khủng khiếp.
Nhưng tôi thấy anh em tôi trùng trùng điệp điệp
Như tảng than, tảng thép lặng nhìn tôi.
Tôi thấy những gan bầm, ruột tím, máu sôi
Đang lay động cuộc mít tinh to lớn.
Tôi còn nhớ nhiều chị nhiều anh nghẹn ngào đau đớn
Cắn chặt môi không cho nước mắt trào.
Có đồng chí nhìn tôi không chớp để chào,
Tôi chào lại bằng nhú mày ngó thẳng
Đồng chí thương tôi, lệ trào cay đắng...
Tôi đang chờ, vợ tôi tới, rẽ vào,
Lướt đến tôi như một trận gió ào,
Hai tay dắt hai con tôi thơ dại,
Đưa bé lên năm, đứa thì lên bảy.
Vợ tôi bám chặt tôi như vỏ bám vào cây
Bụng mang thai như trái chín nặng đầy,
Hai thằng nhỏ khóc oang như xé thịt.
Thường ở nhà tôi chơi trò giả chết
Mặt nhắm nghiền, nín thở, thì con tôi
Khóc oà lên kêu "bố chết thật rồi !"
Tôi mở mắt xoa đầu con mơn trớn :

"Bố còn sông để nuôi con khôn lớn".
Tôi biết nói gì với hai con tôi.
Tôi xoa đầu con, không nói được nửa lời...
Hai thằng bé ôm chân tôi, ngửa mặt
Nhìn thẳng lên. Tôi ứa trào nước mắt...
Vợ tôi ôm tôi nức nở như mưa,
Giằng lấy tôi với bọn lính, đầu đưa
Che ngực tôi như cái khiên đánh trận
Nó gạt phăng ra, năm thằng chia bản.
"Chào anh em !". Tôi chưa nói hết câu,
Tay nắm gờ lên chưa tới ngang đầu
Ngực đã thủng đạn rồi, tôi ngã xuống,
Nó kéo xệch tôi đi, vứt bờ ruộng
Rồi giao tù vùi lấp cho xong.
Tù là ai ? Những công nhân hoạt động bị lùng,
Bị tra tấn từ hôm qua trong bốt.
Mặc nó giục, các anh em không hốt,
Đào huyết sấu cho tôi khỏi lạnh bùn,
Đắp mặt cho tôi với chiếc khăn vuông
Mà tất tả vợ tôi mang tới.
Ủ ngực cho tôi có anh đã cời
Chiếc áo bông đang che rét thân anh.
Tôi chết rồi. Tức một nỗi việc chưa thành
Đã bị lộ. Chào anh em ở lại...

*

Mười hai năm rồi tự buổi chiều hôm ấy
Anh tài Lạc ơi ! Tôi đã đến thăm.
Cấm Phá giải phóng rồi, đã được ba năm.
Mỏ đã về ta, ngồi ngồi điện sáng,
Goòng chạy vang táng, xe lăn sang sáng,
Than ngày đêm liên tiếp cháy thành dòng
Như thác mùa hè dồn xuống Cửa Ông.
Và các máy năm xưa anh phá
Ta cũng chữa lại rồi. Tất cả
Đang say sưa sản xuất, đua sức đua tài
Xây dựng mỏ ta thành một pháo đài
Của chủ nghĩa xã hội, anh tài Lạc ạ !
Tôi hỏi thăm anh. Các bác già Cấm Phá
Nhắc đến anh là nước mắt ngấn quanh.
Tôi đã đến tìm thăm vợ con anh.
Cháu đầu đã hai mươi rồi đó,
Và chính thức đã thành người thợ mỏ.
Cháu sau, mỏ có bố tự trong thai,
Tuổi theo ngày bố chết đã mười hai,
Đang đi học trường phổ thông thị xã...
Anh tài Lạc ơi ! Tung bùm Cấm Phá
Rào rạt trong lòng Tổ quốc thân yêu.
Chiều hôm nay tôi nhớ lại một chiều
Ngực thủng lửa veo lạnh lũng ngọn gió,
Anh ngã xuống giờ tay chào xứ sở...

Cấm Phá, 9 - 1958

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Mặt trời xuống biển như hòn lửa.
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng : cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng.
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi !

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lưới giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,
Đêm thờ : sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao,
Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Hồng Gai, 4 - 10 - 1958

GIỮA LÒNG THẾ KỶ

Thế kỷ hai mươi !
Người mang trong lòng người
Bao nhiêu mầm ung độc,
Bao nhiêu nụ hồng đời.
Sau lưng đem nặng trùm chân núi,
Trước ngực trắng dào dạt biển khơi.

Thế kỷ hai mươi !
Chôn đau nhân loại trong tiền sử,

Mà đến ngày nay khóc chưa thôi ?
Ta muốn ôm người lòng thế kỷ,
Túi cựa nghìn xưa thôi rên rí.
Chuyên cần đất tốt hạt còn tươi.
Ta áp thời gian nở nụ cười.

Thế kỷ hai mươi !
Bước đường đi đến nửa.
Ta nhìn lên mặt trời,
Vũ trụ chưa tàn lửa.

Hãy đem đốt bao nhiêu mầm thối rữa,
Hãy đem nhen bao nhiêu bếp đang sôi ;
Đốt trăm bùa trên trăm ngàn thứ cửa,
Hãy thanh quang soi rạng lại mặt Người.

Đường thế kỷ
Toả nắng vàng bình trị
Men hân hoan đang sôi sục bàn chân
Ngày tuổi nhỏ giấc ngủ chiều ma quỷ,
Tâm tư ơi ! Đây ánh sáng trong ngần.

Thế kỷ hai mươi !
Đã chết cả loài dơi
Bay sờ soạng trong hoàng hôn tàn tạ.
Ta nghe hát trong trời xanh, trên hoa lá,
Trong tâm tư một khúc hát tinh khôi.

Nằm giữa lòng thế kỷ,
Nghe bay thoát lên tự lòng xương tủy
Dòng tâm tư ấp úng buổi tiền thân.
Nghe xương sống ca bài ca hùng vĩ
Của ngàn muôn thế hệ ngẩng lên dân.

Thế kỷ hai mươi !
Người mang trong lòng người
Bao nhiêu máu ung độc,
Bao nhiêu nụ hồng đời ;
Đau thương thế kỷ đà khô cháy,
Hoa nở, mùa gầy lại vốn Người.

*Kỷ niệm lần thứ nhất
Cách mạng tháng Tám, 22 - 8 - 1946*

NĂM TRONG TIẾNG NÓI

Nằm trong tiếng nói yêu thương,
Nằm trong tiếng Việt vắn vưng một đời.
Sơ sinh lòng mẹ đưa nôi
Hồn thiêng đất nước cũng ngồi bên con.

Tháng ngày con mẹ lớn khôn,
Yêu thơ, thơ kể lại hồn ông cha.
Đời bao tâm sự thiết tha
Nói trong tiếng nói lòng ta thưở giờ...

1942

CHÍN

Thu tới ngoài kia,
Nghe nhân thơm trong trái nặng,
Nghe nhựa ấm trong cành thưa,
Nghe đũa đầy tiếng gió ru lúa chín,
Xôn xao cuống lá rụng thay mùa
Thu tới ngoài kia,
Biển chiều xao động,
Biển như ngực thở bồi hồi
Đời đã chín nhiều mơ mộng,
Buồm căng, thuyền trắng ra khơi.
Cây thời gian xanh
Chín tròn mặt nguyệt,
Năng vườn dâu đã chín ruột tằm.
Và những đàn ong đã kết
Những chuyến hoa đầy nụ tháng năm.

1956

EM BÉ VÀ MẶT TRĂNG

Mẹ ơi ! Cho con mặt trăng !
Bé nhìn mặt mẹ, tay dang hái trời.
Hoa trăng nở sáng ngời ngời,
Trăng theo bóng mẹ, trăng ngồi bên con.
Mẹ là trăng, con bá cổ hôn ;
Con là trăng nở, mẹ ôm vào lòng.
Mẹ đưa con dưới trăng trong,
Trăng cao con với mẹ bóng lên cao.
Bé đã hái được trăng nào,
Mà nghe lòng mẹ rào rào cánh trăng.

5 - 1958

BUỔI SÁNG HÔM NAY

Anh tặng em buổi sáng hôm nay
Có hoa sen nở hồ Tây trắng hồng.
Tặng em trời mát như sông
Trong veo chảy giữa hai dòng cây xanh.

Anh tặng em buổi sáng lòng anh
Có mây có nước có cành có hoa,
Có mình và lại có ta
Trong hương sen ngát nở xoà lòng sen.

Anh tặng em cả những ưu phiền
Trong câu hát cũ nghe bên chợ cầu,
Còn hẳn trong chữ trong câu
Nỗi đau ngày trước cày sâu mặt người.

Anh tặng em buổi sáng mai đời
Bước chân quen thuộc, tiếng người lại qua.
Mây phồng bướm bạc xa xa,
Ngày lên gió mới, lòng ta tặng mình.

Chi nhật, 15 - 6 - 1958

CHIỀU THU QUÊ HƯƠNG

Chiều thu trong, lá trúc vờn đẹp quá,
Lá mía xanh nhưng quạt vào mái rạ
Tiếng lao xao như ai ngã nón chào.
Hoa mướp cuối mùa vàng rực như sao,

Giếng trong lèo, trời xanh in thắm thắm.
Chiều thu quê hương sao mà đậm thắm.
Tôi bước giữa vườn, bạn với hàng cau
Hút nắng tờ vàng như những đài cao
Đứng lỏng lẻo, thu tiếng chiều vàng rơi.
Vồng khoai lang xoè lá ra nằm sười
Cùng với mẹ gà xoè cánh ấp con.
Ồ trước sân nhà mấy đống gạch son,
Hố vôi trắng nằm đợi ngày xây dựng.
Trời thu trong em bé cười, má ửng ;
Như cây sai, mẹ đứng giữa chùm con.
Chiều thu vàng, vàng rục cả tâm hồn
Của đất nước đang bồi da thắm thịt.
Gió biển mặn thổi về đây tha thiết ;
Những con chim phơi phới cánh, chiều thu
Náo nức như triều, êm á như ru...

Cảm Phú, 9 - 1958

ĐƯỢC TIN CON TẬP ĐI

Được tin con tập đi
Cha mừng không ngủ được.
Cha nằm đếm thềm thì
Từng bước chân con bước.

Đặt tên con Hà Vũ
Ý muốn nói đời con
Sẽ đi vào vũ trụ
Thâm sao sáng trăng tròn.

Nhưng con ơi, trước mắt
Sống cuộc đời trái đất.
Con tập đi cho ngay,
Đất dày chân bám chặt.

Bước này con theo mẹ,
Bước này con theo cha.
Bước này lại bác bé,
Bước này cháu theo bà.

Con bước, cha cùng bước,
Mặt trời cười phía trước,
Con chim hót sau lưng,
Cái bướm vờn bên ngực.

Đi lên Hà Vũ ơi !
Chân con bước vào đời,
Cha chín mùa thơ mới,
Tặng con vần thơ vui.

Cám Phú, 21 - 9 - 1958

ĐẾN TÂY HỒ NHỚ BẠCH CƯ DỊ

Nay cuối thu rồi tôi đến đây,
Se se dáng liễu, nước hồ đây...
Tâm Dương không phải khuya đưa khách
Mà tưởng tỳ bà gió chạm đây...

Tôi đi trên đường Bạch Cư Dị,
Người đã khuất mười hai thế kỷ
Nhưng phải chăng người còn bước dấu đây,
Trán còn gợn sóng Tây Hồ suy nghĩ.

Nhớ những khi đất trịch người bị đuổi
Thối véo von tâm sự bến Tâm Dương.
Tôi đọc lại những câu thơ nghìn tuổi
Trẻ như xưa. Cúc lại đón bên đường.

Những người bình dị người hay tả
Đã khổ nghìn năm trong thiên hạ,
Nghìn năm đói rách chỉ may còn
An ủi trong thơ người êm ả.

Ngày nay sự thế đã thay rồi
Những bạn khổ nghèo xưa của người
Đã đứng vùng lên nắm vận mệnh,
Cơm no áo ấm với hoa cười.

Hàng Châu thêm đẹp, hồ thêm đẹp,
Đường thừa người đi bóng liêu che,
Có phải bóng người còn lẩn giữa
Nhân dân hôm sớm lúc đi về.

Tây Hồ – Hàng Châu,

24 - 11 - 1957

MƯA MUỐI NĂM SAU

Mười năm trước mưa buồn thê thiết
Mười năm sau vẫn xiết dòng mưa,
 Nhưng vui hơn tự bao giờ,
Mưa tuôn thấm đượm lòng thơ đạt dào.
Ai tới đó mưa ào phía trước,
Ai về đây mưa rước bên chân.
 Mưa xưa rời rạc tần ngần,
Mưa nay riu rít nhân quân tiếng vang.
Giọt mưa cũ ố vàng thơ phú,
Triều mưa nay đoàn tụ lúa xanh.
 Cũng là thức giữa năm canh,
Mưa xưa lạnh lẽo, yên lành mưa nay.

Ấm Thượng, 27 - 12 - 1948

ĐẤT NỞ HOA

"*Đất nở hoa*" (NXB Văn học, 1960) gồm 46 bài, tiếp tục mạch thơ từ "*Trời mỗi ngày lại sáng*", thể hiện niềm tin yêu vào cuộc đời và cuộc sống mới nhưng có phần đậm thắm, sâu lắng hơn. Mặc dù nhà thơ có ý thức mở rộng tâm hồn để tìm thấy sự giao hoà giữa con người và xã hội, con người và thiên nhiên nhưng về phương diện nghệ thuật, chưa có nhiều tác phẩm đủ sức tạo đột phá.

MƯA XUÂN TRÊN BIỂN

Mưa xuân trên biển, thuyền yên chỗ.

Tôm cá chắc đây phiên chợ mai

Sấm tết thuyền về dầm khóm đỗ ;

Đảo xa thâm thắm vết mưa dài.

Thuyền đậu thuyền đi ha kín mũi,
Lửa thừa mưa biển ấm chan trời.
Chiếc tàu chờ đá ve bên Cảng
Khói lẩn màu mây tưởng đảo khơi.

Em bé thuyền ai ra giỡn nước,
Mưa xuân tươi tốt cá cây bướm.
Biển bằng không có dòng xuôi ngược,
Cơm giữa ngày mưa gạo trắng thơm.

Hồng Gai, 2 - 1959

HOA GIỮA NẮNG

Hoa chanh cánh tím mùi hương thoảng
Nở góc vườn em anh nhớ dài.
Thơ giữa cuộc đời, hoa giữa nắng
Du xuân con bướm quạt hương dài.

(1959)

HOA SÁU BẦY ONG

Mấy hôm chiều lại cơn đông
Có lùm hoa sáu trước song, quên nhìn.
Chiều nay mây tạnh nắng lên
Đàn ong quen – lại đến tìm lùm hoa.
Ồ hoa đậu trái bao giờ ?
Bầy ong ngỡ ngán một bờ sáu xanh.

6 - 1959

CHIỀU XANH TRỨNG SÁO

Chiều xanh trứng sáo Mạc Tư Khoa⁽¹⁾
Những cặp tình nhân dạo dưới hoa,
Nhà dựng chưa xong chim đã đến
Làm quen hạnh phúc với người ta.

Mạc Tư Khoa, 28 - 7 - 1959

(1) *Mạc Tư Khoa* (phiên theo âm Hán - Việt) : Mát-xcơ-va.

ANH THƯƠNG EM

Anh thương em anh giắt
Gương trăng vào nón trời
Bốn mùa nghiêng nét mặt
Khi thương nhờ em soi.

1958

ANH VIẾT BÀI THƠ

Anh viết bài thơ giữa ánh khuya
Có cây yên ngủ. Gió xa về
Anh nhìn em ngủ hồn hiu nhẹ
Như bóng vườn trưa xanh tiếng ve

Biển lặng em nằm trong gió êm
Anh là bóng thức của hồn em
Ngoài kia sao cũng từng đôi sáng,
Từng cặp nhân vàng trong trái đêm.

Bát ngát lòng anh giữa trái đời
Hai ta đôi hạt giữa nghìn đôi
Gió khuya nào biết xuân, hè nữa ?
Em mộng điều chi, miệng thoáng cười.

1959

TRĂNG XUÂN

Đầu năm gió mát tựa hè
Nứt bung hoa gạo bôn bề trăng xuân
Sông là người đẹp khoả thân
Núi xanh mơn mớn bước gần bước xa
Lá ngô lá mía rì rà
Áo Đêm xuân khéo mượn mà giải tợ.

2 - 1959

XEM TRANH TÊ BẠCH THẠCH

Bạn xem tranh tôm của Tê Bạch Thạch
Bây tom thông minh trăm cách đùa vui
Chăng chịt chân đàn ấy tới giật lui
Trông khoẻ mặt ông Tê nhập nháy
Lòng yêu sống cùng đàn tôm run rẩy
Nét bút di hay sự sống đang đi
Những bước rất đời rất mong rất si.

Tiên sinh vẽ hình ? Tiên sinh vẽ bóng ?
Tiên sinh vẽ đời ? Tiên sinh vẽ mộng ?
Đàn tằm vui. Hân buổi ấy tiên sinh
Nghe xốn xang trong dạ dáng hình
Của vạn vật như một lòng Tao hoá.
Nét bút mát như cò cây hoa lá
Đang ra xuân, như chân đá nước nguồn.
Mắt tiên sinh : suốt trẻ dạt dào tuôn,
Lòng yêu sống vẽ với muôn điệu sống.
Tằm hay tiên sinh trập trùng đời với mộng ?
Tiên sinh đã nghĩ rồi. Tằm mãi tung tăng
Trong ánh mặt trời, trong ánh mặt trăng.

5-1959

BÀI THƠ CUỘC ĐỜI

"Bài thơ cuộc đời" (NXB Văn học, 1963), gồm các phần : "Đời ta xây dựng", "Nghe nhịp sóng cày bờ" và một tác phẩm thơ sân khấu "Người thợ ảnh" hay là "Bài thơ cuộc đời". Bên cạnh chủ đề lao động và tình cảm đối với quê hương, đất nước, còn có những bài giàu tính triết lý như "Các vị La Hán chùa Tây Phương", "Trò chuyện với Kim tự tháp". Tuy có những tìm tòi trong việc nói rộng cấu trúc câu thơ và đưa nghệ thuật sân khấu vào thơ nhưng nhìn chung tập thơ vẫn còn thiếu độ tinh lọc cần thiết.

CÁC VỊ LA HÁN CHÙA TÂY PHƯƠNG

Chùa Tây Phương (Sơn Tây) có những pho tượng La Hán rất đẹp, rất sinh động tạc vào thế kỷ XVIII. Nhà nghệ sĩ xưa đã vô tình hay hữu ý mượn đề tài chuyện Phật mà miêu tả xã hội đương thời, một xã hội quần quai đau khổ trong nhiều biến động và bế tắc không tìm được lối ra.

Các vị La Hán chùa Tây Phương
Tới đến thăm về lòng vấn vương.

Há chẳng phải đây là xứ Phật,
Mà sao ai nấy mặt đau thương ?

Đây vị xương trần chân với tay
Có chi thiêu đốt tấm thân gầy
Trăm ngàn đau khổ sâu vòm mắt
Tự bấy ngồi y cho đến nay.

Có vị mắt gương, mày nhú xệch
Trán như nổi sóng biển luân hồi
Môi cong chua chát, tâm hồn héo
Gân vận bàn tay mạch máu sôi.

Có vị chân tay co xếp lại
Tròn xoe tựa thế chiếc thai non
Nhưng đôi tai rộng dài ngang gối
Cả cuộc đời nghe đủ chuyện buồn...

Các vị ngồi đây trong lặng yên
Mà nghe giông bão nổi trăm miền
Như từ vực thẳm đời nhân loại
Bóng tối dùn ra trận gió đen.

Mỗi người một vè, mặt con người
Cuồn cuộn đau thương cháy dưới trời
Cuộc họp lạ lùng trăm vật vã
Tượng không khóc cũng đổ mồ hôi.

Mặt cúi, mặt nghiêng, mặt ngoảnh sau
Quay theo tám hướng hỏi trời sâu
Một câu hỏi lớn. Không lời đáp
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau.

Có thực trên đường tu đến Phật
Trần gian tìm cõi áo trăm luân
Bấy nhiêu quần quai run lấn chót
Cac vị đau theo lòng chúng nhân ?

Nào đâu, bác thợ cày xưa đâu ?
Sống lại cho tôi hỏi một câu :
Bác tạc bấy nhiêu hình khổ hạnh
Thật chăng chuyện Phật kể cho nhau ?

Hay bấy nhiêu hồn trong gió bão
Bấy nhiêu tâm sự, bấy nhiêu đời
Là cha ông đó bằng xương máu
Đã khổ, không yên cả đứng ngồi.

Cha ông năm tháng dè lưng nặng
Những bạn đương thời của Nguyễn Du
Nung nấu tâm can vò võ trán
Đau đời có cứu được đời đâu.

Đứt ruột cha ông trong cái thươ
Cuộc sống giam chân hoài một chỗ
Bao nhiêu hy vọng thúc bên sườn
Héo tựa mầm non thiếu ánh dương.

Hoàng hôn thế kỷ phủ bao la
Sờ soang cha ông tìm lối ra
Có phải thế mà trên mặt tượng
Nửa như khói ám, nửa sương tà.

Các vị La Hán chùa Tây Phương !
Hôm nay xã hội đã lên đường
Tôi nhìn mặt tượng dường tươi lại
Xua bóng hoàng hôn, tản khói sương.

Cha ông yêu mến thời xưa cũ
Trần trụi đau thương bỗng hoá gân !
Những bước mất đi trong thớ gỗ
Về đây, tươi vạm dậm đường xuân.

27 - 12 - 1960

ANH THỢ GỖM

Tặng Nguyễn Văn Y, chuyên gia gổm

Nắng lên hồng ban mai
Anh thợ gổm ngồi xoay
Đất mịn nhào với nắng
Hình đẹp nở trong tay.

Gió xuân man mát thổi
Cỏ non rờn ngoài đê
Mùa xuân đang tạo lại
Cây lá trên đồng quê.

Anh ngồi xoay ung dung
Ánh sáng rọi theo cùng
Ngực anh màu nắng dươm
Đẹp hồng như đất nung.

Bình đẹp nghìn xưa cũ
Tay ông cha giao về
Đang sống lại tươi tắn
Trong bàn tay vuốt ve...

Bình cao dáng trẻ thon
Lọ nhón thân đầy tròn
Đẹp phúc đầy của mẹ
Đẹp duyên hiền của con.

Xoay xoay bàn gỗ ơi,
Nước mát nhào đất tơi
Anh làm thêm cái đẹp
Chưa có ở trong đời...

1962

MỘT BUỔI CHIỀU THU

Đất thờ xanh rờn triệu lá
Chiều thu như ngọn lửa xanh
Sông chảy chuyện trò với cá
Như khi vũ trụ bình minh.

Nhịp bước chiều đi rất trẻ
Rất thanh rất khoẻ rất tình
Trong nắng chiều rây lạng lẽ
Cây ran nở cội nở cành.

Buổi chiều kỳ lạ em ơi
Mà giống trăm nghìn chiều khác
Mía sau cơn bão ngọt rồi
Cốm ngọc lòng thu thơm ngát.

Ta đi trong chiều dấy biếc
Trái tim ở giữa cuộc đời
Trong nhịp chiều xanh bất tuyệt
Lá theo ta cũng thành đôi.

11 - 1962

TRÒ CHUYỆN VỚI KIM TỰ THÁP

Chỉ có trời xanh thay cỏ cây
Mệnh mông sa mạc. Cát làm ngày ;
Cát làm đêm nữa. Trăng phơi cát
Sao sáng đặng xa hay cát bay ?
Vua chúa không yên chịu cát vùi
Trăm kim tự tháp đá chen trời.
Năm nghìn năm đứng cười sa mạc,
Năm chắc trong tay vĩnh viễn rồi !...

*

* *

- Kim tự tháp ! Người thấy gì tự bấy ?
- Thấy gió thổi bốn mùa, cát dấy ;
Cát vung lên rất mật thời gian.
- Kim tự tháp ! Người vẫn cười ngạo nghễ ?

Chấp năm tháng, xoa những đầu thế kỷ ?
– Buổi đầu tiên tôi tưởng vậy, say sưa
Không cho ngày tàn, cảm mặt trời trưa
Trên đỉnh nhọn như kim cương lấp lánh
Trên mũ mào đầu Thiên Vương chói rạng.

– Nhưng rồi sao, Kim tự tháp ngàn năm ?
– Trong lòng tôi một xác ép vua nằm :
Dưới chân tôi vạn thân dân chết lụi.
Vua muốn thắng thời gian vùi vùi
Nằm yên trong giấc đá, kín bung.
Suốt đời vua lo chỗ ngủ cuối cùng,
Ôm cái chết mong thắng dần cái chết.
Thời gian thối, hồn vua không sợ rét ;
Mặt trời quay, trục tháp chẳng mòn xoay.
Vua ngủ yên nhưng tôi thức đêm ngày ;
Cát, cát, cát nổi từng cơn dữ dội,
Cát thổi đập vào mình tôi nhưc nhối.
Tôi thức vua cho vua biết : giữa trăng sao
Hạn nằm trong vĩnh viễn chẳng còn bao
"Dậy vua ơi ! Cái chết chẳng thể rào
Được cái chết". Vua ngủ mê giấc đá
Lờ chân trời nhiều bạn tôi tàn tạ,
Hát ra ngoài vĩnh viễn xác vua phơi...
Tôi thấy thời gian rúng lạnh bốn chân tôi...
– Người còn thấy những gì, Kim tự tháp ?

– Từng thế kỷ những đoàn người cúi rạp
Dưới chân tôi rồi biến mất mù tăm...
Nhưng cũng đôi khi có những trán đăm đăm
Soi vầng vạc vào mặt tôi mà hỏi :
"Chất cái chết lên cao, trên mấy tầng mây nổi
Đã tác nào thành sự sống hay chưa,
Hỡi nghìn năm Kim tự tháp chơ vơ !"
Tôi chết điếng trong lòng tôi tự đó
Tôi chết sống, chết thêm lần nữa
Trong từng vân, từng thớ đá thân tôi...

– Người thấy gì, Kim tự tháp, nữa thôi ?
– May tôi còn thấy giữa muôn trùng gió lộng
Thấy cái chết muốn trở thành sự sống
Cát kêu lên nỗi hoài vọng lớn lao :
Là cái chết khô, cát muốn hoá tế bào
Của tươi mát, thịt da, hoa lá...
Thấy cái sống muốn mọc từ cát đá".

*

* *

Trong chiều xanh, rìa sa mạc mênh mông
Ngõ đầu mùa phơi phới đăm bông.
Bóng Kim tự tháp trải lên bờ sông mát,
(Chuyện ghi lại bên bờ gió cát)

Ai Cập, 7 - 1962

CẢNH ĐỊA NGỤC

Nhớ những trưa hè tuổi bé thơ
Trốn cha, theo bạn rủ lên chùa
Trèo nhăm quả muỗm chua chua lét
Phượng thám ve sầu, nhịp mõ khua.

Rồi kéo nhau vào trong hậu tự
Xem thôi địa ngục lại thiên đàng,
Thiên đàng cao quá không nhìn rõ,
Địa ngục phơi bày thật thảm thương.

Nhớ mãi đầu bươu thằng quý sứ
Mất thời ra nửa, lưỡi cong liềm
Tay cầm chày giã đàn bà chửa
Thai phọt ra ngoài đọng máu đen.

Lại có những người bị lửa thiêu
Những đầu nhúng vạc cháy xèo xèo
Những thân cưa dọc như cưa gỗ
Cưa cả mắt nhìn, cả miệng kêu.

Bọn tôi nhìn kỹ mới hay rằng
Họ giống bà con trong xóm làng
Cũng áo quần nâu, gầy guộc mặt
Ở đây không thấy kẻ giàu sang.

Tôi sợ nhưng mà sợ ít thôi
Không bằng cái sợ của bà tôi
Đi qua địa ngục bà run gậy
Đầu đó dường như đã thấy rồi...

Trưa hè mây vắng nắng chang chang
Lại gió Lào hun nóng tựa rang
Mà bạn cùng tôi bên địa ngục
Lạnh chân, lạnh ẩm cả thiên đàng.

Nhớ lại trưa hè tuổi bé thơ
Về thăm bạn cũ rù lên chùa
Tuổi thơ cây muỗm còn y đó.
Địa ngục thiên đàng đã khác xưa.

1962

SỚM MAI GÀ GÁY

Tiếng gà gáy ơi ! Gà gáy ơi !
Nghe sao ấm áp tựa nghe đời
Tuổi thơ gà gáy ran đầu bếp
Trâu dậy trong ràn⁽¹⁾, em cựa nôi.

(1) Ràn : chuồng trâu bò (tiếng Nghệ Tĩnh).

Cha đây đi cây trau⁽¹⁾ kíp vụ,
Hút vang điệu thuốc khói mù bay,
Nhút cà, cơm ú trong bô trau,
Chút ca kho tương me voi bày.

Gà gáy nhà ta, gáy láng gieng
Ta nghe thuốc mỗi tiếng gà quen...
– Cha ơi, con chưa nghe gà chú !
– Nó cũng như mây hay ngủ quên.

Hàng cau mở ngon đón ngày vào
Xóm nhỏ nép bên triền núi cao,
Gà lại gáy đón thêm đợt nữa,
Năng lên xoè quạt đỏ như mào.

Gà gáy ơi ! Tiếng gà gáy ơi !
Nghe sao rạo rục buổi mai đời !
Thương cha lùi thúi không còn nữa
Chẳng sông bây giờ thon xóm vui...

1962

(1) *Cây trau* : cây ạt (têneg Nghệ Tĩnh)

THI NGHÉ

Một con nghé ra đời
Ồ vui lắm ai ơi !
Giữa chân mẹ quán quýt
Nó nhảy nghịch, đùa chơi...

Bú no, day vú mẹ
Như trẻ nhỏ, khác chi !
Nó cười – theo kiểu nghé
Vui mướt cỏ đường dê.

Lông nó đen, đen nháy
Mẹ nó liếm càng đen
Mặt trời làm bàn chải
Từng tia sáng vuốt thêm.

Nghé hôm nay đi thi
Cũng dậy từ gà gáy.
Người dắt trâu mẹ đi
Nghé vừa đi vừa nhảy...

Thi nghé gầy, nghé béo
Toàn hợp tác xã nhà
Nghé xem chừng cũng hiểu
Chạy tung tăng tung ta.

Lô nô đàn ghé mướt
Như sóng nhẹ ban mai
Đồi bên cỏ còn ướt
Nằm phơi như vú dài...

Vui sao đàn ghé con !
Mặt chúng cười mùm mím
Mắt chúng ngơ ngác tròn
Nhìn tay người giờ đếm.

– Ai làm mẹ của ghé ?
Trâu mẹ hay em bé
Mỗi buổi đi học về
Chăm ghé như chăm em ?

Cả một đàn ghé béo
Con nào hơn con nào ?
Chờ lâu ghé khó chịu
Chạy vù lên đồi cao.

Nghe mệnh mông lúa hát
Đồng chiêm đang nặng hạt
Đàn ghé lại ra về
Vui mướt cỏ đường đê...

1962

MÂY TRẮNG

T trời nóng đêm qua mây dậy ràn
Ngỡ đàn trâu bạc phá tung ràn
Giữa hè ruộng vỡ mênh mông gió
Những luồng cây xô nang, chổi chang.

1961

GIÓ CHUYỂN MÙA

Đem nay gió giữa hai mùa
Thổi sao vi vút, mây lùa một bên.
Mùa quê hương, tưởng đã quen,
Nửa đêm gió thổi, năm yên được nào !

1961

TRĂNG RẪM MỘC

Ta đi, trăng mọc theo cùng
Trăng lên mơn mớn giữa vòng tay ta.
Trăng gân thơm mát như hoa,
Hoa trang nở giữa phủ sa mới cây.

1963

HAI BÀN TAY EM

"*Hai bàn tay em*" (NXB Văn học, 1967) là tập thơ viết cho thiếu nhi. Không chỉ là cây bút giàu chất suy tưởng, thơ thiếu nhi của Huy Cận còn cho thấy ông là người tinh tế trước thiên nhiên và hết sức gần gũi với trẻ thơ.

HAI BÀN TAY EM

*Yêu sao những cánh tay non
Bàn tay con trẻ chồi sơn lú hồng,
Bài thơ tay, viết vừa xong
Tặng cho các cháu giữ lòng mến yêu*

*Bàn tay tập viết, tập thêu,
Tập làm, tập múa, trăm điều đẹp tươi.
Đôi bàn tay : hoa của người,
Quý yêu, gìn giữ trọn đời, cháu nghe !*

Hai bàn tay em
Như hoa đầu cành
Hoa hồng hồng nụ
Cánh tròn ngón xinh.

Đêm em nằm ngủ
Hai hoa ngủ cùng
Hoa thì bên má
Hoa áp cạnh lòng

Buổi sáng em dậy
Hai bàn tay hoa
Nở trên mặt mẹ
Cúi bông em ra

Tay em đánh răng
Răng trắng hoa nhài
Tay em chải tóc
Tóc ngời ánh mai.

Giờ em ngồi học
Bàn tay siêng năng
Nở hoa trên giấy
Từng hàng giảng giảng.

Hai bàn tay em
Có lúc cãi nhau :

Và cơm viết chữ
Tay mặt công lao !

Tay mặt tự hào
Gánh bao việc nặng !
Cả giờ tay chào
Như măng mọc thẳng.

Tay trái nó đòi
Ngoảnh mặt, quay lưng
Nhưng rồi thương bạn
Lại làm việc chung.

– Cùng khiêng chiếc ghé
Ai nắm, ai dùng ?
Chung bát cơm nhé :
Anh và, tôi bưng !

Rồi khi vui vậy
Tay cùng vỗ tay
Vui san sẻ đều
Chẳng ai bì ai.

Những lúc em buồn
Tay ôm má phịu –
Em yêu bàn tay
Cái gì cũng hiểu...

Có khi một mình
Nhìn tay thủ thi
– Em yêu em quý
Hai bàn tay em.

5 - 1 - 1964

MỖI SÁNG MAI VỀ

Mỗi sáng mai về
Gió lo dầy trước
Tay gió vuốt ve
Mát rờn mặt nước

Con sông thức tỉnh
Uốn mình, vươn vai
Giác ngủ còn dính
Trên my sương dài.

Hàng cây dậy theo
Cây sấu lá nhiều
Cây bàng lá mượt
Tre ngà lá thêu.

Nghìn lá vỏ tay
Theo hơi gió nhịp
Trau ơi ! Buồi cày
Dậy mau cho kịp !

Trâu sừng cong lại
Như hai vành trăng
Ra chuông chậm rãi
Chẳng nói chẳng rằng.

Ga mái giục luôn :
Hợp tác ! Hợp tác !
Đẻ trứng cho tròn
Đừng bươi tung rác !

Mèo ta ngợ ngác
Meo meo, meo meo !
Lưng dài biêng nhác
Cuốn đuôi nam khoèo.

Bé ơi, bé dậy
Đèn trường mâm non
Con trâu đuối vấy
Con gà mào son

Đều đi cà rôi
Chỉ còn đợi bé.
Cả chú mặt trời
Cũng từng bước nhẹ

Vào trong sân trường.
Một ngày mới mọc
Bé chơi, bé học
Giữa vòng yêu thương

28 - 12 - 1963

BUỔI TRƯA HÈ

Buổi trưa lim dim
Nghìn con mắt lá.
Bóng cũng nằm im
Trong vườn êm ả.

Bò ơi, bò nghì
Sau buổi cày mai
Có gì ngậm nghĩ
Nhai mãi nhai hoài...

Thóc hợp tác phơi
Bên sân đình rộng
Nghe đảo từng hồi
Lúa rơm thơm nóng.

Hoa dại thơm hơn
Giữa giờ trưa vắng
Con bướm chập chờn
Vờn đôi cánh nắng

Bé chưa ngủ được
Bé nằm bé nghe
Âm thầm rạo rục
Cả buổi trưa hè

Con tầm ăn dâu
Nghe như mưa rào ;
Bà dậy thay lá
Tay già lao xao

Bé gọi con đế
Quen nắp đầu hồi
Đế kêu the the :
Giật mình bười rơi

1964

CHONG CHÓNG

Tước lá dứa xanh
Tết làm chong chóng
Em bắt luồng gió
Chạy vòng quanh quanh

Gió ơi, gió nóng
Vừa quay, vừa thờ
Gió mở cánh đồng
Bốn phía mênh mông.

Chóng lên chong chóng
Này gió biển về
Chân qua cát bỏng
Gió còn đê mê

Gió lên via hè
Tìm bóng xoan ngủ
Chỉ còn tiếng ve
Quay chong chóng nhỏ.

Chong chóng cũng ngủ
Lúc nào không hay
Thình thoảng tay trở
Tỉnh bừng lại quay.

1964

CON CHIM CHIÊN CHIỆN

Con chim chiến chiến
Bay vút, bay cao
Lòng đầy yêu mến
Khúc hát ngọt ngào

Cánh đập trời xanh
Cao hoài, cao vợi
Tiếng hót long lanh
Như cành sương chói,

Chim ơi, chim nói
Chuyện chi, chuyện chi ?
Lòng vui bối rối
Đời lên đến thì...

Tiếng ngọc trong veo
Chim gieo từng chuỗi
Lòng chim vui nhiều
Hát không biết mỏi.

Chim bay, chim sà
Lúa tròn bụng sữa

Đông quê chan chứa
Những lời chim ca.

Bay cao, cao vút
Chim biến mất rồi
Chỉ còn tiếng hót
Làm xanh da trời...

Con chim chiến chiến
Hồn xanh quê nhà
Sáng nay lại hót
Tung bừng lòng ta

1964

CON SÓC

Đôi sao trong vát
Ai mắc trên cành
Con sóc thoãn thoắt
Dậy cùng bình minh.

Sóc ta dậy sớm
Cái đuôi quét trời
Bốn chân nghịch ngợm
Chẳng yên đứng ngồi

Em yêu con sóc
Làm xiếc suốt ngày
Chân thon, bụng thóp
Nhịp nhàng đu bay.

25 - 9 - 1965

NHỮNG NĂM SÁU MƯƠI

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Huy Cận cho xuất bản các tập thơ : "*Những năm sáu mươi*" (NXB Văn học, 1968), "*Chiến trường gần đến chiến trường xa*" (NXB Thanh niên, H., 1973), "*Ngày hằng sống, ngày hằng thơ*" (NXB Văn học, 1975). Cảm hứng bao trùm các tập thơ là ngợi ca cuộc sống mới và thể hiện niềm tin vào sức mạnh của dân tộc, thời đại trong đó có những bài gây được ấn tượng khá sâu sắc như : "*Đi trên mảnh đất này*", "*Ngã ba Đồng Lộc*",... Nhìn chung thơ Huy Cận thời kỳ này giàu tính hiện thực, đầy áp hơi thở của cuộc sống. Tuy nhiên điều đó đã phân nào làm hạn chế chiều sâu suy tưởng và triết lý vốn là thế mạnh của thơ Huy Cận.

ĐI TRÊN MẢNH ĐẤT NÀY

Tặng anh Lê Văn Hiến

I

Tôi về đây giữa Thái Bình đất cổ
Đất Sơn Nam tự thưở mở non sông

Mỗi nước đi ấm dấu bước cha ông
Mỗi thớ đất dọn hồng từ buổi ấy.

Rồi lịch sử như một bông lúa mảy
Nở không thôi, gieo mãi xuống đất này
Bốn ngàn năm, mùa gặt hái hôm nay
Lại trĩu hạt. Nhựa mẫm thêm náo nức.

Nhớ cha ông đã sống hồn rất thực
Sống bện mình vào thớ đất quê hương
Sống phải chuyện chơi đâu ! Cái chết
Cứ rình ta như một lũ cướp đường...

Sống khôn ngoan giữa năm hai mùa nước
Có bao giờ được năm tháng rảnh tay
Chân nội địa, chân biên thuỳ sau trước,
Suy nghĩ chi cũng trên mảnh đất này.

Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững,
Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa
Trong và thật : sáng hai bờ suy tưởng
Sống hiên ngang mà nhân ái chan hoà.

Chân tôi bước hôm nay mát rợi
Thịt da trần tiếp nối đất non tơ
Tưởng sờ được hạt mẫm trần trụi
Của cha ông đã gieo tự bao giờ...

II

Các nhạc sĩ ghi đầu bài hát
"Nhịp chậm, nhanh, hùng tráng, ly tao..."
Tôi không biết ghi sao cho đạt
Sắc lòng tôi gió nước xôn xao.

Buổi sáng nay, đầu thu xanh mát
Nở thịt da, ngọn gió tình thay !
Nắng xanh cốm, lúa đang làm hạt
Cung nào ghi hạt lúa căng đầy ?

Năm mươi hai toàn dân chống Mỹ
Lúa trẻ hơn tự thuở mới nuôi người
Dân tộc được mùa vàng thế kỷ
Bốn nghìn năm trẻ lại tuổi hai mươi.

Tôi đi giữa Thái Bình quê mặn
Lấn biển xanh tự thuở ông cha
Nguyễn Công Trứ mở đời máy dậm
Đất nhú lên Cửa Hồ, sông Trà...

Nay đuổi sóng, khứ đời chua chát
Lúa tám thơm, lúa lại mọc tuyền
Nhưng tên lúa điệp thành câu hát
Khúc vui chung tụ những đời riêng

Cả đất nước đẹp thì con gái
Nắng thu trong phơi phơi hồn xuân
Chào đồng chí "bạch đầu quân"⁽¹⁾ tỉnh Thái
Một đời chôn ba lữ thực dân.

Thái Bình, 29 - 10 - 1966

CHÂN LÝ

Em ơi ong một ngày không làm xong đờ mặt
Trái một ngày chưa làm xong nhân hạt

Sông một ngày chưa xong bãi phù sa
Thai một ngày chưa đầy thịt đầy da

Men một ngày chưa thành chai rượu cất
Đời một ngày chưa làm xong sự thật.

Mạ một ngày chưa mọc tốt xanh đồng
Đời một ngày ta đánh giặc chưa xong

Nhưng em ơi, rồi ong đây đờ mặt
Trời sẽ tròn trăng, trái rồi chín hạt

(1) *Bạch đầu quân* : chỉ đời quân phụ lão, cao tuổi, đầu bạc.

Sông sẽ bồi xong những bãi phù sa
Thai sẽ thành người thăm thẳm đỏ da

Men đủ độ sẽ thành chai rượu cất
Đủ năm tháng đời làm nên sự thật

Đủ tháng năm ta sẽ đánh giặc xong
Trái chín cây dâu phải chín nóng lòng...

Khu Bốn, 9 - 1967

GIỜ TRƯA

Đây là giờ trưa. Những con gà cục tác.
Nắng âm âm không khí nở nang nhiều,
Cả vũ trụ như đang giờ ấp ủ.
Những hàng cọ xoè lá ra mà thở,
Những cây dừa chải lại mái tóc xanh,
Chim ríu rít ở trên cành,
Con chuồn chuồn cũng tìm tia nắng đậu.
Nhện nhện được cái giờ trưa tanh ráo
Giăng lưới phơi cành táo qua cành cam.
Lúa tẻ nhàn. Sự sống rất yên tâm
Mọc từng chút, không gì ngăn cản được.

Cả trời đất giữa lòng trưa rạo rục
Đang trùn ôm, đang thai nghén điều chi.
Trên đồng bằng : một niềm vui sống rất tinh vi...
Giờ trưa ấy... lại con ma Mỹ đến
Tiếng nó rống không làm rung lưới nhện,
Bay lăm la lăm lét vãi bừa bom ;
Đạn trúng đầu, đuôi phụt khói đen ngòm
Làm tối xám một góc trời nắng lọc.
Buổi trưa ảm lại bốn bề tiếp tục,
Con gà mái lại đầu đây cục tác
Báo với đời thêm một trứng tròn to.
Anh bộ đội ngoài đồng ngồi trên mâm pháo
bóng tròn vo.

CÓ NHỮNG CON SÔNG

Có những con sông sâu chảy thẳm không nghe tiếng
Như mạch máu mấy nghìn năm chưa phát hiện⁽¹⁾
Sông cứ trôi, sáng tạo những phù sa,
Máu cứ tuần hoàn nuôi thịt nuôi da...

(1) Sự tuần hoàn của máu trong cơ thể mãi đến đầu thế kỷ XVII mới được phát hiện.

Có những tâm hồn như những sông sâu thăm thẳm
Chảy theo hướng những chân trời vạn dặm
Không ồn ào, mang trong đáy cả trời xanh
Tải cho đời triệu khối sống tinh anh.

Có những dân tộc như những dòng sông không nghỉ
Lòng càng sâu, sóng bờ càng tế nhị
Chảy thẳng giữa trăm dòng, tinh táo, ung dung
Bởi đã lắng nhuần trăm sự nấu nung...

Cần môi không muốn khóc
Cười mỉm toả lòng vui
Ôi đẹp sao tâm hồn dân tộc
Sông "lòng lạnh đáy nước in trời"

Tôi tặng bài thơ cho cô pháo thủ
Nói quyết tâm bằng thoáng hồng cười nụ
Tặng những con sông, tặng những tâm hồn
Chảy nghe êm mà dạ đất bền chôn...

1967

GỬI BẠN NGƯỜI NGHỆ – TỈNH

Ai ơi, cà xứ Nghệ⁽¹⁾
Càng mặn lại càng giòn
Nước chè xanh xứ Nghệ
Càng chát lại càng ngon

Khoai lang vàng xứ Nghệ
Càng nhai kỹ càng bùi
Cam Xã Đoài xứ Nghệ
Càng chín lại càng tươi

Ông đồ xưa xứ Nghệ
Càng dạy, chữ càng nhiều
Tinh tình người xứ Nghệ
Càng biết lại càng yêu

Ai đi vô nơi đây
Xin đừng chân xứ Nghệ
Ai đi ra nơi này
Xin chân đừng xứ Nghệ

(1) *Xứ Nghệ* : tiếng thân mật để chỉ chung hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

Nghe câu vè ví dặm
Càng lắng lại càng sâu
Như sông La chảy chậm
Động bao thuở vui sâu

Ăn, xứ Nghệ ăn dặm
Đã nói, nói hết lòng
Đất này bền nghĩa bạn
Đất này tình thủy chung

Đất này mẹ dạy con
Yêu anh hùng nghĩa khí
Giữ lòng đỏ như son
Nuôi thù sâu tựa bể.

Đất này đất Xô-viết
Đảng mở hội cờ hồng
Tự tuổi vàng đá biết
Mặn mãi tình công nông

Tình xứ Nghệ không mau
Nhưng bén rễ sâu lắng
Quen xứ Nghệ quen lâu
Càng tình sâu nghĩa nặng

Ôi xứ Nghệ, xứ Nghệ
Đất cổ nước non nhà
Đã trăm, nghìn thế hệ
Vẫn ưa nhút, ưa cà.

Dân thời đại Bác Hồ
Sống xã hội chủ nghĩa
Vẫn dáng dấp ông đồ
Hay chữ lại hay nghĩa

Ôi tâm hồn xứ Nghệ
Trong hồn Việt Nam ta
Có gì tự ông cha
Rất xưa mà rất trẻ
Giống như Bác của ta
Một con người xứ Nghệ
Một con người xứ Nghệ.

Nghệ – Tinh, 10 - 1967

Có những ngã ba là nơi gặp gỡ của những dòng
văn minh lớn, Đông, Tây, kim cổ...
Tất cả những ngã ba trên, con có thể học biết
trong sách địa dư, trên những bản đồ,
Mai sau lớn lên con có thể đến thăm và chụp ảnh nữa...
Xong rồi, con có thể quên...
Nhưng con ơi, con chớ có quên ngã ba Đồng Lộc.

Trong đời mỗi người cũng có những ngã ba đường
Trong đời mỗi dân tộc cũng có những ngã ba
quyết định,

Những ngã ba vận mệnh,
Những cái nút trên dậm dài lịch sử.
Gặp những ngã ba đời, con sẽ nghĩ suy
Và con ơi, muốn tìm đúng hướng đi
Con sẽ nhớ đến ngã ba Đồng Lộc.
Ngã ba Đồng Lộc :
Là ngã ba nhưng nào có phân vân
Nào có đắn đo do dự
Là ngã ba trên chặng đường quyết liệt
Nhưng hướng đi đã quyết
Không phải cho một lần
Mà cho tất cả mọi lần
Không phải cho một người
Mà cho tất cả quê hương, đất nước :

Hướng về Nam, một nửa mình Tổ quốc.
Các ngả ba khác trên đời làm bằng nước, bằng sông,
bằng thủy triều lên xuống,
Hay bằng đá, bằng đất
Bằng xi măng cốt sắt
Bằng vôi trắng, gạch nâu
Bằng đèn xanh đèn đỏ đủ màu
Hay bằng những sự chênh vênh vấp ngã,
Nhưng ngả ba Đồng Lộc làm bằng xương máu.
Khi con về quê, con nhớ viếng thăm
Mộ người cô kẻ bên đường đỏ.
Các cô như còn đứng đó
Chờ lấp hố bom
Đường thông xe các cô mới đi nằm.
Các cô để lại tuổi thanh niên
Mười chín, hai mươi, hăm hai tuổi
Cho đất nước, quê hương
Hồn trong như suối,
Bình minh đời sáng rực vùng dương...
Con sẽ tìm thăm mời cô La Thị Tám
Từ trường học lại về trận địa đầu non.
Đứng giữa đàn bò đàn bê mồm mĩm
Trên sườn núi cao cỏ đã mượt màu xanh

Như mảng da non trên thân thể đang lành
Cô sẽ chỉ con xem
Những hố bom loang lổ
Như đất trên mặt trăng
Mỗi thước vuông ba quả bom to bự
Cô sẽ chỉ con xem
Nghìn vạn điểm lãn bom nổ chậm
Cô từng đến cắm cờ
Mỗi lần chạy thi với cái chết.
Đôi chân cô nhanh hơn kíp nổ
Cô là ngọn cờ đỏ của quê ta.
Nghìn năm sau lịch sử sẽ còn ghi
Những năm tháng chiến tranh ác liệt
Nghìn vạn chuyến xe đi
Qua trái tim ngã ba Đồng Lộc.
Máu qua tim máu lọc
Xe vượt ngã ba xe xóc tới miền Nam.
Và con ơi, bố ngồi nghĩ miên man :
Bạn bè ta trong cơn gió lốc
Hắn cũng đang vượt những ngã ba Đồng Lộc,
Những ngã ba Việt Nam.

Đọc đường dài kẻ địch còn găm
Nhiều bom nổ chậm
Nhưng chẳng hề chi !

Khắp năm châu còn nhiều La Thị Tám⁽¹⁾.
Nhiều Võ Thị Tấn⁽²⁾.
Đường sẽ thông xe đi về cách mạng.

Hà Tĩnh, 1971

TỔ QUỐC

(Tâm sự yêu nước của kiều bào tại Pháp)

Yêu mến tặng kiều bào ở nước ngoài

Việt Nam ơi ! Mẹ nghìn đời yêu dấu
Tên thiêng liêng đau đau lòng con
Mẹ có biết tâm hồn con chảy máu
Thuở đau thương, mẹ nuốt tùi, nuôi hờn.

Tổ quốc ơi ! Bởi vì sao mỗi bước
Chân con đi xa mẹ nhói bàn chân
Cũng ánh sáng, cũng trời mây, gió nước
Xa quê hương sao nhạt nhẽo muôn phần

-
- (1) Chị La Thị Tám chuyên phát hiện bom nổ chậm, cầm cờ bên cạnh bom để xe tránh, và để hướng dẫn đội công binh đến phá bom, chị đã được tuyên dương anh hùng.
- (2) Chị Võ Thị Tấn, đội trưởng Đội Thanh niên xung phong (10 cô) chuyên lắp hố bom, đã hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ, toàn đơn vị được tuyên dương anh hùng.

Ai có biết làm sao nói được
Lòng tha hương trần trọc nhớ quê hương
Mắt có ngủ mà hồn ta vẫn thức
Tình non sông da diết máu xương.

Đêm khuya vắng, bỗng nhớ mùi hương bưởi
Ướt ánh trăng thơm suốt mấy canh gà
Cả tuổi nhỏ lại trở về mát rượi
Bóng dừa xanh, hàng tre mượt quê ta.

Những đứa con phải rời xa Tổ quốc
Mẹ biết chăng, chỉ sống nửa tâm hồn
Một nửa khác gửi vời theo sóng nước
Về quê cha đặng giữ thắm lòng son.

Việt Nam ơi ! Nuôi đàn con những thuở
Mẹ cần răng không cho nước mắt trào
Mẹ lấy sức vùng lên trong biển lửa
Mẹ hôm nay sừng sững giữa trời cao.

Vẫn xa nước lòng nay sao rạn vỡ
Lửa quê hương soi ấm tấm lòng con
Bao con mẹ bấy nhiêu hồn máu đỏ
Mẹ lại cho con vẹn cả tâm hồn.

Anh em ơi, bởi vì sao mỗi bước
Chân ta đi ngang dọc khắp trời tây
Không lùi thối, chẳng ngừng ngàng như trước
Cái thuở cha, anh lê gót đọa đày.

Mẹ Việt Nam, mẹ nghìn đời yêu dấu
Ôi quê hương, máu của máu lòng ta
Lòng yêu nước bốn nghìn năm nung nấu
Chia đều con như sữa mẹ cơm cha.

Xa đất nước, vẫn cảnh xuân phơi phới
Quyết đơm hoa góp mùa rộ quê nhà.
Ánh dương sớm chân trời ta chiếu rọi
Theo đàn con vững gót nẻo đường xa.

Toulouse – Pháp. 1969

ME SINH CON...

Mẹ sinh con trong hầm chống Pháp
Đất rung theo tiếng súng làm nổi.
Từ lòng mẹ lại từ lòng đất
Con lớn lên, cây mạnh xanh chổi.

Con lớn lên theo cha đánh giặc
Chiến trường gần đến chiến trường xa
Hầm mẹ lấp trồng khoai trồng lạc
Lại đào lên khuya sớm thay nhà.

Mẹ tưởng quen, đêm nằm vẫn nhớ
Hễ nhớ con, ngỡ mới sinh con
Mẹ cứ thấy con còn bé nhỏ
Hay đâu con đã diệt địch, công đồn...

Thư con gửi đường dây đèo suối
Kể nhiều về đồng chí, đồng bào
Mẹ hiểu lắm. Cả nôi lá bưởi...
Ai nấu con xông thơm ngát chiến hào.

Con của mẹ, gắng lên con nhé !
Cùng anh em quyết đánh Mỹ xong.
Mẹ sẽ đón hai cha con chiến sĩ
Thắng trận trở về, xây lại đất cha ông.

1971

CHIẾC VÔNG TƠ EM TẶNG

Ngày anh lên đường, em trao anh chiếc vông
Vông đan mũi tơ nhẹ tựa thời gian
Tơ quê ta chín bụng tấm vàng óng
Vông theo anh từng giấc ngủ núi ngàn.

Võng treo vào cây nguyên cành nguyên lá
Bỗng hoá cột nhà nhịp võng dung đưa
Võng tơ nhẹ : mạng nhện nào kỳ lạ
Giăng đôi cành lấp lánh ánh trăng thưa.

Võng anh treo đầu Nam đầu Bắc
Hai hồi nhà cửa đất nước thương yêu
Núi về Nam sợi võng bên dằng đặc
Nhớ về em trăm múi võng đan thêu...

Võng ru anh trưa Trường Sơn nắng biếc
Võng ru anh đêm đèo suối trăng sương
Ngủ với súng trong màng tơ em dệt
Võng mắc lên : trạm ấm giữa đường trường.

Em thương anh đan từng múi chặt
Anh nhớ em giấc ngủ quyến vào tơ
Em bên anh chẳng bao giờ vắng mặt
Tay tơ em, anh áp má những giờ...

Chiếc võng theo anh suốt đường chiến đấu
Ngày hành quân vo giấc ngủ đeo lưng
Chiếc võng quê hương tết bằng nắng ủ
Dành cho anh trăm buổi đậy tung bưng.

1971

HƯƠNG ĐẤT

Chuông bò bốc ấm mùi phân ủ
Mùi cỏ còn hăng xen cọng rơm.
Nắng rọi phen thưa chiều rạo rực
Ngoài vườn luống cải hoa vàng đơm.

Mùi đất mùi phân nhuyễn với nhau.
Mùi bùn vừa nạo dưới ao sâu
Chua chua rấp rấp mùi ngâm mạ
Nghe nứt mầm xanh mỗi tế bào.

Quen thuộc trời này với gió này
Chiều đông gió ửng những bàn tay,
Như nghìn ngọn lửa đang nhen nhúm
Cho một mùa xuân nhựa ấm đầy.

1972

GÀ GÁY TRÊN CÁNH ĐỒNG BA VÌ ĐƯỢC MÙA

Gà gáy đầu thôn, gáy giữa thôn
Mưa tinh sương mát tận tâm hồn
Đêm qua tắt gió cây không ngủ,
Mưa sớm hàng cây đứng ngủ ngon.

Gà gáy trong mưa tiếng vẫn trong,
Giọng kim giọng thổ rộn vang đồng.
Được mùa giống mới, gà no bữa,
Tiếng gáy tròn như lúa nặng bông.

Núi Tản như con gà cổ đại
Khổng lồ, mào đỏ thấp bình minh
Mệnh mông gọi nắng cho mùa chín
Từ buổi Sơn Tinh thắng Thủy Tinh.

Ba Vì – Hà Tây, 6 - 1972

XEM TRIỂN LÃM TƯỢNG GỖ DÂN GIAN

Nhân dịp đầu xuân Nhâm Tý, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam mở triển lãm, bước đầu giới thiệu nền nghệ thuật điêu khắc gỗ dân gian ưu việt, độc đáo của các thế kỷ XVI, XVII và XVIII.

Vui Tết nhớ cha ông
Ta đi xem tượng gỗ
Vàng son sơn có bong
Nét đời còn lồ lộ

Chạm con cua con cá
Chạm đánh vật đua thuyền
Nồi lòng bác thợ cả
Trăm nhất đục đây duyên

Tạc voi trận, voi cày
Tạc voi lồng, nổi gió
Nhẹ như mây voi bay :
Vui phập phồng thớ gỗ.

Ai đánh cờ chí thú
Ai vui xuân chọi gà
Nước cờ chùng bí dữ
Bây giờ chưa gỡ ra,

Cảnh nhà ai đánh ghen
Tóc đuôi gà kéo cắt
Nỗi hai vợ khổ chưa !
Gỗ cười hay cẩu gât ?

Ai treo buồm giăng cột
Ai lên mái dựng nhà
Đất bằng hay sóng nước
Bền vững thế ông cha.

Chị em tắm hồ sen
Tránh thằng quan đâm đăng
Một chị tay hái liền
Lá sen làm lá chắn,

Quan quân phường cướp bóc
Lợn béo bắt đi rồi
Trẻ sợ không dám khóc
Mẹ than thở kêu trời...

Bà ơi, thúng gánh con
Bán con hay chạy giặc ?
Vai dạn lại lưng còng
Gỗ cười ra nước mắt.

Cuộc sống cay, đắng, chát
Cũng xen lẫn ngày vui
Khi hội làng múa hát
Gỗ bưng muôn thớ tươi.

Đời trăm nỗi bất bình
Cũng lắm điều thú vị
Cát cao tận mái đình⁽¹⁾
Trên đầu bọn hào lý

(1) *Cát cao tận mái đình* : phần lớn những tượng này đều chạm trên những xà của các đình, cao sát mái.

Cha ông xuân đánh Mỹ
Cũng về hợp ba gian⁽¹⁾
Cuộc đời thêm gân guốc
Nhất đực khắc thời gian.

ĐÊM NAY

Đêm nay tôi sống với tình yêu
Của đôi trai gái yêu nhau lên đường đánh Mỹ.
Họ yêu nhau, và yêu cả đời tôi trong tình yêu của họ
Họ lên đường với những bước chân nho nhỏ
Với câu chuyện thăm thì nhẹ như hơi thở trẻ thơ.
Đêm nay tôi sống với những giấc mơ
Rất thực và rất mơ trong đôi tâm hồn trẻ
Anh là bác sĩ quân y
Khoa học và tình yêu cùng nở thành hoa hồng thắm đỏ
Chị là thanh niên xung phong
Bàn chân đã rỗ sỏi đá những chặng đường dài...
Họ yêu nhau với sức nặng của tương lai

(2) *Cũng về hợp ba gian* : các tượng dân gian được trưng bày trong ba phòng lớn của Viện Bảo tàng Mỹ thuật.

Với quá khứ đắng cay của cha của mẹ
Với màu xanh hoài bão của những chân trời mới mẻ
Với niềm tin không chỉ ở riêng hai.
Đêm nay tôi sống với tình yêu bất ngát
Của những đôi trai gái lên đường
Tình yêu có dấm vị gian lao, nhưng không hề
một ly đắng chất...

Đêm nay tôi sống với những cuộc tiễn đưa
Không làm bằng nụ cười hay nước mắt
Mà bằng những phút lặng nhìn nhau
Và những bàn tay siết chặt...
Họ bước đi, tiếng chân mờ nhanh trên con đường cát
Và cả trời sao mọc ùa lên, lấp lánh phía người đi.

1972

NGÀY HẰNG SỐNG NGÀY HẰNG THƠ

Sau 1975, Huy Cận cho xuất bản các tập :
"Ngôi nhà giữa nắng" (NXB Tác phẩm mới, H., 1978), "Hạt lại gieo" (NXB Văn học, 1984),
"Chim làm ra gió" (NXB Tác phẩm mới, H., 1989), "Tao phùng" (NXB Đà Nẵng, 1993), "Lời tâm nguyện cùng hai thế kỷ", (NXB Thanh niên, 1997), "Ta về với biển" (NXB Văn học, H., 1997),... Cảm thức chi phối các tập thơ này là niềm yêu sống, ý thức về sự hữu hạn của kiếp người và khát khao được gắn bó với cuộc đời bằng niềm tin "Trồng bao nhiêu vụ còn tươi tốt - Hạt gặt xong rồi, hạt lại gieo".

NHỮNG THÀNH PHỐ BÊN BỜ BIỂN CẢ

Những thành phố bên bờ biển cả
Đang dựng lên. Chưa vội soi gương,
Biển gọi gió, cát vàng gọi đá,
Xanh thẳm sâu gọi trắng làm tường.

Những thành phố mọc lên giao duyên
Giữa biển biếc đất hồng – như muối
Đã chói chang thơm nắng đất liền
Lại bát ngát biển cồn vời vợi.

Móng của ta cả bờ lục địa
Thành phố ơi ! Đời bám rễ sâu.
Những thành phố – những nàng tiên bể
Đẹp thanh thoi áo nắng một màu.

Những thành phố đóng cừ biển cả
Đang dựng lên, ta đến soi gương.
Bóng năm tháng vừa quen vừa lạ
In hồn ta xanh biếc trùng dương.

2 - 1973

TÔI NÀM NGHE ĐẤT

Tôi nằm nghe đất thở mênh mông
Hơi thở thành sương êm ả trong
Đất cứ lặng im, còn bận rộn
Như bà mẹ giữa đàn con đông.

Lá úa nằm hoai, hương cũng úa
Nước thơm vô rề lại lên cành
Đất thu nhận hết, đêm nhào nặn
Trăm úa làm nên một búp xanh.

Tôi sinh ra ở miền sơn cước
Có núi làm xương cốt tháng ngày
Đất bãi tươi làm da thịt mát
Gió sông như những mảng hồn bay.

Thác cuộn bên nhà như trống hội
Vui ran nhắc cuộc sống lên đường
Nhắc trâu đê ghé mùa lên núi
Nhắc lúa ra đồng, ngô mướt nương.

Có phải tôi thân với nụ mầm
Những chi thai nghén tận sâu ngầm
Tự ngày để chỏm ngòi trâu rượt
Giữa gió đồng quê tuổi bốn, năm.

Tôi nằm nghe đất thở mênh mông
Đời phố không người tuổi ruộng đồng
Nhớ mẹ ngày xưa chân bấu đất
Mẹ chăm làm lụng giữa con đòng.

1973

ĐÊM VỀ VỚI BIỂN

Đêm về với biển đêm xanh
Không đen, đêm biển long lanh nghìn trùng.
Ta đi khắp núi khắp đồng
Lại về ngủ biển, nằm trong đợt dào
Ta nằm trên đáy trăng sao
Nằm chao sóng mạn, nằm chao sóng cồn.
Ta cùng biển hoá chiếc hôn
Mênh mông, hôn bãi bờ, hôn cuộc đời...

ĐÊM TRĂNG MƯA

I

Có trăng mà lại có mưa
Như trên lụa bạch thêu thù kim sa.
Hoàng lan trước ngõ la đà
Cành đưa nét đậm, lá nhòa mực phai.
Những e phí đẹp của trời
Ta nằm không ngủ trông vời mưa trăng.

II

Có mưa mà lại có trăng
Thời gian rất nhẹ đan bằng sợi trong.
Có trăng mưa khỏi lạnh lùng
Cố mưa trăng thấm tận cùng cỏ cây.
Thiên nhiên hàng vạn đổi thay
Vẫn nguyên ý đẹp giải bày cùng ta.

Đêm 5 - 7 - 1972

NGÔI NHÀ GIỮA NẮNG

NGÔI NHÀ GIỮA NẮNG

Nắng đẹp tháng mười – Nhà giữa nắng
Đầy như một trái chín đang mùa
Khói xanh làm cuống, – trời xanh lắng
Gió dậy từng cơn reo lá khô.

Con ta như hạt lựu trong ngân
Chạy toé đầu sân, đũa cuối sân
Nắng chạy lon ton theo bước trẻ
Lá tơ nắng lọc nổi từng gân.

Ngôi nhà ta ở bao năm tháng
Như áo lột mình dính thịt da
Trông nhà đứng tường thân ta đứng
Lặng khoẻ nào hơn dáng cửa nhà.

Ngày đẹp trọn ngày, nhà ở giữa
Nắng như vôi vữa trát vàng tươi
Chơi tàu vũ trụ con bay vút –
Bố đứng nhà ta, trụ sở người.

22 - 11 - 1974

HƯƠNG ĐÊM THU

Đêm thu

Vỏ cây thơm

Như da người thơm nắng

Ánh trăng mỏng lắm

Làm áo lụa cho cây.

Ồi những con chồn hương

Mùi hương nồng rạch gió đầu đay

Nửa thơm như thịt da người

Nửa mùi thảo mộc

Khía vào mũi mùi hăng tươi của lộc

Từ nhựa tỏa ra.

Tạo vật trẻ trung làm ra mùa náo nức

Hương đêm thu

Thơm cả những vùng sao

Hương đêm thu

Tạo vật tìm nhau.

Ta nhìn bàn tay ta

Như chiếc lá tươi xanh

Giữa trời gió nắng.

Tay ơi lá ơi

Tay, lá ôm đời

Trong vòng nhựa ấm

Trong dòng nhựa sôi.
Đêm thu
Còn dư âm chút nắng oi mùa hạ
Hè đã đi qua
Với bước chân vội vã
Của những cơn dông.
Và Thiên nhiên ơi, có phải chăng
Mùa xuân con so
Mùa thu con rạ
Bụng dạ Thiên nhiên đã quen sinh hạ ra đời
Đêm thu
Vỏ cây thơm
Như da người thơm nắng.
Ánh trăng mỏng lắm ta lột trên tay.
Ta muốn bế Đất này
Như thờ mới lột lòng vũ trụ

Hương đêm thu
Lòng ta chẳng ngủ

Việt Bắc, 9 - 1974

ỐM DÂY

Lần đầu anh ốm. Gặp xuân về
Vườn rộng, trời cao, thờ thoả thuê
Xuất huyết, Thân đang làm lại máu
Như cây này lộc cành xum xuê.

Cảm giác người anh thức nhọn hơn
Hay mùi lá mới khứa vào hồn
Mà đi trong nắng anh ngày ngất
Như bướm đầu tiên mở cánh hương.

Trà bữa ăn ngon. Trà bữa nhìn
Anh nhìn từng lá cỏ như in,
Nhìn từng bóng dáng người qua lại
Quen thuộc mà sao như mới tinh.

Ấm lại lòng ta, ời Tạo Vật !
Người đầu cất rốn với Thiên nhiên !
Nắng thơm như sữa, khay như mặt
Vũ trụ nghìn năm vẫn mẹ hiền.

Em hãy đi tay bước với anh
Giữa trăm cây vững đứng giao cành
Có nghe em hơi nồng tình bạn
Giữa máu lòng ta với nhựa xanh ?

Bệnh viện Việt Xô, 18 - 12 - 1974

ĐÀN TƠ-RUNG

*Tặng bạn Kpa-pui, nhạc sĩ Tây Nguyên
trong đoàn đại biểu văn hoá Cộng hoà
miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc*

Nửa anh đem phơi nắng
Chín ửng mặt trời nóng
Nửa anh đem hong bếp
Óng ánh màu mật ong.

Anh bắc qua năm tháng
Chiếc cầu phao âm thanh
Đời hai đầu mưa nắng
Đàn mắc võng tâm tình.

Mỗi câu em đậm đà
Mỗi tiếng lòng anh dội
Câu trầm bổng thiết tha
Võng ru lời rừng suối.

Em cùng anh ta nổi
Qua trăm núi nghìn đèo
Tiếng quê hương vời vợi
Như dậy rừng nửa reo.

Tiếng đá lỏng tiếng nứa⁽¹⁾
Cung bậc hồn cha ông
Bậc cao như đỉnh núi
Bậc trầm hơn đáy sông.

Đàn nói lòng Đam San
Đàn nói tình Xinh Nhã
Nói ân tình đôi ta
Tựa lửa bền trong đá.

14 - 10 - 1974

(1) Chiếc đàn đá của Tây Nguyên, tiền thân của đàn tơ rưng, đã có cách đây mấy nghìn năm, là một trong những nhạc cụ cổ nhất của nhân loại.

GIÓ LẠNH CHIỀU ĐÔNG

Gió lạnh chiều đông nhớ tuổi thơ
Bầy chim chèo bẻo nấp bên bờ
Mênh mông nước bạc đồng sau gặt
Một nỗi buồn xa như sóng xô.

Chim ở đâu về sà chớp mắt
Chim vương nhựa trết, hết bay rồi
Bất chim nghe lạnh hai đầu cánh
Tương mặt trời sa rụng đến nơi.

Tuổi nhỏ hát hiu giữa cánh đồng
Nửa tràn sương núi, nửa hơi sông
Có gì ẩm ướt trong hồi tưởng
Như áo ngày mưa trên bếp hong.

Gió lạnh chiều đông sui nhớ thườ
Bầy chim chèo bẻo nấp bên bờ.
Hôm nay ta nấp, thơ giăng lưới
Bầy tháng năm về bắt tuổi thơ.

1974

HUẾ VẤN VƯƠNG

Xanh mượt bờ xanh Huế, Huế ơi !
Cỏ cây đây đã hoá vườn trời
Người đi bước nhẹ không nghe tiếng
Mà nặng lòng yêu biết mấy mươi.

Huế hoa thiên lý mùi hương thoảng
Huế tím chiều thu dậy ước mơ
Mái đây cầu hồ ngân ánh nước
Sông không trôi bởi luyến lưu bờ.

Tuổi nhỏ đời ta Huế giữ không ?
Cho ta xin lại những năm hồng
Cho ta sống lại ngày xưa cũ
Mới hái mùa thơ giữa độ bông.

Tình bạn, tình yêu Huế khéo ương
Hoa xuân trái đậu thảng năm trường.
Bằng khung nay nhện chiều giăng lưới
Bằng lảng lòng ai Huế vấn vương...

1978

CHÉP BÀI THƠ CŨ

Anh biết yêu em đã muộn màng
Nhìn em trăm bận chỉ nhìn ngang
Biết rằng nhìn thẳng thêm đau đớn
Anh sợ tình ta sẽ dở dang...

Muốn trốn em, mà trốn được nào !
Mắt em thâm gọi sắc như dao
Mỗi lần gặp lại lòng đau điếng
Trốn cả lòng anh, trốn được sao !...

Em hồi lòng anh yêu đã sâu
Yêu em ngay tự thuở ban đầu
Gặp em như nén lòng anh lại
Em đẹp, lòng anh lại nhớ đau.

Em hồi ! Yêu nhau chẳng muộn màng !
Lửa bên trong đá mấy muôn năm.
Lửa đôi ta chẳng cùng nhau đơm
Sẽ đốt lòng ta ra bụi than.

HẠT LẠI GIEO

Nửa đêm anh thức dậy bàng hoàng
Nửa vì xuất huyết, nửa vì thương
Thương con, thương vợ và thương bạn
Và tiếc đời, ôi ! Nếu dở dang...

Vậy đó em ơi, thương chẳng nói –
Tình thương để đó, nói năng chi !
Nhưng khi lâm nạn tâm hồn với
Mới thấy ân tình nặng thế ni...

Còn tiếc đời, ôi ! Tiếc lắm, em !
Tiếc mà muốn dậy nửa chừng đêm
Kêu to một tiếng rồi ôm hết
Sự sống trên đời vô trái tim.

Anh hoãn làm thơ để máu cầm
Máu ơi ! Ở lại, chớ ra dâm
Máu là thế giới trong ta đó
Chớ để ta nằm với lạnh căm.

Yêu mãi, yêu rồi, đâu hết yêu
Cuộc đời như miếng đất phì nhiêu
Trồng bao nhiêu vụ còn tươi tốt
Hạt gặt xong rồi, hạt lại gieo ;

Rồi một ngày kia già cỗi này.
Xin cho gieo hết hạt trong tay.
Chứ tay còn nắm chưa vơi hạt
Mà phải ra về cực lấm thay !

Bệnh viện Việt - Xô, 11 - 1974

TRỜI XANH

Em ơi ! Trời xanh
Như là tuổi nhỏ
Đôi cây giao cành
Bên đường, vui sao !

Giờ đây trưa rồi
Chim đà nghỉ hát
Lá đà nghỉ quạt
Mành hoa bồi hồi.

Đời năm rất êm
Mây thưa bông rềm
Thời gian rất nhẹ
Qua mành tóc em.

Mây hiu hiu bóng
Mây tơ dệt mộng
Em là trời xanh
Nhìn qua cửa động.

Trưa nay trong nhà
Ghế bàn yên ngủ
Riêng lòng hai ta
Nằm trong vũ trụ

1941

TA VIẾT BÀI THƠ GỌI BIỂN VỀ

Ta viết bài thơ gọi biển về
Nghìn năm dào dạt sóng say mê
Hoàng hôn khép nhẹ hàng mi tím
Xanh biếc bình minh buổi gió se

Ta, biển sinh đôi tự thờ nào ?
Sóng ngầm bao đợt nhói lòng đau
Cái vui đầu sóng, buồn chân sóng
Cùng lặn chiều hôm nét đỏ au.

Rồi một ngày kia hết ở đời
Cho ta theo biển khoả chân trời
Điều chi chưa nói xin trao sóng
Lấp lánh hồn ta mạn gió khơi.

1982

BÃI BIỂN CUỐI HÈ

I

Bãi biển cuối hè dần vắng lặng
Vô tâm biển vẫn đẹp tung bùng
Mai đây ta vắng, đời không vắng
Vũ trụ diễm nhiên đẹp dửng dưng.

II

Sóng trắng bờm phi hý gió mai
Mây bay tới tấp ngợp chân trời
Phải chăng vũ trụ thừa dư sức
Thình thoảng chồm lên như trẻ chơi.

Trà Cổ, 8 - 1974

ÁO THỜI GIAN

Đêm cuối năm rồi gà gáy giục
Ơi mặt trời đưa xuân mọc lên
Thời gian nghe nở nhanh từng phút
Như phố hoàng hôn bật ánh đèn.

Mãi sống quanh năm với tháng năm
Như quen áo mặc, chiếu giường nằm
Ngỡ năm tháng cũng là da thịt
Rượu tắm thời gian mãi sủi tăm.

Mai đây trần trụi đi về đất
Năm tháng như là chiếc áo phơi
Quên ở ngoài vườn, ao lộng lẽ
Có hoa dâm bụi cúi mình soi.

CHIM LÀM RA GIÓ

CHIM LÀM RA GIÓ

Chim bay, ngựa chạy, trời đang sáng
Mây trắng ùn lên một cõi thu.
Đo sải chân trời chim vút lạng
Ngựa phi bờm nóng quét sương mù.

Dậy sớm theo chim ta thả thơ
Bay vào hội gió nở ra mùa
Phi theo ngựa khoẻ về phương lạ
Đất đẹp chồm vui theo vó khua.

Ta ở đất này, sống cõi này
Đất làm ra gió để chim bay
Chim làm ra gió cho trời rộng
Người thuộc đường chim giang cánh tay.

Ai nhớ thời xưa kim địa bàn
Hình chim thon nhọn chỉ không gian
Nam châm, thơ cũng loài chim đó
Cánh sải mùa xa chẳng lạc ngàn.

5 - 2 - 1984

CON CHIM BAY

Con chim bay không thấy bóng mình bay
Chỉ thấy những chân trời phải tới
Giang cánh rộng đập không gian vời vợi,
Bóng ở đất bằng, cánh lướt trời mây.

Đàn tung bay : niềm vui lớn của chim
Hai chân nhỏ, mà đôi cánh lớn.
Chân trời giương vòng cung, chim là tên nhọn
Bắn xa khơi, không cho biển xô chìm.

Ôi những đàn chim đã vạn mùa vỗ cánh
Khi từ bình minh, lúc tự hoàng hôn.
Bóng khuya sớm có khác màu nóng lạnh
Nhưng mỗi chuyến bay xa mở rộng xứ tâm hồn.

7 - 8 - 1985

VÀO MÙA DÔNG BÃO

Vào mùa dông bão đất xôn xao
Cây cũng chồn chân, lá rạt rào
Ta nữa, lòng ơi ! Nghe biển động
Sóng lừng năm tháng đẩy xô nhau.

Cây giận chỉ hoài cây đảo gió
Mưa hờn ai mãi nước từng cơn.
Nỗi yên tâm lớn về từ biển
Nhưng biển làm đông, sóng dậy cồn.

Tạo vật ơi, ta chẳng muốn đau
Mượn hờ cây lá nói đôi câu.
Nhưng sao cũng có khi trời đất
Như tự lòng ta xoáy gió đau.

8 - 5 - 1977

ANH MANG THÂM EM

Anh mang thâm em trong hôn anh
Như đứa trẻ thơ mãi để dành,
Chiếc bánh mẹ cho từ sáng sớm
Anh chờ hạnh phúc những giờ xanh.

Anh mang thâm em đi trăm nơi
Nhớ em, anh tự mỉm môi cười :
Là anh, hay chính là em đó ?
Anh sống thâm em ở giữa đời.

DIỆU OI, DIỆU ĐÃ VỀ YÊN TỊNH

Diệu ơi Diệu đã về yên tịnh
Cận hãy còn đây trâm xoắn xang.
Cận mới về thăm quê Nghệ – Tĩnh
Gặp tuần trăng sáng ngăn ngõ trăng.

Cận ra Thanh Hoá nằm bên biển
Biển lại dòn xao không phút ngưng.
Diệu đã đi xa về tới bến
Cận đang biển động sóng lòng dâng.

"Hồi ký song đôi" đang viết dở
Hai chương tuổi nhỏ chép xong rồi.
Đời ta, trang khép, còn trang mở
Cận viết đây trang, tay mới xuôi.

Biển lớn băng qua, áy biển đời
Biển vào vũ trụ, ánh sao mời –
Diệu dò thế giới bên kia trước
Khởi lạ đường khi Cận tới nơi.

Sâm Sơn, sáng 27 - 7 - 1986

TAO PHÙNG

HOA ĐĂNG

Khi ta đến các người đà đến cả
Có Thiên nhiên, suối chị với rừng anh
Cỏ vạn đại đã quen chiều óng ả
Liễu thiên thu từng thuộc lối buông mình.

Chim siêng hót đã mấy đời ngọt giọng
Bướm chặm bay nhẹ cánh thuở lâu rồi
Đất duyên dáng những vú đôi mơ mộng
Trời xanh sao dưới nước ngọc tuôn trôi.

Chắc vui lắm nên về đông đủ vậy
Ánh muôn sao vương móng sợi tơ chăng
Ta đang ngủ trong luân hồi tình dẫy
Thấy trần gian là một hội hoa đăng.

Hoa nhảy múa nổi vòng quanh thánh biếc
Ca ngợi bốn mùa công chúa nguy nga
Và tất cả đã rạn màu yến tiệc
Đủ cả rồi, duy thiếu một mình ta.

Ta hôn hờ khoan thai vào nhịp cuộc,
Góp vui chung với nhịp máu lòng say
Ta đi tới trong đời hơi chậm bước
Gặp Thiên nhiên như gặp bạn lâu ngày.

Ta ngây ngất thấp cao hồn đước rạng
Cuộc vui chung cùng góp ánh muôn sao
Và tự lúc hồn ta qua cửa sáng,
Hội hoa đang bừng nhạc thấm xôn xao.

Hà Nội, 1940

ĐỜI HỎI GÌ TA

Đời hỏi gì ta trên đảo vắng ?
Mặt xanh hiu hắt gió thời gian
Đời hỏi gì ta trên biển nắng ?
Hồn xanh cuộn cuộn suốt khơi ngàn.

Đời hỏi gì ta ? Hồn ta đây !
Nhìn đêm mắt rụng hay sao bay ?
Ta đến đây, đất trời hưng thịnh
Đời hỏi gì ta trong ánh ngày ?

Ánh sáng thâm vang, ta lắng nghe
Âm binh rên khóc giữa trưa hè
Quay tròn giọt lệ ba nghìn hương,
Đời hỏi gì ta sau bánh xe ?

Đời hỏi gì ta trong gió mạnh,
Đời hỏi gì ta trên biển đầy ?
Mắt Đời nhìn hỏi nhiều khi lạnh
Thế cuộc vang lừng hạt máu say.

Hè 1941

TAO PHÙNG

Đi trong đêm rộng nghìn xa vắng
Ta đã theo sao tới đỉnh đời
Ta tạm quên buồn thế hệ
Tâm tư bè bạn gió trăng ơi !

Ta đã đi trong lòng vũ trụ
Nhìn Đất yêu thương xứ sở người
Ta đã buồn, vui như sóng bể
Nghìn năm mạn đắng trải xa khơi.

Có nỗi niềm gì rất cảm thương
Chiều hôm xao động biển rung rung
Mang mang thức giữa lòng đêm lạnh
Lại nói lòng ta mắt lệ bình

Có kiếp luân hồi để hẹn nhau ?
Nước non, thế kỷ, nỗi vui sầu –
Hãy say chén rượu khay mùa đất –
Biết có còn môi uống kiếp sau !

Này cỏ, này hoa, này bướm chim
Này tình rạo rức cháy trong tim
Ban bè một thuở cầm tay lặng
Cảm trước ngày kia bóng lụi chìm

Và này tư tưởng cháy đầu xanh,
Muốn gặp hồn sâu Tạo hoá, đành
Đốt lửa tâm tư lòng sáng tỏ,
Đem so trời đất khối tinh anh

Và này thơ phú giữa đêm thâu
Nói chuyện mai sau, nói chuyện đầu
Nói chuyện nhân sinh nhiều nước mắt
Nói vui vũ trụ đỡ lòng đau...

Ta lại đặt môi hôn Trái Đất
N như tim vú mẹ tuổi sơ sinh
Sữa nông uống cạn hôn da thịt
Xây trọn hồn hoa, trọn dáng hình.

Ngon gió từ đầu vi vút thổi
Nghe chùng giục giã đó, ta ơi !
Ngon triều luân lạc đổi thân thế
Động chất bờ đêm, tê tái môi.

Đi trong đêm rộng nghìn xa vắng
Ta đã theo sao tới đỉnh trời,
Nay lại về đây nâng giọt lệ
Trong tay xem chiếu ảnh đời soi.

1942

EM Ạ, VƯỜN XOAN...

Em ạ, vườn xoan anh ngủ say
Giấc mơ tím trắng giữa ban ngày
Hương xoan thơm mát chiều hè thịnh
Hương tím hay là mộng có cây ?

Giấc xoan trên cỏ ; dưới hoa cành
Anh lại nằm mơ hoa lá xanh.
Màu lý chiều hè là xứ sở
Lòng em đi tới với lòng anh.

Lòng anh kết một chùm hoa nhớ
Hoa lý trong mơ, hoa tím xoan
Xanh tím gọi nhau mùa gặt gở
Tặng em kỷ niệm cưới mười năm.

1974

YÊU ĐỜI

Em ơi, đâu sống trăm năm
Đến khi chết xuống, anh nằm không yên.
Bờ đời đẹp quá đi, em !
Yêu rồi, yêu mãi, yêu thêm chẳng thừa.
Yêu đời biết mấy cho bura⁽¹⁾ !
Cả khi cay đắng đời chưa hết tình.
Tiếng gà lại giục bình minh
Đã yêu cuộc sống, nằm thình được nào !
Giản đơn chiếc áo mặc vào
Cởi ra còn nhớ, hướng bao năm trường

(1) Bura : vừa (tiếng Nghệ - Tĩnh).

Yêu đời trong máu, trong xương
Lòng anh hạt muối đại dương bồi hồi.
Quê anh cà nhút mặn môi
Sinh anh muối mặn yêu đời, đó em...

Nghệ An, 1967

CHÙM HOA NÚI TẶNG EM

Anh đi anh hái chùm hoa núi
Về tặng lòng em yêu nhớ anh.
Hoa tím thủy chung không có tuổi,
Hoa lan trong trắng khê nghiêng mình.

Lại có hồng say gai cũng thơm,
Hoa thia chi chít cánh thêu cườm,
Hoa mua thuở nhỏ làng bên núi
Anh hái cùng sim ăn bỏ cơm.

Gió núi em ơi thổi vút về.
Nghìn hoa hương lạ sắc say mê
Lòng anh hái cả cho em đó
Hái cả chùm mây, sợi gió se.

Hoa nhớ hoa thương hoa đợi chờ
Hoa hương da thịt nổi hồn mơ
Lòng anh là cả vùng hoa núi
Ấp ủ lòng em muôn cánh thơ.

1964

TÓC EM

Tóc em toả xuống mặt anh
Như mưa xuống tự trời xanh mát rờn
Tay em ngón ngón phím thon
Đàn lên da thịt bốn chôn tháng năm
Nhớ em khi đứng khi nằm
Thẹn thùng dáng sống in thâm chiêm bao.
Trời xanh thăm thẳm đôi sao
Dặm trường ánh biếc soi vào đời anh.

CÔ KHẨU ĐỘI TRƯỞNG PHÁO DÂN QUÂN THỐI SÁO HAY Ở AN THUY

Tôi đến thăm em một sớm mai
Biển xa từng đợt sóng ngân dài
Như hơi sáo trúc em hằng thổi
Điu dặt trời mây trên lúa khoai.

Trai đi B, gái đảm đang A⁽¹⁾
Việc nước lo toan, giỏi việc nhà
Văn nghệ : em là cây sáo ngọt,
Dán quân : đội trưởng pháo tầm xa.
Trăng mọc khoan thai, sóng đổ dồn
Sáo em trong trẻo tiếng tâm hồn
Pháo em xa nhắm quân thù bắn
Thắng suốt như lòng sáo véo von
Yên mến quê hương xinh đẹp lửa
Con trai con gái xứng danh người
Tay em phóng lửa khi khoan nhặt
Lại nhún cao trầm gió biển khơi.
Mai sau ai có về An Thụy
Hỏi chuyện người xưa thổi sáo hay
Thơ kể thêm rằng : cô đánh Mỹ
Trái xoan gương mặt, búp tay đầy
Dáng thon như dáng hình đất nước
Canh Thái Bình Dương suốt tháng năm
Dũng cảm mà thanh thanh nước bước
Biển rộng trời cao vẫn xứng tầm.

An Thụy (Hải Phòng)

(1) A, B : thời kỳ chống Mỹ cứu nước, A là chỉ chiến trường miền Nam, B là chi hậu phương ở miền Bắc.

II - VAN XUOI VA PHE BINH, TIEU LUAN

KINH CAU TU

CÁI NHỤC CẦN CỎI

Cần cỏi là một cái nhục. Đối với sự sống.

Sự sống đến với ta, nhưng sự sống phải đi xa nữa và nhất là phải lên cao. Chuyện gì ta giam cầm sự sống lại ?

Tuy phải chết cho sự sống mãi còn, cho dòng đời vẫn chảy ; nhưng cần cỏi là cái nhục tội cùng.

Tôi làm cái bực nhảy cho sự sống lên cao, cho ngọn Đời vút thẳm ; sự sống lên cao, đi xa đi, rồi cái bực gãy cũng được kia mà.

Mà phải gãy chứ !

Bổn phận đối với Sự Sống.

Câu tự : xin mang sự sống vào lòng, nghe cái đời lên mọng trong da thịt.

Xin Thượng Đế tha cho chúng sinh cái nhục héo hon, cần cỏi. Cho chúng sinh mang lấy sự sống nặng, sự sống đây, un un trong tế bào, thớ thịt.

Cái buồn của người đàn bà không có con với cái sầu của một vùng sao giá lạnh. Sự sống ngừng, sự sống mất. Cái buồn ít mà cái sợ nhiều.

Nghĩ đến cái những cây không hoa trái, những mạch đất héo tàn ; sự sống đâm chồi. Cái buồn đây là cái nhục.

Kính cầu nguyện của muôn loài cần cỗi :

"Xin Thượng Đế cho chúng tôi sự sống, san sự sống cho chúng tôi.

Chúng tôi : những gái già héo hắt, thịt teo, da bốp, máu xuân đọng cằn ; cái bụng chưa hề mang sự sống, mang cái vui của sự sống ; – những người vợ không con, chưa hề nghe cái thai cựa quậy bên hông – cái chân đưa bé chuyển động ; chúng tôi chờ sự sống đến để nở tươi, để sống lại.

– Chúng tôi : những cây không hoa, không trái, nước khô thì gồ tàn. Đất còi hay là cái tủi riêng chúng tôi chịu ? Sắc không nở, hương không xông, ngày tháng kêu lên trên cao một lời goá bụa :

– Chúng tôi : những nghệ sĩ bất tài, chưa hề sáng tạo, những thi sĩ không thơ ;

– Chúng tôi : cả muôn loài héo hắt ;

– Chúng tôi : đá cằn, đất cỗi ;

– Chúng tôi : vật chất vô tri vươn mình lên sự sống ; nhưng cái chết nặng hơn.

Thượng Đế thương lấy chúng tôi ! Cho chúng tôi lấy cái vui chuyển trời của sự sống.

Thắp lửa thân lên ! Chúng tôi đã sẵn sàng làm củi. Lửa thân có dậy may chúng tôi mới được gần người, hỡi Chúa Đời !"

Ta tưởng nghe cả Vũ Trụ van xin, cầu khẩn mang lấy sự sống vào mình.

Kính cầu tự của muôn loài – của muôn kiếp tàn khô.

Phải rồi, ta phải chết đi, cho sự sống lên cao, vút thẳm.

Có lẽ cái lượng sống cho ta cổ chùng : ta tạo ra thì một phần ta phải chết.

Nhưng củi không thành gio thì bao giờ lửa sáng ? À, một ngày kia ta sẽ là gio, nhưng ta sẽ tự hoà với các hạt bụi khác : "Gio này đã mang lửa vào lòng, đã là lửa sáng".

Gio tàn nhưng lửa đã rạng. Khư khư giữ phận củi khô làm gì, rồi cũng đến ngày làm thân củi mục mà thôi.

Mỗi hành vi của ta là cái máu, cái mồi, cái bực nháy cho ta nhảy xa hơn nữa trên đường sống. Ta phải làm là vậy. Mỗi việc có thời riêng, ngần ngừ chỉ thêm chật chội cho linh hồn tù hãm.

Con sâu đến kỳ thay đổi vỏ mà đợi thì chết khô với vỏ mà thôi. Lắm khi hành vi chỉ là một cái vỏ, một cách thay vỏ, lột da.

Thay vỏ mà lớn lên chứ ; quý gì cái vỏ mà chết ngột linh hồn !

Ta phải bỏ một thời của ta đi, cho thời khác xuất hiện, cho một cái ta mới ra đời.

Hành vi là một cuộc tiên đưa, từ già. Ấy cũng là một cái chết, một cuộc hy sinh. Hy sinh cho cái sống đang ùn sau lưng được ra trước mặt mà thẳng tiến.

Làm, cốt nhất là dọn đường cho bản ngã, cho cái ta đi chinh phục sự sống xa khơi.

Hãy nhớ lại những kẻ nhác làm để linh hồn bị cản lại, sụp xuống như cây thiếu đất, và thiếu mặt trời.

Hành vi lảm khi chỉ là một thứ đào thải, thừa bỏ. Làm đi cho rộng rãi con đường, cho sự sống ấy tới.

Làm nghĩa là quên. Quên quá khứ. Ta kênh càng với ta bao nhiêu bận rồi. Hành vi chỉ là trái chín. Nhưng chín mà không rụng ư ? Thối lây cả cành, chưa kể rằng mất chỗ cho mầm, cho hoa.

Tư tưởng ! Ta không lập dị đâu ! Ta chỉ yêu tư tưởng khi người chưa hoàn toàn, nghĩa là khi người còn *sống*, còn *tiến*, còn *đi*.

Khi tư tưởng hoàn toàn rồi thì tư tưởng không làm ta nở nữa. Hoàn toàn thì tư tưởng phải chết trong hành vi.

Tư tưởng phải chết trong hành vi mà sống lại, mạnh hơn, tươi hơn.

Nhựa nồng lên mạnh trong thân cây ; nhựa còn chua, còn đắng. Từ chua sang ngọt nhựa đã hoàn toàn. Nhưng đúng ngày nhựa ngọt thì trái sa để đằm chôi, mọc mầm chứ.

Có những con sâu thay da, lột vỏ ba mươi lần, trong mười bảy năm ; rồi đến lúc sâu đã hoàn toàn thì nhộng hoá bướm ; Làm kiếp bướm, sâu chỉ sống có bốn mươi hôm thôi. Vừa đủ thì giờ để gieo lại sự sống.

Hãy nâng sự sống lên cao, rồi khi đến tột cùng hãy chết ở đấy. Chết trên các đỉnh, cho sự sống khỏi mất thì giờ vươn lên một lần nữa.

Tân tận ngày tháng cho cuộc đời sau ta với !

Ta cốt đến hoàn toàn, tuyệt đích ; nhưng phải ở đâu mãi đây mà phè phỡn hồn ta. Ta sẽ tìm đỉnh khác mà leo, và nếu cần, ta sẵn sàng lăn xuống đáy để rồi lại tò mò lên chóp.

Đời đời, vĩnh viễn làm gì ? Hy Mã Lạp Sơn không phải là một đồng băng cao nhất.

Và cái khí mạnh nhất của không gian chỉ là cái sét trong một giây. Vĩnh viễn vì tội cùng chứ đâu phải vì bền bỉ. Ta chắc rằng phải bớt sắc đi nhiều lắm, một tâm hồn mới *lần tròn* mãi được.

Ta tự bằng lòng vì mai còn sống, chứ phải đâu vì đã sống xong hôm nay[...].

Kinh cầu tự phải đọc lại mỗi giờ, mỗi phút. Hỡi Chúa Đời ! Cho chúng sinh sự sống nhiều hơn nữa, sự sống đầy tràn, phăng mạnh.

Nhớ rằng : ta làm giàu cho Chúa Đời bao nhiêu mà kể.

Ta viết kinh cầu tự cho muôn vật, muôn loài cần cõi, cho vật chất, cho thế giới vô tri.

Ta thấp cho cả lòng ta làm hương, ta cúi cả hồn ta mà cầu nguyện :

"Chúng tôi : những hạt bụi, những tế bào lưu lạc không sự sống đưa năng ; chúng tôi, những gái không chồng, những linh hồn không chúa. Rửa sạch cho chúng tôi cái nhục héo khô đi.

Chúng tôi muốn sống, muốn tạo ra sự sống. Vì chỉ tạo ra sự sống thì mới gần Người, hỡi Thượng Đế.

Chúng tôi : những hạt bụi nằm trong sự vô tri đã quá lâu rồi, chờ đợi đã lắm ; xin gọi chúng tôi về sự sống reo vui, tung bùng".

Sống với ta là một. Cả Vũ Trụ đều ca vang cái độ lượng của cuộc đời. Độ lượng bao giờ cũng đẹp.

Gió là tình yêu của không gian ; không gian yêu ta, rộn tình trong gió. Nước là trời xanh đông lại, ta yêu trời xanh quá đòi cho nên nước dợn ánh tình.

Gió làm băng nhân, ta đã giao tình cùng với vũ trụ ; Ta đã rộng rãi đến trăng sao. Ta bơi trời xanh, nước giàu đưa đầy, sóng mạnh dòn phăng. Ô ! Gió và nước ! Hai niềm vui của không gian ! Nước và gió : Cùng một tâm tình của Vũ Trụ. Nước trôi gió thổi, và hồn ta thay đổi, thân ta dâng sống, cái Vui đi. Cái Vui đi mạnh, đầy, và rung rung những mạch, chồi sắp nở.

Hoa gạo nở. Lá chưa ra, hoa đã bùng. Ta nghĩ đến những thân đồng muôn kiếp. Đến khi cành đâm lộc thì hoa xây trái rồi. Hoa gạo nở hân hoan, ta ngỡ nghe mùa Xuân giục già lên đường. Ta đi cực lạc đây, các bạn ơi !

Chối bàng lấm tấm giữa tấm sa thưa của cành nhánh ngổ ngang. Ngủng đầu lên : tấm sa thêu hoa. Nhìn xuống đất : mạng nhện giăng đầy trên đường mát.

Vũ Trụ giăng lưới bắt ta đó ư ?

Chiều nay ta là con ve du mình trong ánh sáng và tự dâng cho mạng nhện của Người đầy, hỡi Vũ Trụ khôn ngoan !

Thố thịt giăng màn ; hương gặp mùa say dậy tình trong gió. Cái mạch sống mệnh mang ô ạt, thân ta làm một chiếc thuyền trôi phăng.

Hoàng hôn lại xuống. Hồn người ơi ! Em có buồn không ? Ai bày ra chi hoàng hôn cho em phải ngậm ngùi ? Hoàng hôn là lúc trở về.

Chúng tôi, những hồn goá bụa, đi tìm sự sống năm chung. Hoàng hôn về, thế giới chìm dần trong hỗn độn sơ khai để nhắc chúng ta cần phải sáng tạo hoài hoài, không lúc nghỉ ngơi.

Hoàng hôn là lúc trở về. Vũ Trụ mỗi ngày tạo lại. Ánh sáng mờ dần, ánh sáng mất đi cho đêm hồng hoang lại ngự trị. Muôn dáng, muôn hình tan rã ; lại phải một lòng yêu tha thiết, một sức sống không cùng kêu gọi trở về. Và ta tạo lại Vũ Trụ mỗi ngày.

Thiên nhiên nhắc nhở. Vũ trụ khuyên lơn, ta làm lơ sao đang ! Ta phải là kẻ sống nhiều, ta phải là kẻ cho nhiều sự sống.

Ta ca tụng người Đàn ông và người Đàn bà đầu tiên tìm nhau trong đêm mà truyền lại Sự Sống. Lạ giờ trời đất trở về trong hỗn độn, đang chìm lại trong Vô Hình. Biết hợp cùng Vũ Trụ.

Đêm ! Bao nhiêu *hoa sống* trên trần gian đều tự lòng người mà nở cả.

Và đây là đêm của linh hồn, của trí não ; đêm của thân thể nữa. Ai đã tạo ra con "người mới" chưa ?

Đêm đây rồi ! Thi sĩ anh ơi ! Vũ Trụ ban sơ đã trở về, chờ anh ra phép "hoá công". Sông núi chờ anh, gió nước chờ anh.

Anh hãy giơ tay mà vát lại trời đất. Những vừng sao mê chàng thi sĩ ; những đại dương náo nức dâng lên vừng sao. Nhạc vàng sang sảng ; đây là giờ an ái tột cùng. Và ta chớ ngạc nhiên nếu sớm mai thi sĩ sẽ chết. Thi sĩ chết nhưng Sự Sống vẫn còn, trăng sao vẫn đẹp ; trăng sao đã mê chàng thi sĩ đêm đêm lại về.

Khai tạo là luật chung của sự sống. Cho nên cõi cần, trở trở là cái nhục.

Tôi muốn lòng anh như đoá hoa gạo nở mạnh, chói hồng, dâng lên trời xanh. Hoa gạo dâng lên trời xanh nỗi niềm của đất. Hoa gạo là máu hồng của đất muốn yêu không gian. Lòng anh hãy dâng cho sự sống những đoá hoa rạng rỡ. Độ lượng của lòng anh sẽ đẹp, và hồn anh sẽ tự do hơn nhiều.

Hoa gạo là độ lượng của mạch đất nước tôi ; đất thấm như thịt người ; đất thơm như da người ; và giàu và rạng như lòng người, sắc hoa gạo của nước tôi.

Đất ơi ! Người đã mang cái vui của Vũ Trụ trong bao nhiêu mùa rồi? Lúa của người vàng, hoa của người thắm. Vàng thắm : Chỉ là niềm vui đổi màu áo trong cuộc khiêu vũ mệnh mông. Cho ta theo vui trong cuộc hội hè vĩnh viễn. Đây đây là lúa, đây đây là hoa, đây đây là lưu quang của nước đẹp, đây đây là dáng núi vươn cao ; và đây nữa là hoa trái của hồn ta.

Xin Người hãy chọn áo.

Trong cuộc sống một ngày kia ta đã đến. Ai mời mọc ta ? Ai rủ rê ta ? Ta đã yêu sự sống quá chừng nên ngày ấy phải nhập cuộc. Cuộc vui còn dài, ta làm ít cái đồ chơi. Ta yêu cuộc, yêu nhạc của Đời, nên chân ta cũng đi nhịp đàn của Vũ Trụ.

Ngọn triều lên xuống với ngực ta đang thờ, ôi vui sao ! Đời trẻ như chàng trai mười sáu, thơm sao sự sống tung bùng ! Ta ôm sự sống, ta hôn cuộc đời. Vui này tinh khiết như bóng trăng, như sương, như gió.

Nghĩa sự sống ? Chỉ là lòng yêu sự sống mà thôi.

Lá vàng có đáng thương chi, hãy dành lòng mà thương lá héo. Lá xanh rụng một ngày trong bạch : băng khuáng đây là đường tới Vô cùng.

Nhìn ra đêm sâu, mà không thấy cần bày biện được ư ? Trong bóng tối mênh mang lòng ta đã hoá một tiếng gà mà thức tỉnh mặt trời, gọi dòn ánh sáng.

Hồn độn đã thua rồi.

Trăng lên cao rồi. Biển bằng đã dậy. Trăng ru sóng, sóng vươn tình. Cái vui của Vũ Trụ đêm đêm thấm vào hồn ta ; và ta chả ngạc nhiên rằng một ngày kia ta hoà cùng Vũ Trụ.

Tả sự sống không cần máy. Tạo thêm sự sống mới là tối cần, mới là nghệ thuật cao đẳng. Văn minh không phải cốt làm cuộc đời thêm phiền phức, mà là cốt tạo thêm sức sống của con người. Văn minh, ấy là kiến thiết lòng người theo một kiến trúc lưu chuyển.

Cho nên mỗi công trình sáng tạo đều mang dấu hiệu của một niềm *chung vui*, một tiếng gọi đàn.

Cái cười của Văn Đại trong tuồng chèo cổ. Cái cười cắt ngang ấy làm ta sợ lạnh mình hơn là tiếng gào khóc trong cuộc đời. Vì dẫu rằng cái cười mất trí của Văn Đại không phải là vui, – là điên, nhưng vẫn là một niềm rộng mở, tung toả, đón chào.

Cắt ngang cái cười ấy đi, ta hồng chân, ta sụp xuống và chúng ta cùng điên với Vân Đại. Chính lúc ấy Vân Đại nhập tâm vào ta cả rồi.

Cái điên của Vân Đại là cái điên ráo, điên khô, điên sắc sảo, cái điên làm trí ta ngộp hơn thân thể ta kinh hoàng.

Cái điên của Vân Đại dễ lây là thế ? Ta không kịp thương Vân Đại đâu. Ta ùa theo nàng mà khiếp đảm. Và nhớ rằng Vân Đại không cười gằn.

Quá khứ không phải là tro tàn ; ngày qua không phải là lá rụng. Ta tạo lại quá khứ luôn luôn, theo sóng đời dồn dập. Ngày qua đã chết rồi, nhưng nghĩa ngày qua ta chưa thấu hết ; mỗi một lúc ta lại nhìn đời ta theo một ngã.

Quá khứ ! Kho vàng ẩn hiện mà chắc đâu ta đã thấy cả buổi đầu. Ta quay chiều, đổi hướng : có một lúc kia ta tưởng chừng đã bắt được nghĩa chính của dĩ vãng, ánh sáng dồn về một phía, ấy mới là khi quá khứ dâng lên cho ta cái hồn ẩn náu và thẹn thùng.

Quá khứ sống, sống trăm nghìn hướng. Ta phải bắt quá khứ nói ta hết cả ý nghĩa của cuộc đời. Và chỉ có những kẻ tự bó mình luôn mới hút cạn tinh tuý của quá khứ.

Tư tưởng phải có hai bề mới là tư tưởng mạnh.

Anh có biết tại sao khi động tình cả người anh run lên thế, không ? Cả người anh sôi lên và sắp tan thân thể không ? Chỉ vì cả Vũ Trụ sơ khai dồn dập cùng anh, vào anh. Anh mang cả Vũ Trụ trong người : Vũ Trụ âm ập hai bờ sông đó.

Tôi tin với hồn tôi, với trí tôi, với thân thể của tôi. Tôi mang
suối sáng trong người, mặt trời trong máu.

Anh hãy mở lòng anh mà yêu Tạo Vật ; yêu Tạo Vật chớ
đừng mê danh lam thắng cảnh. Phải có thể ôm một cục đất mà
thương. Phải có lúc tự nói được rằng : "Lòng tôi làm bằng thứ
đất kia ; máu của lòng tôi với mạch đất này cũng tự một nguồn
mà chảy. Mạch đất với hồn người, nỗi vui của Đất và hân hoan
của lòng tôi, có khác gì đâu !"

Chúng ta đã mê cảnh nhiều quá rồi ; hãy yêu Tạo Vật đi
thôi nhé. Mê cảnh, anh còn ở trong cái vỏ xã hội, anh chưa vào
lòng Tạo Hoá ; chưa trở về Thiên Nhiên.

Một lần nữa : chớ lẫn lòng mê cảnh đẹp với lòng yêu Tạo
Vật. Những khách du lịch không hẳn là những kẻ hiểu được
thiên nhiên. (Và biết bao nhiêu kẻ làm khách du lịch trong đất
nước của mình !).

Nhân loại bây giờ không khéo thành một nhân loại một nửa bịa
đặt. Coi chừng, bạn ạ. Và có một cách làm ra nhân loại thật, con
người thật : nghe lòng Tạo Vật rồi nghe lại sức sống của con người.

Tình đất nước, trước hết là : *tình đất và tình nước*. Hãy trở
về cõi rễ của tâm tình. Ôm cục đất mà thương, – cục đất đã un
thai sự sống. Để cho nước yêu, để cho nước bao trùm yêu mến.
Mạch đất với hồn người. Mạch đất thổn thức làm chân anh đi vòng
từng bước một. Tình đất nước phải đâu là một thứ tình yêu cảnh
mà thôi !

Sâu Vũ Trụ. Bởi lòng ta còn ở ngoài Vũ Trụ nên Vũ Trụ
sâu. Có lẽ Tạo Vật đau thương, đất trời vắng tạnh vì nỗi lòng ta
xa cách Tạo Vật đó thôi : Ta hãy trở về, ta hãy nhập cuộc, có

nhịp sống đưa nâng, có dòng đời xô đẩy ; cái Vui lớn, cái Vui trong lại dâng sóng tràn khắp cõi đời.

Chỉ có sầu vì cách biệt, đừng nhìn Vũ Trụ đối với lòng ta nữa ! Vũ Trụ cùng ta rồi, với ta rồi : lòng yêu sống bây giờ chỉ còn rộn ràng vui sáng.

Anh không thấy ư, có những cảnh đẹp quá, xinh quá (nhất là xinh) đến nỗi hút hết cả tình, không dành chút nào cho người nữa. Độ tình trong không gian đã nhập cả vào cảnh rồi, con người chỉ còn nhạt nhẽo.

Một lần nữa : yêu cảnh chỉ là một cái trò ; yêu Tạo Vật mới là tình và nhất là cảm.

Con ve lột vỏ. Nhưng có phải vì đưa bé đi tìm vỏ ve dưới gốc cây đem về bỏ hộp mà nói rằng ve chỉ cốt làm ra cái vỏ đấy ư ? Vỏ ve có thể đẹp, vỏ ve nhiều khi đẹp, tôi biết. Nhưng cốt nhất là ve lớn lên, sống nhiều sau khi lột vỏ. Đơn sơ thế, sao còn bắt tôi nói lại mãi.

Cái Đẹp tôi cho anh thấy, anh hãy nhớ rằng đó chỉ là một bề của cái Đẹp vô cùng đầy đủ tôi còn giữ nguyên.

Chí thành với ai ? với kẻ khác ? với ý tưởng của tôi ? của anh ? với tâm hồn tôi ư ? Chí thành với tâm hồn tôi ư ? Chí thành với tâm hồn tôi đâu phải là noi theo bước trước ? Tôi là dòng sông chảy ào về biển ; sao lại bắt tôi qua lại bụi bờ và những cái bến trợ trợ kia ? Ô tôi biết : Các người đứng trợ trợ đâu bến trách tôi chẳng về.

Sóng cứ trôi đi, mặc kệ cái bến và người ở trên !

Đơn nhà cuối năm – Mỗi năm đơn nhà, ta lại thấy đồ đạc gặp ba năm ngoái. Kết luận : hãy vứt hai phần ba của cái đi cho khỏi chật nhà. Và nhất là để sắm đồ đạc mới chứ.

Tâm hồn anh chắc đã nhiều mạng nhện chằng rôi đó. Anh hãy vứt đi những tình ý đã dùng, đã cũ. Bỏ họ giữ mãi chỉ thêm chật chội, cản đường đẩy thôi. Tôi biết chữ *kỷ niệm* bào chữa cho anh nhiều ; nhưng tôi cũng biết chữ ấy làm anh chết đuối vì bận bịu.

Bệnh hoạn ; nỗi cô đơn của xương máu và của linh hồn. Ta đau : ta đi vào cô đơn đây, các bạn ơi ! Người lành không hiểu người đau được ; nhưng kẻ ốm thì hiểu kẻ mạnh lắm. Cho nên ta lý luận đây : bệnh hoạn bao hàm sức khỏe ; và vì vậy mới là nỗi cô đơn tốt cùng.

Hãy đau ốm một lần, bạn ạ. Chỉ có đau mới biết cô đơn là thế.

"Ta đứng bên này cửa Khổ Đau" – nhất là cửa khổ đau của thân thể.

Khóc : trước hết là một nỗi cảm thông. Cảm thông với mình, cảm thông với kẻ khác. Nhất là cảm thông với nỗi niềm khiến mắt ta trào lệ. Nỗi niềm ấy ở đâu ? Ở trong không gian, thời gian hay trong một cõi lòng nào mệnh mông, cao cả, vừa là không gian lẫn thời gian ?

Nước mắt : ấy là tâm hồn mở rộng, mình ra khỏi mình. Nước mắt : một viễn kính cho ta rõ thêm về số kiếp của con người.

Và anh chớ lạ lùng khi thường thức một áng văn hay, một bức tranh đẹp anh lại buồn rưng rưng nước mắt ! Cái đẹp bao giờ

cũng hơi "buồn" là vậy. Đẹp dẫn anh đi ra xa hơn nữa và sau lòng hiểu Đẹp, anh đã tới một nỗi niềm, một thế giới mệnh mang. Nỗi cảm thông tốt cùng đã đúc thành châu lệ.

Anh rung rung nước mắt và tưởng là buồn ; thực ra cái Vui vô cùng đã biến thể đó, anh ạ.

Cái buồn của cuộc đời. Nhưng cái vui của Sự Sống.

Anh nhớ kỹ điều này rồi nghiệm xem : có nhiều người con gái xấu, lúc thành vợ đẻ đứa con so thì duyên nữ thịnh – mang Sự Sống vào lòng, người đã sinh lần thứ hai.

Lửa. – Lửa là vật chất hân hoan, biến thành một niềm tín mộ. Phải chăng lửa là nơi vật chất và tinh thần phân tranh, là nơi đất đá vô tri vì một niềm phấn khởi đã được có linh hồn ? Lửa : đó là kinh cầu tự của toàn Vũ Trụ từ buổi sơ khai đến ngày tận thế. Và những linh hồn rạng lửa, tự ngàn xưa reo rắc trên cuộc đời bao nhiêu mầm sống, bao nhiêu nụ tình anh !

Ta biết có những thứ đất – lửa đốt qua đã tàn ; lửa nhìn một lần đã hoá thành goá bụa. Nhưng ta cũng biết những thứ đất, lửa càng đốt càng tươi ; sự hân hoan vô cùng của lửa thân qua đi sẽ đậu thành muôn ngàn trái ngọt.

Hồn thi sĩ cuối trời xanh có ngắt đó chăng ? Hồn ấy đã qua hết các màu của sự sống. Rồi lúc tự do tốt cùng thì xanh ngắt. Hồn xanh của thi sĩ, là tự do của thi sĩ đó thôi. Ôi chao ! Khi chết đi, hồn xanh ; hồn anh xanh để rộng khoáng với trời, phải không người thi sĩ ?

Hồn xanh của thi sĩ là tơ của bóng nguyệt, là áo mỏng của sao mơ ? Là con mắt của ai, hồn xanh của chàng thi sĩ ?

Chàng thi sĩ không biết đến. Sinh ra, hồn chàng hồng vàng cùng mặt trời mới mọc, cùng màu lúa chín, mùa vui phơi phơi của gió đời ; rồi hồn chàng rực hồng làm lửa, làm chiều nắng đứng, rồi làm chiếu nắng ngang.

Chói chang, gay gắt, hồn chàng thi sĩ trắng mà như đen, vì mắt người đời nhìn vào hồn chàng thì đui mắt.

Rồi đến khi hồn chàng xanh thắm, thì chàng chết.

Thi sĩ ơi ! Tôi yêu anh vì anh là người cổ nhất. Cổ nhất mới thành mới nhất được. Trong máu anh còn sôi dòng lửa sơ khai của Vũ Trụ buổi đầu. Thi sĩ ơi ! Hỡi tâm hồn hồn độn ! Không có cái hồn độn của các anh thì tìm đâu ra cái cân đối nhịp nhàng của sự sống ngày nay ?

Anh đã tin chưa ? Ngày xưa có những lúc hoa nở chỉ vì có người ra nhìn hoa đắm đuối, vì có người thơ sinh ra tình tự với hoa.

Đời nay, hoa chỉ nở theo kỳ hạn của đời hoa, vì lòng người yêu hoa đâu còn tha thiết nữa.

Hoa đã xa anh cũng như vạn vật, sự sống đã xa anh, vì lòng yêu của anh hầu cạn, tình anh đã cạn.

Âm dương : cái tình thất bố của sự sống đó thôi. Đã bao giờ anh muốn *nằm với* đất chưa ? Biết đâu sẽ không chồi lên một cây muốn nghìn tươi tốt, với trăm thức hoa trái chưa hiện giữa trần gian.

À những ý mạnh đã xé xương thịt ta mà tuôn ra ! Các người đã làm ta mệt quá. Một phần ta đã chết cho các người còn, ta đã tự thiêu cho các người bùng rạn, những ý nghiêng trời

chuyển đất của ta ơi ! Ta đã nằm với ai để đẻ ra các người đó ?
Ai đã nhận sự sống của ta mà các người thành hình ?

Dầu sao ta cũng đã đau, – linh hồn và thân thể – khi ta viết
các người lên giấy, hồi những ý của ta !

Hồi tư tưởng thân yêu và ghê gớm ! Ta không nghĩ ra các
người đâu, cũng không hội lại, cũng không sống các người nữa.
Chính các người đã sống ta đó.

Bây giờ thì tư tưởng của ta lớn rồi, bay đi thôi ! Để cho
những ý mạnh khác đến. Hồi người thanh niên sẽ đọc tôi, tôi
muốn nói với anh một câu tâm sự. Những tư tưởng, những ý
nghĩ của tôi gởi cho anh đây, tôi đã đau khổ vì chúng. Một ít tôi
đã chết đi cho chúng ra đời.

Đây là máu mù của tôi, xin anh hãy nhận lấy.

Máu : sự sống của tôi ; và *mù* : đau khổ của tôi.

Tư tưởng ơi ! Người đã ca, người đã hát trong hồn ta. Nhạc
của người tung bùng, đèn của người chói chang, người mở hội
hè trong lòng ta đó. Nhưng sau hội hè thì làm sao cho khỏi mệt.
Ta đã đau đó mà.

Mùa hoa lau nở : Lơ thơ trên đồi những chùm lau mảnh
khánh, hoa thì tím, lá thì lục, màu tím rất xưa, nhẹ nhàng phảng
phất như tâm hồn giai nhân thời trước.

Lá lục non, vừa già già, vừa tơ măng, u ẩn một linh hồn
thanh quý. Gió qua thoang thoảng, tuyết rụng từ hoa lau, mơ hồ
mà hiển hiện ; và cả đôi lau trở lên một ý vị xa xôi, thực mà
như hư, tưởng xa mà gần gũi.

Tùng hoa lau là một ngọn nến ; chiều trong nắng thịnh thì nến bùng lên rất đôi hân hoan. Ấy là Đất dâng lên cho Trời cả lòng tin tưởng, cả niềm tin mô bao la.

Đức Vua xưa khi thơ bé đã hái hoa lau làm cờ đó nhỉ ?

Ngọn lửa thiêng của trời đất đã đốt bùng lòng chinh chiến.

Hôm nay mùa lau nở,

Hồn ta dâng hân hoan.

Non sông cùng tin mộ.

Trong chiều lên hoàn toàn.

Tạo vật ơi ! ta thấu hiểu tình ý của người rồi ! Bao nhiêu đêm, bao nhiêu ngày, cây chờ nhựa lên cao, hút từ máu đất, góp từng giọt mật. Chờ đến một hôm, một buổi sáng hân hoan, trăm mạch, cây mở hồn dâng lên Chúa Đồi.

Chúa Đồi đã nhận hồn Tạo Vật ; Chúa Đồi đã thấp sáng những hoa tươi. Hoa tươi là lửa sáng ; dầu đơm ấy nhựa nồng. Nhựa đã hoá kiếp ra hoa, sự sống của đời cây đã lên cao tới đỉnh. Hoa bền là một sự vô nghĩa. Sự hoàn toàn có phải để dừng lại dầu !

Mà lạ thay ! Lắm lúc cành càng yếu, hoa càng tươi. Cây vờ vàng một ít cho điệu cánh của hoa thêm phần bẽ thế.

Khi ta chết, ta sẽ cười để trả lại Tạo Hoá cái vui đã sinh ra ta. Mỗi người sinh ra là một cục Vui của Tạo Hoá ; buồn chỉ là vui bỏ lại, cục xuống mà thôi.

Nhớ lại những cây quỳnh một năm chỉ một bận ra hoa ; góp nhựa bốn mùa để nở huy hoàng một đoá. Và dường như để

nhắc lại nghĩa của sự hoàn toàn, hoa chỉ vài giờ nở rạng. Gắng thức, nhưng chớ níu lại hồn hoa, bạn nhé.

Phải biết nghe niềm tin mộ trong Tạo vật để tắm lại nguồn sống sơ khai. Độ lượng của cuộc đời, ta phải tìm ngay trong lòng Tạo vật.

Phải mở hồn mà nhận lấy hồn to của Vũ Trụ.

Hồn ấy là một khúc ca tin tưởng, một tín nhiệm vào cuộc đời.

Trở về nguồn. Tin tưởng lại. Tin tưởng lại ở sự sống, ở sức sống của con người. Tin sơ khai, tin mới mẻ. Tin với hồn, với trí, với thân thể. Cảm giác song song bên cảm tưởng.

Chớ bắt đầu từ văn minh mà khốn. Bao nhiêu cây trong rừng đều mọc từ rễ chính, chứ bao giờ từ rễ phụ. Tin mạnh vào, ấn cả sức nặng của thể phách vào lòng tin, chứ chẳng riêng gì linh hồn. Người ạ ! Tin với thân thể ở sức sáng tạo của con người. Cần nhất là nghe độ lượng của Đời trong Tạo Vật.

Ở gần đất, nằm với đất mà nghe sự sống ùn lên ; yêu đất như mẹ, yêu đất như tình.

Tin tưởng ở sự sống ; chớ nhìn trước ngó sau mà mất thì giờ. Tin rồi hãy cất nghĩa ; mà có cần cất nghĩa không đã ? Biết giàu như Tạo Vật, biết cho, biết dâng, biết chết khi đúng thời. Mở giác quan và linh hồn mà nhận lấy lòng tin tưởng của Vũ Trụ.

Sự sống đến với anh. Anh chỉ có một bốn phận : nâng cao sự sống lên rồi chết. Nhớ chết cho sự sống vẫn còn. Chúng sinh phải chết cho Thượng Đế vĩnh viễn.

Cái vui có bao giờ cất nghĩa được đâu ! Ta vui như cây lên, như nước chảy. Chỉ có buồn mới tự tìm ngược gốc đó thôi. Sự sống tuôn tràn : vui nở như hoa bướm.

Đừng để hành vi của ta bó bít ta lại bao giờ. Trái lại, ta hãy quăng hành vi đi cho nhẹ chân mà bước tới.

Mỗi tác phẩm phải kết liễu một đoạn đời. Hơn thế nữa : Tác phẩm phải xong để cho đoạn đời phải hết, đừng dây dưa quá hạn, quá kỳ.

Nếu cần, thì đi lại có hơn không, tội gì phải khuôn chân vào những dấu chân lối cũ. Khuôn thế nào cũng sai ; mà càng tai hại nếu tình cờ lại đúng !

Phải có thể nói, có thể tin rằng : "hành vi đã xong là ở ngoài ta rồi, không còn giây nhựa cùng ta nữa".

Cử chỉ của anh chàng La Fontaine ra đường gặp con chào mà không nhận ra là ai, biết đâu không hàm một ý nghĩa sâu xa ?

Ta đã *ăn* hành vi của ta khi còn là cái thai trong tư tưởng ; ta đã dốc cạn tinh tuý của hành vi ta rồi. Hành vi có bao giờ là hình ảnh bất di bất dịch của ta đâu. Nhưng không phải vì vậy mà hành vi không là kết quả tốt, hoa trái đẹp của cây người. Trái chua, hoa độc cũng có. Nhưng tốt hay xấu, chua hay ngọt, cái ấy không tùy ta định liệu.

Mang nặng đẻ đau. Nhưng tôi biết nhiều người đàn bà có thai mới mạnh và càng đẻ càng chắc chắn thịt xương. Tác phẩm ta nuôi, ta vun bón cho ta khi đang còn thai nghén. Ta làm ra tác phẩm chả phải vì để tự tạo. Vì ta đã tự tạo nên mới làm ra tác phẩm.

Chôn nhau, cắt rốn. Ta muốn anh – người bạn thơ đầu đó – cũng chôn nhau cắt rốn cho tác phẩm của anh. Cắt đi cho đừng dính líu nữa ; chôn đi cho tron cuộc hoá sinh.

Biết bao nhiêu kẻ chỉ quên cái *việc bà đỡ ấy* mà lỡ một kiếp hôn. Mãi kéo cho sắc, bạn ơi ! Hay, có thương, thì xin răng cho nhảy !

Đi tới tự do của tâm hồn bằng những hành vi tuân tự.

Hỡi những oan hồn muôn thuở, những kẻ lỡ kiếp, lỡ đời, các anh còn trở về dương thế. Các anh chết giữa chừng, linh hồn còn bị bó. Mỗi linh hồn phải tự buông mở cho xong trên cõi đời, tự mở để đi vào tự do vô giới. Kẻ mau, người chậm, nhưng có ai thoát khỏi vòng !

Chỉ có thể tự tử những kẻ đã mở hôn, đã vào trong hôn mệnh mông của Vũ Trụ, của Tạo Vật, đã vào trong lòng Sự Sống.

Khờ thay những kẻ khoanh tay nhắm mắt tưởng thoát *ng* sống bằng cách im lặng. Không, chỉ có hành vi mới cho ta tính số với cuộc sống.

Ta biết ngày ta chết, hôn ta sẽ nhập vào cái Vui không bến bờ ; nhưng giờ đây, thân ta đang nặng sức sống, thì ta phải tin tưởng với thân ta cho xong *cuộc đời* đã chú.

Những cái vai vút mạnh, những cái ngực dô ra, các anh đi chinh phục cuộc đời ; tôi biết các anh có khi sẽ chán nản. Muốn hăng hái đi lên hãy nhớ một lời can dặn : các anh đang gặp cái *vật chất* của cuộc đời. Nhịp may hiếm có, mau mau mà sáng tạo cái gì đi : một tác phẩm mỹ thuật, một cuộc đời, một bản ngã đặc biệt... Chớ phàn nàn vật chất chặn đường các anh. Nhớ rằng chỉ sáng tạo với *vật chất* mà thôi.

Vật Chất ! Ta xin tặng cho người cả lòng nhớ ơn vô độ.
Không người, hồn ta biết tựa vào đâu mà nở, mà lên.

Hành vi là bức thành ngăn không cho những mắt tọc mạch nhìn vào hồn ta... Không phải vì ta kém thành thực khi làm ; nhưng chính vì khi anh tưởng bắt gặp tôi ở chỗ này thì tôi đã nhảy đi chỗ khác.

Ta chỉ liên tiếp với ta trong cái sức sáng tạo ; còn ta sẽ đi ngã nào mà đoán trước được ư ?

"Rắn lột da rắn sống lâu ; người không lột da người chết sớm".

Ta làm ra nhạc của đời ta ; nhạc ta vươn lên đến đỉnh đời và xuống tận hố chết. Ai gai tai, diếc hồn thì lãng xa đi.

Và ta biết Chúa Đời nghe nhạc của ta sẽ đến cầm tay mà nhảy múa ! Múa đến khi ta mệt lử, kiệt lực, tàn hơi ; ta sẽ chết. Nhưng Chúa Đời còn sống. Người sẽ đem nhạc ta mà phát cho nhân gian.

Bóng tối và ánh sáng. Âm với dương. Đục với cái. Sống với chết. Cả chừng ấy chuyện chỉ là hai cái vú của cuộc đời.

"Đời mất về đâu hồi tháng năm ?". Đâu con đường hôm trước, đâu hồn ta phút này ? Ai cất đời ta, với tình cảm, với đáng người ?

Ôi ! Bao nhiêu sự hoàn toàn ta đã mất ! Song mất còn hơn ; sống mãi chỉ tổ kênh càng đường sá.

Ta đã cho Chúa Đời những sự hoàn toàn liên tiếp của ta. Xin đừng ngạc nhiên quá đỗi.

Tôi chúc cho anh đau thập tử nhất sinh một bận. Để tin tưởng lại vào sự sống. Không cần vậy cũng tin được, đã đành. Nhưng con người u mê hơn người ta tưởng.

Ta đã nhớ một thành phố kia như nhớ một thân thể. Nghĩa là cái thành phố mọi người chỉ thấy, chỉ sờ mó, chỉ biết ở ngoài, ta, ta đã tạo ra thành phố ấy. Và tạo ra sao cho khỏi yêu đời chút. Ta đã yêu thành phố kia như một tình nhân. Sức sáng tạo của con người quả không có hạn.

Âm nhạc toả hồn, không gian nức nở. Chiều xưa trên phố đông chỉ nghe những gót giày nện mạnh. Đời như u uất và mây cũng hết xa xôi. Bỗng tiếng đàn lên, những mảnh hồn về, ào ào như gió. Ngón nào đã gọi nhớ nhung, quá khứ?

Âm thanh khai tạo, không gian bỗng giàu.

Thương đế ơi ! Người cho gì mà một vài người cứ tự phá đời họ mãi ? Họ đốt cháy linh hồn của họ, không gì cản ngăn. Đây là luật khắc nghiệt để đi tới sự sáng tạo đó ư ? Trên đồng tro nở được bao chùm hoa lửa ? Tự phá, tự vò. Hình tượng : một cây vút cao, xoắn mình lại, quay theo trăm gió. Càng quay, càng cao.

Những linh hồn tự mở, tự trút cái vỏ đau đớn bao nhiêu ! Nhưng càng đau, càng đợi đến kẻ khác. Có bao giờ hiểu nhau mà không cần lấy tay trước !

Mang nặng để đau. Nhớ lại Thạch Sanh ba năm làm cái thai. Chả trách sau này có sức mạnh chuyển đất long trời.

Những người mệ đẻ con rồi chết. Những nghệ sĩ làm xong tác phẩm rồi tàn, rồi điên. Có những tác phẩm rút hết tinh túy

của ta đi rồi, chẳng để cho ta một cái *có thể* sống nữa. Lẽ sống vẫn còn nhưng cái *có thể* sống đã hết. Buồn hay không ?

Anh sống nhiều, tôi biết. Nhưng vì vậy mà anh đủ điều kiện thành nghệ sĩ ư ?

Sống nhiều là một cái cố. Sống dư sức, dư sức sống lúc tác tạo mới là cần. Hãy đặt chân lên bước cuối cùng của con đường sống trong đời, rồi bước lên,... bước vào đường sống huyền tường.

Ngoài vòng "thực tế" tha hồ chân cao thấp. Nhưng coi chừng, kéo hông chân, anh đang bước xuống hư vô.

Cũng là sống. Và chẳng ai sống lại hai bận một đời. Tác phẩm có *sống* chăng thì hãy hiểu giùm chữ này theo nghĩa sinh lý.

Có những ý nó hút cạn ta đi, đến nỗi lúc ý đã thoát hồn, thì ta không còn đủ sức sống mà *lìm* nữa. Cho nên viết văn lắm khi là tự thiêu đi một phần. Trong một tác phẩm rất sống ta tưởng còn ngửi thấy mùi khét của thịt cháy. Muốn tạo sự sống thì phải mất sự sống đó thôi ! Cái luật khắc nghiệt ấy ta có lại gần mới càng sợ, và càng sợ lại càng bị hấp dẫn thêm vào.

Chả trách thường nhân chỉ búa vào cái ý tưởng giả, chắc chắn, cho khỏi ngợp. Họ nằm trên đất bằng, đất rắn, đất chắc ; có bao giờ dám đi ra biển. Sống đầy, sống mạnh, sống lưu chuyển làm họ mất trí.

Trong một tác phẩm, cái gì "nhân loại" nhất, quý giá nhất, không phải là cái mà ta thấy rõ ràng, bộc lộ ; mà chính là cái gì ta cảm nghe trong đó, mặc dầu mọi chuyện.

Sự sống bao la và độ lượng chừng nào ! Trở về với sự sống, trở lên với dòng đời.

Thân ơi ! Ta gặp người đây, hăng nói vài câu tâm sự. Ta là người nhưng ta hãy làm hai mà dặn dò. Còn bao nhiêu lâu nữa thì hai ta từ biệt ? Ngày mà người hết chờ ta, người đổ ta bến nào đây ? Lên bờ, ta sẽ ngờ ngàng ; ta quay lại nhìn người thì chắc không còn người nữa. Người phải sống cho ta, nhưng có lúc ta đã phải sống cho người rồi. Tình nghĩa thân với ta còn dài, nhưng bây giờ ta đã biết nỗi bùi ngùi khi cách biệt.

Lúc ta đi giữa loài người, ta muốn giấu người đi, ta không muốn làm nhục người vì con mắt tò mò của đồng loại. Ta bận áo quần ; vì rét, vì nóng, vì thiên hạ đã bày cho ta như vậy đó ; nhưng vì vậy mà thôi ư ? Thân ta, chỉ có Chúa Đời mới được nhìn trần trướng nguyên hình, nguyên dáng.

Chúa Đời tác tạo ra người, Chúa Đời sẽ hiểu người mà nhìn người sung sướng.

Tôi hiểu rồi ; chúng ta sinh ra bởi một lòng Yêu mệnh mông ; lòng yêu chia ra hai dòng : một nửa để sinh ra ta, và một nửa giao ta cầm giữ, cho nên chúng ta mới yêu nhau.

Tình yêu : ấy là sự sống tốt cùng luân hồi qua linh hồn và thân thể và sự sống tốt cùng lại là tình yêu.

Khi ta vui ta muốn ra khỏi phòng, ra ngoài Tạo Vật. Chỉ có buồn, chỉ có cái vui cụp lại, sự sống héo tàn mới nằm yên trong nhà cửa. Ta vui thì ta gần Tạo Vật, nghe êm ái một cảm hoà trong Vũ Trụ. Lòng ta vui thì ta thấy cả Tạo Vật như tự lòng ta mà ra. Khi ta vui nghĩa là Chúa Đời đã cho ta mượn mắt của Người mà nhìn cuộc sống đó. Cuộc sống đã tự lòng Người bày ra.

Ta tìm hồn ta như đứa bé tìm hoa trái. Buổi sáng đứa bé mang giỏ đi lẩn vào rừng sâu, đi ra đồng nội, ngắt bao nhiêu

cành, rú bao nhiêu lá. Giò thì rộng có chừng mà tay ôm hoa không hạn, đưa bé phải vứt bỏ bao nhiêu đoá hoa xinh, bao nhiêu chùm trái đẹp. Vứt đi mà tiếc, bỏ đi không đành. Nhưng rồi cũng vứt, cũng bỏ ; tối mang về nhà chỉ có hoa trái vừa đượm cái giò mẹ đưa.

Mẹ ra, chờ con bực cửa. Đưa bé mở tung hoa trái ra dâng mẹ. Đây là sắc thắm, đây là mầu nhạt ; đây là nụ ương, đây là trái chín.

Mẹ nhân lấy cả, rồi mẹ ôm con mà thương.

Chúa Đồi ơi ! Ta sẽ đi tìm hồn ta trọn đời. Ta sẽ đem đến dâng Người một bận. Người sẽ ôm ta mà thương ; – không phải cốt vì ta đã tìm ra hoa này, trái nọ, mà chính vì ta đã hết lòng tìm kiếm hoa trái của hồn ta.

ÁNH SÁNG

Người ta nói đến "lòng tín mộ chuyển đước núi".

Ta, ta nhớ đến những cơn vui sáng bừng, run rẩy cả tâm hồn lẫn thân thể. Lòng vui chuyển núi của ta có từng cơn, từng trận ; ta tưởng chừng ở đâu đạt đến, tự một bờ nào xa xôi. Cơn vui đến ta như gió hạt vào nhà, cửa hồn không ngăn cản được ; hồn ta mở gió, thân ta run diên : sự sống tinh khiết, thuần túy nở ra được đoá hoa trời mầu nhiệm ấy ! Ta thấu nghe vĩnh viễn, thấy sáng rực tâm linh.

Trong biển hồn ta, triều lên xuống bất thường ; ào ào rộn rịp dâng ta lên tận mây, rồi rút ta xuống vực thẳm. Ta vui gồm ghê để rồi tột cùng chán nản. Mây mà biển ta đây...

Ta hát chơi này :

– Ánh sáng ! Ánh sáng ! Người dâng lên thôi, chờ ta tột vời ;
ta hôm nay trút hết vật chất, cỡi hết da thịt, theo triều người lên.

– Ánh sáng mênh mang, người đã thấm vào hồn ta, âu yếm ;
hồn ta : khinh khí cầu ; ánh sáng : hơi nhẹ. Ta vượt lên thôi, bay
trong xanh veo, lên tầng lạnh buốt.

– Bao nặng nề của vật chất đã để lại dưới đất, giác quan của
ta vẫn còn, nhưng da thịt không làm biên giới nữa. Ta nghe vũ
trụ lưu chuyển và khúc nhạc trời un un.

– Ánh sáng ! Đưa ta đến sao ; đến mặt trời, xa nữa : nhưng
thôi vũ trụ không riêng là tinh tú. Dẫn ta vào thời gian cho ta
gặp những tâm hồn lồi lạc, những thiên tài chói chang :

– Đem ta vào quá khứ tìm lại những cơn say mê, những cơn
cuồng dại còn nồng hương lửa của tuổi măng tơ.

Ta nhẹ lấm mà, dẫn ta đi tới.

– Và đem ta đến cõi linh thiêng ta thường cảm nghe mà chưa
hiểu thấu là gì. Cơn vui rờn rợn tưởng trực địa cầu run rẩy ; cơn
vui toả ánh sáng đầy tràn trong biển hồn xao động.

Ánh sáng ! Ánh sáng ! Người dâng lên thôi, chờ ta tột vời ;
chờ ta tột vời ; ta hôm nay cỡi hết da thịt, trút hết vật chất, theo
triều người lên !

1940 - 1941

GIỌT LỆ HOÀNG MAI

Me quê hương ! Con đã khóc thầm với mẹ ! Con đã khóc những giọt lệ nóng nhất của con. Nhìn Mẹ mà không thương sao được ! Mặt non – sông yêu mến, ở người toả ra một nỗi niềm chi mà lòng ta thổn thức bồi hồi ? Ta nhìn giang sơn, non nước thì lòng ta tan thành nước mắt. Ôi quê hương, bởi vì đau mà lòng ta thương yêu lại hoá ra xót xa, ngậm ngùi ? Anh em ơi, đã nhìn mặt Mẹ bao giờ chưa ?

Một ngày giữa hè, ta từ Hà Nội về thăm nhà. Chiếc tàu chơ chậm rãi, cần cù, lê thê dọc ngày, mãi xế chiều mới về đến xứ Nghệ.

Nắng không oi lảm, nhưng ngọn gió Lào – như tiếng rú của một con thú đau thương – cứ phàn phật tạt qua từng loạt. Ánh nắng trên trời thì trong, nhưng sát mặt đất hơi mờ mờ vì bụi đất lên từng lúc. Trời đất như cặm cụi làm việc gì khó khăn, phải bèn gan vũng chí mới làm được. Núi gần bên cây cối cối cần cỏ vàng úa, ngọn cháy sém bởi gió thiêu ; núi đứng từng đoàn, kết hợp mà ngó như cô đơn, bởi ngôi nào cũng như quả quyết đứng lại ở đây, trần thủ cho một ý mạnh gì. Này dưới chân núi, ruộng cạn đất nứt nẻ khắp nơi ; đám lúa trỉa không ngóc đầu lên được dưới ngọn gió thép, và dưới trời cháy lạng. Ngọn lúa sém nấc lên những tiếng khô, náo ruột như hơi thở của một kẻ cùng lực. Này đôi bụi mưng, bụi mọc giữa đồng ; những điểm xanh rải rác càng tăng thêm cái nặng nề, cái không khí khó nhọc của đồng ruộng khô khan. Chim ở đâu, hoa sao không thấy nở ?

Mà người cũng ăn đâu ? Từng hồi mới gặp được cái áo nâu, chiếc nón Thượng : Người cũng như cảm súc lại, để dành cho những lúc khó khăn hơn nữa, phải nỗ lực để giành với cái chết một phần sự sống.

Tàu chậm rãi, cần cù đi qua. Lòng ta lúc ấy không phân tích như ta vừa kể lại. Lòng ta cảm thông thấm thiết trong giây phút với cõi đất này. Phân tích thì ra làm tan mất cái ấn ý của non nước mà ta cứ cảm nghe hiển hiện khắp chốn, khắp nơi.

Có phải không, ở trên đồng lúa sớm, trong dáng núi kiên gan, cả trong ngọn gió Lào hồng học, ta nghe một linh hồn rần rỏi vô cùng. Tưởng như ở đây là lò hun đúc những bản lĩnh gang thép, bản lĩnh của cảnh vật, nghĩa là bản lĩnh của người. Sự sống đi đến đây dừng lại một chút, cô đặc hơn lên, để rồi còn đi xa trên con đường vạn dặm. Dòng nòi giống đến đây không còn long lanh óng ả như dòng sông mướt mà, mà ta đã trở nên một dòng thép chảy, nóng và nặng, ấn sâu xuống đời. Gió Lào không phải là hơi thở phờ phới của tuổi thơ. Không, đây tuổi đã đứng, đường đã đến một ngã quyết định, nòi giống đến đây thở hơi thở quả quyết hơi nhọc nhằn, nhưng không hề chán nản, trong hơi thở ấy tưởng toát ra cả hơi nóng của ruột gan ! Không thở luôn luôn mà thở từng hồi để cảm súc. Nhưng cũng có cái vui của khí phách hào hứng, cái vui không tỏ ra nụ cười mà ở trong dáng tin tưởng ; cái vui hiện ra nơi mắt nhìn tròn trọc mà trong suốt thay !

Đến đây là một chặng đường tối quan yếu của dân tộc ; hình như trước lúc đi xa hơn, giống nòi kiểm soát lại sức mình.

Ngon lúa hơi cần bỗng trở lên oai hùng một cách lạ ; đồng ruộng nứt nẻ phải chăng là nét nghị lực trên mặt giang sơn.

Con tàu chậm rãi đi qua. Đã qua Hoàng Mai, ga lớn đầu tiên của xứ Nghệ, Thanh Hoá phì nhiêu, mát dịu như thế, mà mới một quãng vào đây, sông núi đã trở nên trầm hùng và gân guốc.

Tàu chạy cách núi chừng nửa cây số ; Hai bên đường sắt là ruộng lúa và một ít rau. Ta bỗng thấy như lòng Mẹ mở ra, bòn tất cả sức sinh sống còn lại đem nuôi con. Mẹ gắng đến cái sức cuối cùng để sinh ra lúa, ra ngô, ra khoai, ra đậu mà nuôi đàn con đông đảo và lực lưỡng này. Đường sắt chạy qua, tàu dần trên đất, ta đau xót như thấy Mẹ ta nằm đó, đưa tay vào lòng mà phân phát cho anh em ta máu sống. Tàu chạy cân cù, chậm rãi bao nhiêu, ta nghe đất lại dội lên đau xót bấy nhiêu. Và ta không cảm lòng được nữa, ta gục đầu vào thành cửa tàu, khóc nước nớc mắt tràn nóng trên tay, như máu uất tan ra. Ta khóc mãi cho đến quá xế chiều, gần về chợ Thượng.

Giọt lệ Hoàng Mai ! Giọt lệ non sông chảy qua lòng ta đó. Đã hơn năm rồi, từ buổi chiều hè ấy. Hôm nay kể lại, lòng ta vẫn bồi hồi xa xót như lúa ấy, như bao giờ. Ta muốn nói chuyện với anh em ta, nói đến cái nỗi niềm của sông núi. Nỗi niềm ấy phải là nỗi niềm chung của chúng ta. Trong lòng thương yêu bao giờ cũng ẩn một bài học quyết liệt, nếu không yêu thương hoá ra chỉ là lời điệu văn hoa nói cho qua chuyện.

Khí phách hào hùng của dân tộc : nghĩa rộng bao la. Giành lại quyền sống ! Giành lại quyền tư tưởng của giống nòi ! Cha ông đã bầu vào sự sống trên mảnh đất này, đã vật lộn với thiên tai và nhân hoạ dai dẳng mấy nghìn năm.

Cha ông đã thắng cuộc, cha ông đã sống, và cha ông đã có một điệu sống riêng : điệu sống ấy bảo đảm cho quyền sống ấy.

Cái gang thép không phải chỉ thực hiện trong đời, mà còn phải rạng ngời trong tư tưởng. Hôm nay, ghi lại vài ý tám sự với anh em, qua ánh sáng của một giọt nước mắt. Chớ ngại rằng, bắt đầu bằng giọt lệ. Những cuộc lên đường xưa nay đều đã bắt đầu sau một cơn Nước mắt.

*Sau chuyến về thăm quê,
mùa hè 1941*

BẢN SẮC VĂN HOÁ, TÍNH HIỆN ĐẠI VÀ ĐỐI THOẠI CỦA CÁC NỀN VĂN HOÁ

Những người Việt Nam là con dân của một đất nước có mấy nghìn năm lịch sử, có nền văn hoá lâu đời và đã là nạn nhân của rất nhiều cuộc ngoại xâm trong các thời đại, người Việt Nam thấy rất rõ tầm quan trọng cốt yếu và sức sống phi thường của văn hoá. Ngay trước khi khái niệm này được đưa ra, nhân dân Việt Nam đã sống với bản sắc văn hoá sâu sắc của mình từ nhiều thế kỷ và chính bản sắc văn hoá độc đáo, lâu bền này đã bảo vệ sự tồn tại của dân tộc Việt Nam qua những biến cố lịch sử. Trong nhiều thế kỷ, nhân dân Việt Nam đã ngoan cường chống lại chính sách đồng hoá của kẻ đô hộ, gìn giữ một cách kiên quyết tiếng nói, văn hoá, phong tục, mọi giá trị truyền thống dân tộc ; và trong cuộc đấu tranh suốt một thế kỷ nhằm giành lại độc lập dân tộc (do bị thực dân chiếm đóng) văn

hoá và bản sắc văn hoá luôn luôn đóng vai trò hàng đầu. Điều đó là dễ hiểu, bởi vì văn hoá trước hết là vấn đề về ý thức, ý thức dân tộc hoặc ý thức cá nhân của mỗi công dân. Ý thức sâu sắc và đầy sức động viên này khơi dậy và tập trung phong trào giải phóng dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà yêu nước Việt Nam hồi đầu thế kỷ, đặc biệt là Phan Bội Châu đã quan tâm đến việc làm thức tỉnh ý thức dân tộc, nhấn mạnh về bản sắc văn hoá, cái mà các cụ gọi là "Việt Nam hồn".

Tất cả các nền văn hoá, Việt Nam cũng như Trung Quốc hay Pháp, Ấn Độ, Nga, đều cho thấy một tổng thể không thể thay thế được, bởi vì chính bằng những truyền thống và hình thức thể hiện của mình mà mỗi dân tộc có thể "Biểu lộ một cách trọn vẹn nhất sự hiện diện của mình trên thế giới".

Trước hết, là nhân tố giải phóng, bản sắc văn hoá mình chứng cho các phong trào độc lập và kháng chiến chống lại chủ nghĩa thực dân.

Trong quá trình tiến triển hiện nay của thế giới, bản sắc văn hoá mang một ý nghĩa mới để đạt được một ảnh hưởng rộng hơn, nó phát huy ảnh hưởng trong mọi lĩnh vực kinh tế và xã hội với sự tìm kiếm một trật tự kinh tế quốc tế mới. Vậy nên bản sắc không thể được xem như một tập hợp những đặc trưng đã được xếp đặt cố định. Hoàn toàn ngược lại, tiến trình lịch sử của mỗi dân tộc luôn mang lại thêm những nhân tố mới của bản sắc này. Nói một cách khác, bản sắc văn hoá, sản phẩm của lịch sử không ngừng phong phú thêm với những sáng tạo mới của dân tộc trong tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, đạo đức, nghệ thuật và xã hội. Cho nên bản sắc văn hoá không hề ngược lại hoặc đối lập với tính hiện đại.

Mang ngay những truyền thống của dân tộc từ ngày đầu hình thành đất nước, người Việt Nam, với giá trị bất biến của nền văn hoá và văn minh của mình, ngày càng phát huy những nhân tố cơ bản : tinh thần cộng đồng của những hạt nhân xã hội đầu tiên, một tinh thần dân chủ rõ nét ở trong các làng mạc, tinh thần đoàn kết dân tộc trước quân xâm lược, tinh thần giúp đỡ lẫn nhau có kết quả trong cuộc đấu tranh chống thiên tai và nhất là các chủ nghĩa nhân bản thuộc về bản chất này đã luôn luôn đứng hàng đầu trong các quan hệ xã hội và trong các tiếp xúc người với người của cha ông ta... Ốc thực tế (có giá trị chứ không hề tầm thường) đã làm cho chúng ta theo sát những điểm ngoặt của cuộc sống để định hướng cho hành động của mình và tránh cái nhìn trừu tượng, siêu hình đối với các sự vật – nguồn gốc của những cay đắng và thất bại.

Ngày nay, bản sắc văn hoá của các dân tộc phải đương đầu với một nguy cơ mới : Sự đồng – nhất – hoá hay sự đồng thể hoá này, không phải do sự hội tụ các giá trị khác nhau của nền văn minh mà do tính trội hơn của một số cực truyền đi những kiến thức, những cách thức làm việc thành thạo phù hợp với những nước phát triển nhất, những nước được trang bị đầy đủ nhất. Phong trào đồng – nhất – hoá này (nay động chạm đến tất cả những lĩnh vực : lương thực, quần áo, giao thông thông, vui chơi) nói cụ thể hơn là do ưu thế của một số nhu cầu, khát vọng và sự tuân thủ của nó theo một khuôn mẫu, cái khuôn mẫu của mọi của cải và dịch vụ được sản sinh và phân phát trên quy mô toàn cầu. Sự đồng – thể – hoá này ngay từ bây giờ là mối nguy cơ văn hoá đối với những nước vừa giành được độc lập, những nước đang phát triển. Không phải nói quá lời khi báo động về

hiện tượng xâm nhập văn hoá được một số các trung tâm thông tin đại chúng có thể lực ủng hộ. Nguy cơ này hoàn toàn không phải do tương tượng ; nó đã đứng trước ngưỡng cửa của chúng ta rồi. Chính vì thế, bảo vệ bản sắc văn hoá không chỉ trở thành nhiệm vụ cấp bách của riêng quần chúng mà nó phải trở thành chính sách của Nhà nước.

Như đã khẳng định ở trên, bản sắc văn hoá không phải là một di sản bất di bất dịch, cũng không phải đơn thuần là một danh mục về những truyền thống. Bản sắc văn hoá đúng hơn là một động thái nội bộ, bên trong, là một quá trình sáng tạo không ngừng của chính bản thân một xã hội, một sự tự nhào nặn mình của cộng đồng cần được phát triển và sống mãi. Bản sắc này tự nuôi dưỡng mình bằng những màu sắc nhiều vẻ trong sự đa dạng ; đồng thời chào đón và tiếp thụ những nét độc đáo tinh hoa của những nền văn hoá khác.

Nhấn mạnh về bản sắc văn hoá không có nghĩa là khích lệ nền văn hoá của chúng ta thu mình lại. Bởi vì văn hoá là đối thoại, là trao đổi ý kiến và kinh nghiệm, là sự đánh giá các giá trị và truyền thống khác ; mọi nền văn hoá đều thuộc về di sản chung của nhân loại. Chúng ta cần nhớ rằng bản sắc văn hoá của một dân tộc luôn luôn đổi mới và phong phú thêm dưới ảnh hưởng lành mạnh của truyền thống và các giá trị của các nền văn hoá là một điều may mắn và là một bằng chứng của sự phát triển sâu sắc hơn của mỗi nền văn hoá. Vì thế chính sách văn hoá của chúng ta không bao giờ là một chính sách đóng cửa. Tầng cường và có nhiều mối quan hệ văn hoá với các dân tộc khác trên thế giới là một yếu tố rất quan trọng trong đường lối văn hoá của chúng ta.

Chúng ta phải làm gì để củng cố bản sắc văn hoá dân tộc của mình ?

1. Trước hết là phi thực dân hoá đã tiến hành không ngừng sau Cách mạng tháng Tám 1945, trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và sau ngày giải phóng hoàn toàn đất nước năm 1975.

2. Lịch sử dân tộc đã được đánh chính (vì "những nhà sử học" thực dân đã ít nhiều bóp méo nó nhằm làm tắt đi niềm tự hào dân tộc).

3. Nền văn hoá mới phải thực sự phục hưng và sự ra đời, phục hưng những giá trị chân chính xa xưa của dân tộc và sự ra đời của những giá trị mới.

Việc thu thập các cuốn sách cũ viết bằng chữ Hán, Nôm và dịch chuyển sang chữ Quốc ngữ, việc thu thập văn hoá dân gian, việc trùng tu lại những công trình lịch sử và văn hoá xưa kia và việc bảo vệ di sản văn hoá là những điều quan tâm chính của chúng ta.

4. Để khôi phục các giá trị văn hoá xa xưa, chúng ta đã lập ra các viện nghiên cứu về văn hoá, nghệ thuật và văn học (Viện Văn học, Viện Âm nhạc, Viện Nghệ thuật tạo hình, Viện Sân khấu, Viện Văn hoá dân gian, Viện Hán Nôm, Viện Khảo cổ, Viện Lịch sử, v.v.).

5. Chúng ta đã thành lập Hội văn nghệ dân gian và vừa rồi Hội bảo vệ và phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số.

6. Chúng ta khuyến khích các nghệ sĩ không chuyên nhiều tuổi (người kể chuyện dân gian, nhạc công, ca sĩ, biên đạo múa dân gian, họa sĩ dân gian,...) truyền lại cho thế hệ sau di sản

quý báu của họ. Các nghệ sĩ nhiều tuổi không chuyên lại thực tế là những bảo tàng sống của một phần quan trọng di sản của chúng ta.

7. Trong nhà trường phổ thông và các trường đại học nghệ thuật, chúng ta giảng dạy và cho học sinh học tập về di sản văn hoá các dân tộc.

Quá khứ mang nặng mầm tương lai. Bản sắc văn hoá sâu đậm của chúng ta là nguồn sống từ đó chúng ta tiếp tục hút ra được sức mạnh và sức sống cho các nền văn hoá dân tộc hiện đại.

(Bài phát biểu tại Hội nghị quốc tế
về Thập kỷ văn hoá, họp ở Hà Nội năm 1992)

XÂY DỰNG NỀN VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ MỚI ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Chúng ta xây dựng văn hoá, văn nghệ mới và con người mới trong mối tương quan chặt chẽ giữa ba cuộc cách mạng, nói một cách khác : việc xây dựng văn hoá, văn nghệ mới, con người mới là một bộ phận tổ thành của việc xây dựng nền kinh tế – xã hội của chúng ta, trong đó văn hoá, văn nghệ và con người mới vừa là thành quả, vừa là động lực.

Chúng ta nhất thiết phải xây dựng một nền văn hoá và nghệ thuật mới với nội dung xã hội chủ nghĩa sâu sắc, nhưng vấn đề là phải làm sao cho nền văn hoá, văn nghệ mới của ta *Đậm đà bản sắc dân tộc*. Nhìn lại quá khứ xa xôi, chính bản sắc dân tộc, bản sắc văn hoá dân tộc, tinh thần quật khởi để giành lại độc lập, tự chủ khi gặp thời cơ thuận lợi, và cũng để tạo ra thời cơ thuận lợi.

Bản sắc dân tộc chính là hạt nhân sáng tạo trong tinh thần của dân tộc, được truyền từ đời này qua đời khác, và được phát phát huy, bổ sung qua mỗi thế hệ và phát triển của dân tộc, với sự sống luôn luôn sáng tạo của nhân dân. Trong những năm bị thực dân Pháp đô hộ, đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, cũng nhờ bản sắc dân tộc mạnh mẽ mà nhân dân ta bảo vệ được những giá trị văn hoá dân tộc mà bọn thực dân và đế quốc đè bẹp và tìm cách phá hoại đập tắt văn hoá dân tộc của ta vì chúng biết rất rõ văn hoá là vấn đề thức tỉnh nhận thức, nhận thức dân tộc, nhận thức giai cấp, nhận thức về vận mệnh của một cộng đồng, hay là một cá nhân, thành viên của cộng đồng ấy.

Ngày nay để xây dựng một nền văn hoá, văn nghệ mới, xã hội chủ nghĩa, mà đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc phải bắt nguồn cho đúng. Có thể nó có bốn nguồn phải uống, hay là bốn nguồn hoà nhập làm một biển lớn. Trước hết là chủ nghĩa Mác – Lênin ; không phải chỉ học, mà phải sống chủ nghĩa Mác – Lênin làm cho nó biến thành máu thịt, tâm hồn. Gọi đó một nguồn cũng được, hay đúng hơn đó là một mặt trời, nguồn năng lượng bao quát làm sôi sục, tươi tốt những nguồn khác. Nhấn mạnh bản sắc dân tộc mà lại bắt đầu nên chủ nghĩa Mác – Lênin, là vì chỉ có chủ nghĩa Mác – Lênin mới giúp ta có quan

điểm dân tộc đúng đắn, mới giúp ta khai thác hết chiều sâu của di sản văn hoá dân tộc và phát huy đúng hướng bản sắc dân tộc trong thời đại ngày nay. Nguồn thứ hai là vốn văn hoá, văn nghệ tốt đẹp của ông cha đã quy tụ trong bản sắc văn hoá dân tộc nghìn đời. Nguồn thứ ba là tinh hoa văn hoá, văn nghệ thế giới mà chúng ta hấp thụ dần dần, vì chúng ta còn là thành viên của cộng đồng nhân loại, thành viên tích cực và năng động. Và nguồn thứ tư, là cái vốn sống hút từ cuộc sống cách mạng của nhân dân ta ngày nay ; sống và nghiên cứu, nghiền ngẫm cuộc sống ấy là nhân tố quyết định, là nội dung máu thịt của nền văn hoá, văn nghệ mới, được ba nguồn nói trên làm cho nảy nở. Nền văn hoá, văn nghệ mới của chúng ta nhìn chung đã bắt nguồn đúng theo hướng đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng mấy chục năm, từ khi có Đề cương về cách mạng văn hoá Việt Nam cho đến nay. Tuy nhiên, chỗ yếu của chúng ta là vốn văn hoá, văn nghệ dân tộc, bản sắc văn hoá dân tộc chưa thật thâm sâu ; việc sưu tầm nghiên cứu vốn văn hoá, văn nghệ của các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam có tiến hành sôi nổi một vài thập kỷ sau giải phóng miền Bắc, nhưng gần đây chững lại. Việc nghiên cứu làm chậm và chưa thật hệ thống. Tinh thần tự ty về văn hoá, văn nghệ dân tộc còn lảng vảng trong tâm trí của một số người hoạt động văn hoá, văn nghệ. Trong cái vốn giá trị tinh thần cố hữu của dân tộc, ta thường đã nói nhiều đến : tình yêu nước, thương nòi, tinh thần quật cường, bất khuất, tinh thần cần cù lao động ; tinh thần trọng lễ phải, yêu cái đẹp, sống có nghĩa có tình, tinh thần tôn trọng con người, quý con người, nói như đồng bào Nghệ Tĩnh quê tôi hay nói "quý con ngài, không quý dài quần áo". Địa lý và lịch sử đã hun đúc cho cha ông ta tinh thần trọng thực tế, thực tiễn, bám sát thực tế của cuộc sống, giải

quyết những vấn đề được đặt ra sát với những dữ kiện của cuộc sống, có vậy mới bám chắc được mảnh đất này, không bị những trận lụt ghê gớm của thiên nhiên và các cuộc ngoại xâm cuốn đi.

*Nhớ cha ông đã sống hồn rất thực
Sống bện mình vào thổ đất quê hương*

[...]

*Sống khôn ngoan giữa năm hai mùa nước
Có bao giờ được năm tháng rảnh tay
Chân nội địa, chân biên thuỳ sau trước
Suy nghĩ chỉ cũng trên mảnh đất này*

Tinh thần bám sát thực tế ấy ngày nay cần được phát huy với chủ nghĩa xã hội khoa học, nó sẽ giúp chúng ta khắc phục được bệnh ý chí chủ nghĩa, bệnh chủ quan nóng vội, bệnh giáo điều máy móc. Tinh thần bám sát thực tế giúp chúng ta vận dụng nhuần nhuyễn các quy luật của cuộc sống, các quy luật kinh tế, các quy luật khoa học xã hội. Những sai sót, lệch lạc xảy ra mấy năm gần đây phải chăng một phần cũng do chúng ta đã có những lúc không thuộc bài học của cha ông về bám sát thực tiễn của cuộc sống. Còn truyền thống quý con người, tôn trọng con người thì phải phát huy tốt trong chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chủ nghĩa. Những hiện tượng cửa quyền, những hiện tượng coi thường người dân là hoàn toàn trái với truyền thống và trái với chủ nghĩa cộng sản, trái với tinh thần lấy dân làm gốc của Đảng ta.

Gần đây, "Những ngày văn hoá các dân tộc" thành công tốt đẹp lại nhắc chúng ta cái vốn văn hoá văn nghệ vô cùng quý

báu của đất nước, của các dân tộc anh em. Khai thác cho hết cái vốn ấy, phát huy nó là một trữ lượng tư tưởng, tình cảm vô tận của ta. Xây dựng con người mới, bây giờ là chủ yếu xây dựng những quan hệ xã hội mới, quan hệ giữa cá nhân với các cộng đồng lớn nhỏ : cộng đồng dân tộc, cộng đồng giai cấp, cộng đồng làng xóm, cộng đồng gia đình, cộng đồng hợp tác xã, xí nghiệp. Làm sao cho mỗi cá nhân ý thức đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng của mình, làm sao cho mỗi công dân là một thành viên tích cực, năng động của cộng đồng. Muốn vậy, nền giáo dục của ta, văn hoá, văn nghệ của ta cần chú trọng trau dồi, hun đúc cho mỗi cá nhân một nhân cách, một bản lĩnh rõ nét, vững mạnh. Chúng ta chống chủ nghĩa cá nhân, nhưng mặt khác chúng ta phải tạo điều kiện cho bản lĩnh, cho nhân cách xã hội chủ nghĩa của mỗi cá nhân được phát triển. Chủ nghĩa xã hội ngày nay và chủ nghĩa cộng sản ngày mai chỉ có thể xây dựng bởi tập thể của những người lao động có bản lĩnh rõ ràng, vững mạnh, chứ không thể xây dựng bởi sự tập hợp của những con người mà nhân cách và bản lĩnh mờ nhạt, bàng bạc chỉ là à uôm, dựa dẫm, không dám nhận trách nhiệm đi đến trốn trách nhiệm. Tình trạng này xảy ra không phải là ít trong một số cơ sở kinh doanh hay cơ quan hành chính sự nghiệp của chúng ta. Việc nâng cao tinh thần trách nhiệm phải gắn với quy chế công tác, với cơ chế quản lý, đồng thời phải gắn chặt với vấn đề giáo dục, trau dồi bản lĩnh vì một con người thiếu bản lĩnh vẫn có thể xoay xở với quy chế để trốn trách nhiệm để "hoà tan" trách nhiệm của mình trong "trách nhiệm tập thể". Lập lại trật tự trong xã hội, nắm lại kỷ cương của Đảng và Nhà nước là vấn đề

cấp bách của chúng ta ngày nay, có liên quan đến rất nhiều vấn đề, mà một vấn đề cốt tử chính là trau dồi, rèn luyện bản lĩnh, nhân cách xã hội chủ nghĩa của đảng viên, của công dân. Những thời thịnh trong lịch sử là những thời mà nhà nước mạnh, kỷ cương mạnh, nhân cách, bản lĩnh của mỗi người dân cũng mạnh. Nếu trong điều hành công việc, trong cách đối xử, ta làm cho người cán bộ, người dân rụt rè khúm núm, dưng dưng, không dám là mình, thì chính là ta làm yếu xã hội, làm lỏng lẻo kỷ cương.

Con người mới Việt Nam đã xuất hiện từ Cách mạng tháng Tám, hình thành ngày càng đậm nét qua cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc lâu dài, và qua chặng đường đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những đức tính truyền thống tốt đẹp, con người mới của ta cần hấp thụ đầy đủ những đức tính của thời đại : Tinh thần cách mạng bền bỉ, tinh hữu ái giai cấp, tinh thần khoa học, kiến thức khoa học kỹ thuật, cần thiết, tinh nhạy cảm với cái mới trong cuộc sống, tinh thần năng động và tinh thần sáng tạo...

Trong công cuộc xây dựng con người mới, có một vấn đề mà chúng ta dường như tránh né : đó là giáo dục các bản năng. Nền giáo dục của ta đã tập trung trau dồi trí tuệ cho các thế hệ thanh niên và đã đạt được những thành tích to lớn, rõ ràng. Nhưng về bản năng thì hình như ta kiêng, chưa bàn tới : bản năng sinh tồn, bản năng tự vệ, bản năng xã hội, bản năng nối dòng, nối dõi,... Bản năng này được giáo dục rất kỹ ở các nước khác (bằng phim, bằng sách, bằng lớp học,...). Đây là vấn đề khoa học trong cuộc sống, sao ta lại tránh ? Lại còn một điều quan trọng nữa : các năng khiếu văn nghệ (năng khiếu nhạc,

năng khiếu vẽ, năng khiếu văn thơ,...) *vừa thuộc trí tuệ vừa thuộc về bản năng*. Chúng ta chưa làm được bao nhiêu trong công việc giáo dục thẩm mỹ cho thế hệ trẻ. Chúng tôi nghĩ rằng : các bản năng chính là một dự trữ lớn về sức sống mọi mặt của con người. Bản năng nói chung là hậu phương của trí tuệ. Cả trí tuệ, cả bản năng cộng lại mới làm nên bản lĩnh, bản sắc của một con người. Đây là vấn đề triết học, nhưng cũng là vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Ở một số nước hiện đang nghiên cứu mối quan hệ này, và có thử nghiệm đưa đến kết quả phát triển trí tuệ rất sớm vì liên quan đến giáo dục bản năng. Sự tránh né, làm ngơ vấn đề này chắc hẳn là do tư tưởng phong kiến còn rớt lại khá nặng. Mỗi con người trau dồi, hun đúc nhân cách, bản lĩnh riêng của mình hoà nhuyễn với bản sắc dân tộc ; nói cách khác : trong bản lĩnh cá nhân có bản sắc dân tộc làm nền.

Ở trên tôi đã nêu lên vấn đề xây dựng con người mới chính là xây dựng những quan hệ xã hội mới. Xin nói thêm : xây dựng quan hệ cá nhân là cực kỳ quan trọng, theo lý tưởng "người với người là bạn" chứ không phải theo lối tôn ty trật tự hủ lậu của phong kiến. Lại còn quan hệ gia đình, quan hệ vợ chồng, quan hệ nam nữ... trong chiến tranh, tập trung cho chiến đấu và chiến thắng, chúng ta chưa có điều kiện để đi sâu giải quyết những vấn đề trên. Các mối quan hệ ấy không được hướng dẫn, không được gợi ý đúng hướng thì có thể chệch choạc với lý tưởng, đạo đức mà xã hội ta vươn tới.

Văn hoá – văn nghệ có vai trò lớn trong vấn đề xây dựng và củng cố cộng đồng quốc gia, cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Nếu trong định nghĩa dân tộc, một nền văn hoá chung là một yếu tố

là một yếu tố tổ thành của dân tộc, thì rõ ràng là văn hoá phát triển đúng hướng sẽ củng cố cộng đồng dân tộc, củng cố thống nhất của đất nước, gắn bó các dân tộc, gắn bó các thành viên tập thể hay cá nhân thành Tổ quốc, thành xã hội. Trong công cuộc xây dựng và củng cố cộng đồng dân tộc, truyền thống văn hoá đóng một vai trò hết sức quan trọng trong một xã hội, một quốc gia, cũng như trong cơ thể một con người, có ba yếu tố tổ thành chủ yếu : cơ sở vật chất, năng lượng và hệ thống truyền thông. Truyền thông tốt thì cơ thể xã hội hoạt động tốt và phát triển năng lượng. Truyền thông xấu, không từ thực tiễn mà phát đi thì ách tắc. Trong lịch sử dân tộc ta đã có nhiều thời kỳ việc truyền thông đã rất tốt và đã có tác dụng quyết định thắng lợi, thành công : truyền thông đời nhà Trần trước và sau Hội nghị Diên Hồng, truyền thông thời tiền khởi nghĩa và hồi Cách mạng tháng Tám và suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ cứu nước... truyền thông đã là một sức mạnh, nó nhân cái năng lượng sẵn có lên gấp bội. Bây giờ ta phải làm tốt hơn công tác truyền thông, bớt lối truyền thông hành chính, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia việc truyền thông thì truyền thông mới thực sự truyền thông cho nhân dân, từ nhân dân. Về nhiều ý nghĩa mà nói, truyền thông, hiểu đúng đắn cũng là một mặt của văn hoá. Cũng đã có nơi người ta quan niệm "chúng ta đang sống trong một xã hội truyền thông" chúng ta đã có nhiều cố gắng để nâng cao công tác truyền thông lên đúng với vai trò lớn lao của nó nhưng chưa đủ, phải cố gắng nhiều nữa. Trong vấn đề đổi mới tư duy, đổi mới phong cách văn hoá, văn nghệ phải và có thể đóng góp một phần đặc lực : rèn đúc cho mỗi

người dân, mỗi cán bộ ý thức đầy đủ về trách nhiệm của mình trong các cộng đồng lớn, nhỏ ; thói quen bám sát thực tiễn mà không thực dụng chủ nghĩa, do đó mà phát hiện được cái mới, không bảo thủ, trì trệ. Để thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội Đảng, văn hoá, văn nghệ phải khích lệ, cổ vũ tinh thần đổi mới bắt nguồn từ ý thức trách nhiệm, từ sự phân tích khoa học, các vấn đề đặt ra trong cuộc sống. Tinh thần trách nhiệm và tính năng động của con người mới, con người bản lĩnh, thành viên tích cực của xã hội cần được bồi dưỡng.

Chúng ta còn phải chăm lo cho cả đời sống văn hoá của kiều bào, của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, văn hoá dân tộc gắn bó kiều bào với quê hương, Tổ quốc. Cái gì làm cho kiều bào vẫn là người Việt Nam, ấy là văn hoá, ấy là bản sắc văn hoá dân tộc. Về mặt này, đồng bào đòi hỏi nhiều mà chúng ta làm còn ít. Lực lượng văn hoá của kiều bào cũng không phải nhỏ ; ta phải cung cấp nhiều văn hoá phẩm cho kiều bào, tiếp sức cho kiều bào, thì cộng đồng người Việt ở nước ngoài mới thật sự là một mảng của dân tộc, của Tổ quốc ở thế giới, gắn bó máu thịt với gốc cội cha ông, này mầm tươi tốt ở những chân trời xa lạ.

Ta tiếp thu tinh hoa văn hoá, văn nghệ của thế giới, mặt khác, ta cũng phải tích cực giới thiệu một cách có hệ thống tinh hoa văn hoá, văn nghệ dân tộc ra thế giới, để giúp các nước hiểu ta sâu hơn, hiểu ta từ bản sắc của chúng ta. Vốn văn hoá, văn nghệ tốt đẹp, độc đáo của chúng ta cũng góp phần quý báu vào kho tàng văn hoá, văn nghệ của nhân loại. Dân tộc ta cũng có tiếng nói riêng, thông điệp riêng của mình gửi cho loài người.

Đảng ta đã từng nói : "Xây dựng một xã hội hạnh phúc và văn minh". Chúng ta hiểu có cả văn minh vật chất và văn minh tinh thần, nghĩa là văn hoá. Phải huy động mọi khả năng của con người toàn diện để xây dựng văn hoá văn nghệ mới : trí tuệ và bản năng (bản năng đã được giáo dục), vốn văn hoá xưa và vốn cách mạng ngày nay, bản sắc dân tộc và tinh thần quốc tế vô sản. Và văn hoá, văn nghệ được phát triển tốt là một động lực thúc đẩy phát triển xã hội mới, là giúp đào tạo con người toàn diện, một con người có nhân cách sâu, có bản lĩnh mạnh, tích cực, năng động, nghĩa là con người thành viên của xã hội đang đổi mới của chúng ta.

*(Tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ VI của Đảng, tháng 12 - 1986)*

NGUYỄN DU, NHÀ THƠ CỔ ĐIỂN LỚN, CŨNG LÀ NHÀ THƠ LÃNG MẠN LỚN ĐẦU TIÊN CỦA DÂN TỘC TA⁽¹⁾

Xác định Nguyễn Du là nhà thơ cổ điển lớn, điều ấy không có gì phải nói thêm. Nguyễn Du là tập đại thành của cả nền văn học xưa của ta về nhiều mặt, về nội dung cũng như về hình thức. Nhưng điều tôi vẫn lấy làm lạ là Nguyễn Du, giữa cái xã

(1) Bài này đã đăng báo *Văn nghệ*.

hội phong kiến bế tắc, đã đặt vấn đề thân phận con người một cách da diết, sâu thẳm vào trung tâm tác phẩm, vào trung tâm sự suy nghĩ, cảm xúc của mình.

Các truyện thơ Nôm trước Nguyễn Du đều lấy trung, hiếu, tiết nghĩa làm nội dung xương sống, và hầu như không hề chăm lo, băn khoăn thân phận con người, đến số phận mỗi con người trong xã hội. Nói gì đến quyền sống của con người, quyền có hạnh phúc riêng, quyền tự khẳng định bản lĩnh của mình trong cuộc sống ! Thơ Nguyễn Trãi rất sâu chan chứa lòng nhân ái, và chứa đựng tư tưởng nhân nghĩa vĩ đại. Nhưng cũng không thể nói là Nguyễn Trãi đã đề cập vấn đề thân phận con người bị nghẹt thở trong chế độ phong kiến. Vậy mà Nguyễn Du đã ngang nhiên nêu lên vấn đề gai góc ấy trước dư luận của xã hội phong kiến đương thời. Cái gì đã thôi thúc Nguyễn Du đi đến những kết luận, những khẳng định mới mẻ ấy.

Trong cả nền thơ cổ điển, nền văn học cổ điển của Trung Quốc mà Nguyễn Du rất thuộc và tiếp thụ, thật ra không có một kiểu mẫu nào cho sự xúc động cận đại ấy. Có thể nghĩ đến thơ Khuất Nguyên. Thơ Khuất Nguyên da diết xoáy sâu, cái da diết quặn xé của một tấm lòng cô trung, và có khi là cái xao động hào hùng của con người đối diện với trời đất, song chưa hẳn là cái băn khoăn đau đớn trực tiếp về số phận con người. Dấu sao thì trong thơ Nguyễn Du ta nghe rõ vang vọng âm hưởng của nguồn thơ *Ly tao*, *Hồng lâu mộng* chăng ? *Hồng lâu mộng* có nêu những khía cạnh nói về hạnh phúc cá nhân, nhưng vấn đề đặt ra đâu có da diết, xoáy sâu như trong *Truyện Kiều*. Có hơi

hương gần gũi nhất với xúc cảm của Nguyễn Du là thơ Đỗ Phủ. Thơ Đỗ Phủ nói đến thân phận con người, điêu đứng, đắng cay, tủi nhục dưới sức áp bức, chà đạp (coi con người không ra gì) của chế độ phong kiến hà khắc của Trung Quốc ngay trong thịnh thời của nó. Nhưng xúc cảm của Nguyễn Du trước thân phận con người ở thời đại ông mang màu sắc cận đại hơn, ở chỗ nhấn mạnh rõ rệt một cách có ý thức quyền sống, quyền có hạnh phúc của cá nhân con người, với tư cách là đơn vị được tự khẳng định trong tập thể xã hội.

Đọc đi đọc lại *Truyện Kiều* và thơ Nguyễn Du, điều làm tôi ngạc nhiên là Nguyễn Du có nhiều điểm gặp nhau với văn học phương Tây từ thời Phục hưng trở về sau. Cái cảm quan về cuộc đời, cái lo lắng cho số phận con người, cái nhìn con người trong một chân trời rộng mở ngoài cái chân trời đóng kín của xã hội phong kiến trước kia, bao nhiêu điều có thể đặt Nguyễn Du vào dòng văn học cận đại, và cả vào dòng văn học lãng mạn thế giới. Tôi cảm thấy có một "tính bà con" – không gần thì xa – giữa Nguyễn Du và những nhà thơ tiêu biểu của nền văn học nhân đạo chủ nghĩa phương Tây, với cách xúc động gần như hiện đại về vấn đề hạnh phúc, về thân phận con người. Hiển nhiên là không phải Nguyễn Du tiếp nhận ảnh hưởng của văn học cận đại phương Tây. Nguyễn Du không hề biết đến, không hề nghĩ đến sự tồn tại của nền văn học ấy, Nguyễn Du đã được đào luyện trong dòng văn học, triết học cổ điển Trung Quốc, và ở chừng mực nào trong dòng triết học Ấn Độ thông qua đạo Phật. Vậy cái gì cắt nghĩa được tính cận đại của thơ Nguyễn Du, cái gì

làm cho Nguyễn Du là nhà thơ lãng mạn đầu tiên của ta (và đương nhiên vẫn là nhà thơ cổ điển cự phách của ta) ?

Ở đây ta bắt gặp cái sắc bén của phương pháp phân tích giai cấp của chủ nghĩa Mác. Xã hội Việt Nam thời đại Nguyễn Du đã mang nhiều yếu tố tiền tư bản chủ nghĩa. Nhưng chủ nghĩa tư bản không hình thành và phát triển được vì những điều kiện lịch sử mà chúng ta đã biết. Tuy nhiên, những yếu tố ấy thôi thúc, bức bách, làm nứt rạn chân trời phong kiến về những giá trị, về những tiêu chuẩn cuộc sống. Chưa có chủ nghĩa cá nhân theo nhân sinh quan tư sản, nhưng con người với tư cách là đơn vị cá nhân rõ ràng là đang ngoi lên giành quyền sống. Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam lúc đó không mở ra được một thời kỳ phục hưng, không đặt vị trí con người ở thế hào hùng vươn lên chinh phục thế giới. Nhưng những đòi hỏi của con người cận đại vẫn bức bách. Hoàn cảnh lịch sử và xã hội Việt Nam lúc bấy giờ đặt Nguyễn Du vào thế ngậm ngùi, da diết, nhưng sự phản kháng của con người đòi quyền vẫn sống đầy sức mạnh ấy đã được thể hiện trong *Truyện Kiều* và thơ Nguyễn Du là ở đó. Điều làm cho Nguyễn Du là nhà thơ lãng mạn đầu tiên của ta ở đó.

Dĩ nhiên tính cách lãng mạn của Nguyễn Du còn nhiều yếu tố khác nữa mà chúng ta không phân tích ở đây.

SUY NGHĨ VỀ NGHỆ THUẬT

LAO ĐỘNG NGHỆ THUẬT

Nếu như lao động sáng tạo ra con người, thì lao động nghệ thuật sáng tạo ra con người nghệ sĩ... Người nghệ sĩ phải tự tạo luôn luôn thì mới sáng tạo được tác phẩm. Tự tạo bằng cách tự nhào nặn mình trong cuộc sống qua hành động, và cũng tự nhào nặn thường xuyên trong lao động nghệ thuật nữa. Chính lao động nghệ thuật ấy tiếp tục sáng tạo ra nội dung, sáng tạo ra tâm hồn. Không phải rằng lúc ta đến bàn viết, lúc ta vào xưởng vẽ là ta đã có sẵn, hoàn chỉnh, tác phẩm trong đầu và chỉ còn cái việc *thể hiện* ra bằng tay vẽ, tay viết. Làm như là đã mang sẵn tác phẩm trong tâm trí và chỉ việc *phiên dịch* ra bằng ngôn ngữ nghệ thuật, bằng chữ hay bằng nét vẽ và màu sắc ! Trăm lần không phải như vậy ! Lúc anh ngồi vào bàn hay vào xưởng, anh chỉ mới có cái "khung", chỉ mới có một niềm xúc động. Nhưng anh còn phải lao động đổ mồ hôi để cụ thể hoá niềm xúc động ấy, để cho niềm xúc động ấy đầu thai vào những hình tượng, thành những hình tượng. Anh còn phải vật lộn trái xương với cái vật chất của chữ, của vật liệu, của đường nét, của màu sắc, của âm thanh, làm cho cái vật chất ấy chịu nói

cái tâm hồn mà anh cảm thấy đang hình thành, mà không có vật chất ấy thì cái tâm hồn kia cũng không hình thành được. Lúc anh ngồi vào bàn hay vào xưởng, anh không phải chỉ sáng tạo nội dung, (đây là nội dung máu thịt, cụ thể của tác phẩm) trong quá trình vật lộn với hình thức, nghĩa là trong quá trình lao động nghệ thuật. Rất nhiều khi đó là một cuộc vật lộn gay go đổ mồ hôi, sôi nước mắt ; nhưng phần thường lại vì thế mà cao hơn, sức sáng tạo tâm hồn lại mạnh hơn.

Một số nhà phê bình về nội dung và hình thức nghệ thuật thường giản đơn hoá vấn đề đi, không thâm nhập vào quá trình biện chứng của việc sáng tạo nghệ thuật, cho nên không bắt được phép biện chứng của sự sáng tạo.

Yêu thay Nguyễn Du (theo người ta kể) trăm lần viết lên cánh cửa những câu thơ của *Truyện Kiều*, xoá đi chữa lại. Yêu thay Mi-ken Lang-giơ (Michel Ange) đêm trước ngày chết còn cầm búa nặng đục vào đá cho bật ra tâm hồn !

NGHỆ THUẬT VÀ NHỮNG MÂU THUẤN CỦA CON NGƯỜI

Con người sống với những mâu thuẫn lớn và quá trình sống là quá trình tìm cách giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội, những mâu thuẫn xã hội. Các mâu thuẫn xã hội được giải quyết bằng đấu tranh giai cấp, điều này chúng ta đã biết rất rõ và

chúng ta đã hành động theo chân lý ấy, Nhưng bên cạnh những mâu thuẫn xã hội còn có những loại mâu thuẫn khác. Ví dụ : Mỗi con người chỉ sống nhất thời, nhưng lại thêm muốn vĩnh viễn, mỗi con người là hữu hạn nhưng lại muốn sống cái vô cùng. Thêm muốn cái vĩnh viễn, cái vô cùng cũng là một nhu cầu thật sự thôi thúc nội tại của con người và cũng là một trong những động lực giúp con người vươn lên không ngừng, ngày càng lớn hơn.

Nhưng những mâu thuẫn phức tạp ấy làm sao mà giải quyết được ? Nhất thời làm sao mà vĩnh viễn được ? Ở đây ta phải tìm kiếm cái biện chứng của sự sống, của sự sống loài người, Mỗi cá nhân tất nhiên là nhất thời, nhưng cả giống loài là vĩnh cửu ; và mỗi cá nhân cũng giúp vào cái vĩnh cửu ấy bằng hành động sinh lý nối dòng, nối dõi, và mỗi cá nhân – nhất thời đấy – nhận thức được cái vĩnh cửu trong chừng mực mà tự bản thân mình hoà nhập được sâu sắc vào trong giống loài, gia nhập được vào xu thế phát triển của giống loài. Còn hữu hạn làm sao mà sống vô cùng được ? Nếu mỗi con người chỉ tự đóng khung vào sự sống của mình, tự cắt xén không liên quan gì với đồng loại thì hữu hạn là đương nhiên. Nhưng mỗi con người lại có sức đồng cảm vô hạn với đồng loại. Sức đồng cảm đó là gì nếu không phải là một bản năng của con người trả mỗi cá nhân trở về tập thể của loài người. Mà cái tập thể này là một thực tại, là một yêu cầu của sự sống. Mỗi cá nhân bằng sức đồng cảm của mình, trở về với tập thể, với cội nguồn, và sống cái vô cùng, vô hạn của tập thể loài người. Sức đồng cảm lớn lao đó là có một tiếng nói của nó, có một công cụ riêng của nó là nghệ thuật. Loài người lúc bắt đầu sống, bắt đầu tổ chức sống cuộc sống xã

hội là đồng thời bắt đầu làm nghệ thuật, sáng tạo ra nghệ thuật ; làm ra nghệ thuật để bảo đảm mối quan hệ cá nhân với tập thể, để con người không bị ngột trong trong cái vỏ cá nhân, để con người thở khí ô-xy của cuộc sống loài người.

Sức đồng cảm ấy, rung động nghệ thuật ấy là một chứng cứ rằng sự sống của con người không dừng lại ở cá nhân, mà có cái gì cao hơn phải vươn tới, cao hơn và đầy đủ hơn, không bị cắt xén. Cái hữu hạn của cá nhân trở về cái vô hạn của tập thể, vai trò của nghệ thuật cao quý biết bao !

NGHỆ THUẬT, NIỀM VUI LỚN NHẤT...

Nghệ thuật là niềm vui mà con người có thể tự tạo cho mình được. Một ý lớn của Mác. Với nghệ thuật, mỗi con người thoát ra ngoài cái vỏ cá nhân của mình, trở về với tập thể loài người ; từ một cuộc sống bị cắt xén, mỗi con người tự bổ sung thành con người đầy đủ, con người hơn, giàu thêm mọi khả năng phát triển được thực hiện nơi người khác, nơi đồng loại, nghĩa là nơi cơ thể lớn của con người. Cơ thể nhỏ là bản thân mỗi chúng ta. Trong cơ thể nhỏ mà sống được cả cuộc sống dào dạt, cả luồng sống triều lên của loài người : sự giàu có lớn, sự giàu có thật sự là ở đó. Nghệ thuật làm giàu con người là ở đó. Thử tưởng tượng cuộc sống nhân loại mà không có nghệ thuật !

Chắc rằng con người trong trường hợp ấy cũng vẫn sống được, nhưng ngọt ngào biết bao nhiêu, rồi rạc biết bao nhiêu và héo mòn biết bao nhiêu !

Nghệ thuật, ấy là sức đồng cảm lớn lao của loài người trở thành hình tượng ; giá trị của hình tượng đây là kêu gọi sự sống ; hình tượng chất lọc từ sự sống, trả về cuộc sống để tự nhân lên nhờ sự đồng cảm giữa những con người, hình tượng là tín hiệu của sự đồng cảm ấy. Tạo ra được càng nhiều tín hiệu thì sức đồng cảm càng lớn, thì "trong một người sống muôn người".

Nghệ thuật là niềm vui lớn nhất... Miễn là nghệ thuật gắn bó với cuộc sống, với con người, với vận mệnh của loài người : Cũng vì vậy mà thường thức nghệ thuật không thể thụ động được. Hưởng thụ nghệ thuật là một hoạt động trí tuệ và tình cảm qua đó mỗi lúc con người lại làm lại cái tổng thể loài người nơi bản thân mình ; cho nên trong nguồn gốc và trong bản chất nghệ thuật là một hoạt động tập thể. Ra đời giữa tập thể, sống về tập thể, nghệ thuật chỉ có thể cao lên, giàu lên với ý thức tập thể trở thành máu thịt.

Cách đây mười mấy năm, ở Liên Xô đã có một cuộc tranh luận : "Khoa học ngày càng tiến lên, và ngày càng đạt được những thành công kỳ diệu đem lại cả những điều vượt quá ước mơ cũ của loài người thì thơ có còn không ?". Thanh niên Liên Xô đã thảo luận sôi nổi, giới văn nghệ Liên Xô đã lao vào trận để bảo vệ vận mệnh của nghệ thuật, của thơ ca. Cuộc thảo luận đã thật là lý thú và càng khẳng định sự cần thiết của nghệ thuật. Đi vào Vũ Trụ con người vẫn là con người với khối óc và trái tim, với tâm hồn và vẫn cần một cành hoa li-la. Khoa học đâu có

mâu thuẫn với văn nghệ ! Chức năng của khoa học không thay thế chức năng của nghệ thuật được. Hơn thế nữa, khoa học càng tiến, kỹ thuật càng tinh vi, càng đòi hỏi sự phân công chi ly, giao cho mỗi con người chỉ làm một chi tiết hay một số chi tiết rất chuyên môn trong sản xuất xã hội, thì con người lại càng cần, và càng đòi hỏi sự đồng cảm nhiều hơn, càng đòi hỏi trở về với tập thể nhân loại nhiều hơn. Khoa học kỹ thuật ngày càng tiến thì nghệ thuật càng cần thiết, càng cấp bách, càng tất yếu. Bởi vì tất yếu phải giữ đầy đủ cái lượng đồng cảm giữa tập thể loài người. "Nghệ thuật là niềm vui lớn nhất mà con người có thể tự tạo cho mình". Hôm nay tôi mới khêu gợi vài ba ý xung quanh ý lớn của Mác, chưa phải là khai thác hết tư tưởng độc đáo này của Mác. Chúng ta còn phải trở lại ý này mỗi lần chúng ta đụng đến vấn đề chức năng và lao động nghệ thuật.

VĂN CHUƠNG LÀ TIẾNG CHIM GỌI ĐÀN

Văn chương là tiếng chim gọi đàn. Các cụ xưa, cha ông xưa đã thấy sâu sắc chức năng của nghệ thuật qua câu nói trên mà tôi được đọc từ hồi nhỏ trong một bài luận về văn chương của Phan Kế Bính (Phan Kế Bính trích dẫn lời của người xưa). Tiếng chim gọi đàn... Đúng rồi. Văn chương nảy sinh ra giữa tập thể, giữa đàn, giữa xã hội loài người. Và tiếng nói ấy là để gọi nhau, gọi đàn, để tập hợp lực lượng, nhất là những khi phải

vượt qua gió bão. Và phải là tiếng chim, tiếng hay như thế nào thì mới gọi đàn được. Và phải nhận thức ra điều gì mới cần gọi đàn, mới có thể gọi đàn.

Xem thế mới biết cha ông chúng ta chưa bao giờ xem văn chương là một chuyện phù phiếm, "mua vui". Không ! Văn chương đối với các cụ xưa là một câu chuyện nghiêm trang, một "phép xử thế".

Chúng ta ngày nay có dịp tiếp xúc với nhiều lý luận văn nghệ của các nước xã hội chủ nghĩa, của cả phương Tây, điều ấy rất bổ ích cho việc nghiên cứu, tìm tòi của chúng ta. Nhưng thiết tưởng cũng cần tìm hiểu thêm những suy nghĩ, những tổng kết của cha ông về văn học, nghệ thuật. Chả lẽ bụt nhà thì cứ phải kém thiêng !

THƠ CA DI DƯỞNG TÌNH THẦN

Các cụ ta ngày xưa thường nói "thơ ca di dưỡng tinh thần". Đúng lắm ! Di dưỡng, nuôi tâm thần người ta, không chỉ là đem lại cho ta những nhận thức đúng về con người, xã hội, về thế thái nhân tình, về thiên nhiên nhiên tạo vật ; và cũng không chỉ giúp ta những ý đúng, những ý nghĩ độ lượng về cuộc sống, về con người ; và cũng không chỉ gọi cho ta cái đẹp, cho ta thưởng thức cái đẹp. Tất cả những điều đó đều là hiệu quả của thơ ca. Nhưng bao trùm các điều đó, hay đúng hơn là mạch ngầm

trong các điều đó là một trạng thái tâm thần, hơn thế nữa, một trạng thái tâm thần và cơ thể cởi mở, thư thái mà sôi nổi, hào hứng mà lắng trong, một trạng thái toàn diện trong đó ý và tình đều như đang sinh ra, đang nhú lên, tình đang động thành ý, ý còn mang tất cả các rung động của tình, một trạng thái tinh khôi, sáng tạo. Tâm thần được nuôi nhiều bằng những trạng thái ấy. Đúng là một chất di dưỡng, cho tâm hồn. Có cái gì giống như là trái đang chín cây, chứ không phải chín dứa. Trạng thái đang chín đó đã truyền từ tâm hồn người làm thơ, qua cơ thể bài thơ, câu thơ. Bởi vì một bài thơ hay là một cơ thể sống trong đó ý và tình, cảm giác và cảm tưởng chữ và nhịp, hình tượng và nhạc điệu, tất cả đều tồn tại trong một thể thống nhất gây thành một xúc động thống nhất, toàn diện. Tóm lại là một hiện tượng của sự sống, không phải là một sơ đồ. Hiện tượng ấy là một hiện tượng cởi mở, đón chờ, đang chín, thuận cho mọi sự thai nghén, tự thành.

Cho nên có những điều kỳ lạ, tưởng như mâu thuẫn, lúc nhà thơ đang làm thơ và lúc độc giả đang đọc thơ, đang hưởng thơ. Ví dụ : làm hoặc đọc một bài thơ về đau khổ, về nỗi dằn vặt của tâm hồn, hay nung cháy tâm can. Theo lý luận thông thường thì lúc đó nhà thơ hay người đọc thơ phải ở trạng thái đau khổ, dằn vặt. Nhưng không ! Nhà thơ làm thơ về đau khổ trong một trạng thái tâm hồn hào hứng, trong một trạng thái trái đang chín cây. Người đọc thơ được di dưỡng tinh thần với trạng thái ấy, mặc dù người làm thơ có thể mang nỗi đau trong đáy tâm hồn mình.

RUNG ĐỘNG THƠ

Rung động làm ra thơ, làm thơ, làm ra nghệ thuật, cũng cùng một loại với rung động của tình yêu. Bắt đầu yêu là một nỗi niềm xao động ; bắt đầu của một tứ thơ cũng là một nỗi niềm. mà tôi muốn gọi đó là nỗi - niềm - tinh - vân. Bắt đầu chưa có câu, chưa có lời, thậm chí chưa có tứ cụ thể. Câu sẽ đến sau, lời lẽ đến sau. Nhưng trước hết là một nỗi niềm ùn ùn giữa ngực, rao rục tâm hồn. Bắt đầu là tinh vân ; tinh vân đọng lại mới hình thành mặt trời, mặt trăng và các hành tinh... Từng câu, từng lời cũng như những hành tinh mặt trời, mặt trăng đọng lại từ tinh vân nguyên thủy.

Thường thức thơ là phải biết sống lại quá trình ấy, quá trình từ nỗi - niềm - tinh - vân đọng lại dần thành từng ý, từng lời, từng câu, từng chữ. Biết sống lại quá trình tác tạo ra một bài thơ là "hiểu", là xúc động thơ từ bên trong một cách biện chứng. Cho nên người thường thức thơ ít nhiều cũng có hồn thơ là như vậy.

Nói nỗi - niềm - tinh - vân, có phải là huyền bí hoá rung cảm thơ, của người làm nghệ thuật không ? Thực ra không có gì là huyền bí vì nỗi - niềm - tinh - vân ấy cũng là do một quá trình tích lũy lâu dài của người làm thơ, của người làm nghệ thuật mà có được : tích lũy vốn sống và cuộc sống, tích lũy hình tượng nó là tín hiệu sống, giữa vạn vật và cuộc đời với tâm hồn thi sĩ và nghệ sĩ. Tích lũy càng giàu, càng nặng thì nỗi - niềm - tinh - vân càng phong phú, càng thiên biến vạn hoá, và xúc động thơ, xúc động nghệ thuật càng muôn vẻ muôn màu, bồi hồi sự sống. Hiểu được như vậy sẽ giúp chúng ta giảng dạy văn học đi vào bề sâu của tâm hồn, và bề sâu của tác phẩm.

VAI TRÒ CỦA TRẠNG TỪ TRONG CÂU

Trong câu thơ, mỗi chữ, mỗi tiếng không chỉ mang lại cái nghĩa nguyên sơ của nó, cái nghĩa định trong từ điển của nó, mà nó thấm nhuần cái sức xúc cảm của chữ bên cạnh, của chữ láng giềng ; chữ trước nó và chữ sau nó để toả diện vào nó, biến nó thành một nghĩa mới, mang xúc cảm mới. Đây không phải là vấn đề hình thức mà thôi. Sở dĩ có hiện tượng truyền diện như vậy là vì có một luồng điện, tức là ý thơ, hồn thơ nó chạy suốt qua các câu thơ.

Vì vậy trong một câu thơ có một độ tối ưu để sắp xếp các chữ, các ý. Nếu tham nhét nhiều thứ quá, nhiều tính từ quá, nhiều ý quá vào một câu thơ thì ta tăng điện trở, tăng chướng ngại vật, luồng thơ không qua được. Cũng vì vậy mà trạng từ có vai trò đặc biệt, trạng từ có sức dẫn điện cao. Vì sao ? Phải chăng trạng từ nói lên dáng dấp của sự vật, dáng dấp của tâm hồn. Mà cái dáng dấp ấy linh hoạt lắm. Khéo dùng trạng từ thì câu thơ dễ truyền đạt cho ta trạng thái tâm hồn thông qua trạng thái sự vật.

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng, nửa xanh.*

Nao nao, sè sè, rầu rầu, vẽ lên dáng dấp rất khó tả của buổi chiều thanh minh và nàng Kiều lần đầu tiên gặp bóng dáng của số mệnh.

*Động phòng diu dật chén môi,
Bóng khuâng duyên mới, ngáp ngủi tình xưa.*

Hai tiếng bâng khuâng, ngậm ngùi có thể là tính từ, nhưng thực chất là trạng từ. Nếu tính từ thì cũng đã trạng từ hoá. Dáng đáp của tâm hồn chàng Kim nhớ mỗi tình đầu với nàng Kiều trong buổi sum vầy trở lại, "tình nhân lại gặp tình nhân", chỉ cần ba trạng từ là nói được đầy đủ.

Dáng đáp của một hồn ma cũng vẽ được dễ dàng :

*Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng lãng đãng như gấm như xa.*

Trạng từ thật là chiếm ưu thế để mô tả dáng đáp sự vật và tâm hồn, đến nỗi trong câu thơ Việt có xu hướng trạng từ hoá tính từ :

*Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Nhân đây có một nhận xét : Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du rất tiết kiệm dùng tính từ ; không phải là không dùng, nhưng dùng rất dè dặt, rất cẩn thận, rất tiết kiệm. Trái lại trạng từ lại được dùng nhiều. Cũng có khi đáng dùng một tính từ thì Nguyễn Du mô tả dưới dạng động của sự vật. Ví dụ :

Sương in mặt, tuyết pha thân

để nói cái mù trắng thực thực hư hư của hồn ma Đạm Tiên.

Làn thu thủy, nét xuân sơn

cũng theo một bút pháp ấy.

Nhớ câu ca dao :

*Mưa lâm thâm tốt đầm lú họ,
Em thương một người có mẹ không cha...*

Trạng từ làm thâm thắm vào tâm trạng chúng ta còn hơn là mưa.

Dáng dấp của sự vật, tâm hồn... Cho nên dùng trạng từ rất khó. Nhưng dùng đúng thì hiệu quả xúc cảm vô cùng lớn lao.

KHÔNG GIAN VÀ THỜI GIAN TRONG MỘT CÂU THƠ

Không gian và thời gian là hai bề của sự vật, là kích thước của sự sống. Nghệ thuật biểu hiện sự sống, tái hiện sự sống làm sao mà không dựng cái khung không gian và thời gian lên được, để chứa đựng sự vật, để cho sự vật có chỗ sống, sinh sôi nảy nở. Cho nên nói cho cùng, câu thơ nào (đáng gọi là thơ) cũng chứa đựng không gian và thời gian. Có câu chỉ gọi không gian, có câu chỉ gọi thời gian, và có những câu trong đó không gian và thời gian bát ngát. Những câu thơ thoáng gió, những câu thơ mở rộng cửa tâm hồn.

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì ta lấy được nàng
Thì ta mua gạch Bát Tràng về xây
Xây dọc rồi lại xây ngang
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.*

Không gian bát ngát và màu sắc tươi vui : có chút thời gian gọi lên trong tâm tưởng : "Ước gì ta lấy được nàng"... Thời gian

của niềm mong ước, kín đáo cháy trời, thêm bề sâu cho bầu trời kia và cho hồ bán nguyệt no.

*Có thương nhau thì thương nhau cho chắc
Bằng trực trặc thì trực trặc cho luôn
Đường làm chi như con thỏ đầu truông
Khi vui dớn bóng, khi buồn dớn trăng*

Không gian thì đã rõ ràng. Còn thời gian ? Ấy là khi vui, khi buồn. "Khi vui dớn bóng, khi buồn dớn trăng". Thời gian mà lại mình hoá bằng không gian ; thời gian trập trùng, thấp thoáng nơi bóng với trăng, và thấp thoáng trập trùng trong tâm tưởng nữa. Câu thơ trở nên vô cùng khoáng đạt. Con thỏ đầu truông tưởng như nháy múa thênh thang trong cả khoảng trời mệnh mông tràn ngập ánh trăng. Và vì vậy mà nỗi buồn của người tình trong câu ca dao mới thật là vơi vợi, vừa trong vừa lạnh, đau buốt vô cùng.

*Nửa năm hương lửa đang nồng,
Trượng phu thoát dã động lòng bốn phương.*

Thời gian và không gian trong câu *Kiểu* này thật say đắm và hào hùng như mối tình và khí phách của Từ Hải.

*Tiếng hát trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cánh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

Trong bốn câu thơ trên đây của Hồ Chủ tịch, không gian và thời gian trùng trùng điệp điệp, lồng vào nhau, và vì thế sự "lo nỗi nước nhà" canh cánh bên lòng tác giả và độc giả.

Động phòng đìu dật chén mới

Bảng khung duyên mới, ngắm ngời tình xưa.

Không gian gợi qua, nhưng thời gian mới thật là sống, thời gian của duyên mới tình xưa, cái bất ngát đó lấy gì mà đo được ! Tình cảm được vun tưới bằng một thời gian mà mạch dào như suối, không sao tắt được. Không gian và thời gian trong câu thơ, trong một bài thơ và nói chung trong một tác phẩm nghệ thuật vừa là máu thịt, vừa là cái áo của tác phẩm. Khéo gợi không gian và thời gian thì tứ thơ, tứ nghệ thuật có chỗ thở, có mạch sống. Không biết gợi thì ngột thở, chết héo, tàn lụi cả hồn thơ.

HAI CỰC CỦA THƠ

Con người sống trong vũ trụ và sống trong xã hội. Sống với vũ trụ và sống với xã hội. Một thành viên của vũ trụ và một thành viên của loài người. Mỗi con người trong bản thân mình sống cả quy luật của vũ trụ và quy luật của loài người. Hai cực của cuộc sống, hai cực của tư tưởng ; hai cực của nghệ thuật, của thơ.

Sáng được quy luật của xã hội giúp ta sáng thêm quy luật của vũ trụ : điều này dần dà ta hiểu sâu hơn.

Nhưng đừng quên bổ sung điều quan trọng này : sáng được quy luật của vũ trụ cũng như giúp ta sáng rõ thêm quy luật của loài người. Duy vật lịch sử làm sao mà không liên quan đến duy vật biện chứng được ?

Cảm quan về vũ trụ và cảm quan về xã hội là hai cánh của thơ, không thể bay bằng một cánh.

Sống đúng trong xã hội, ta không còn cảm thấy cô đơn trong vũ trụ bao la. Khi thực hiện được cái tập thể loài người trong ta, thì ta có chỗ đứng của ta trong bầu trời, không còn choáng ngợp, không còn run chân. Nhưng vẫn còn (và nên còn) cái cảm giác lỏng lẻo cái vô cùng của sự sống ở chật cả không gian và thời gian.

Cảm quan về vũ trụ và cảm quan về sự sống và cuộc sống duyên quện vào làm một. Thơ là cái này, là cái nọ, nhưng chắc chắn thơ cũng là ánh chớp, là sự sáng bùng của cảm quan toàn diện ấy.

*Gió đưa hoa cải về trời,
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay.*

Nhớ lại tuổi nhỏ ở quê nhà, những buổi chiều sơn cước, nhớ vườn cải với những con ong làm cho hoa bay trong trời xanh.

Cảm giác vũ trụ rung rung nơi những cánh hoa vàng lấm lấm quện với cảm thụ cay đắng về cuộc đời... "Rau răm ở lại chịu đời đắng cay" .

TRÍ NHỚ TRONG SÁNG TẠO VĂN HỌC

Trí nhớ cũng cần cho sáng tạo văn học, vì trí nhớ là tích lũy, tích lũy vốn sống, chất liệu của nghệ thuật, của thơ văn. Phải trau dồi trí nhớ. Sổ ghi chép là cần thiết, nhưng không đủ,

nếu không có trí nhớ làm gốc. Phân tích đến cùng, nghệ thuật dựa trên trí nhớ của con người hương thụ (độc giả, khán giả). Có hai loại trí nhớ dành cho văn học, hay đúng hơn là hai cách nhớ : một là nhớ các sự việc, chi tiết các sự việc, có khi cả chi tiết tỳ mỷ, màu sắc, đường nét. Gần như một thứ trí – nhớ – chụp – ảnh, nhưng bên cạnh loại trí nhớ đó, còn cách nhớ trong trạng thái tâm hồn của chính bản thân tác giả lúc sự việc (mà ta ghi chép vào sổ tay) đang xảy ra. Nhớ nổi niềm xao động trong lòng tác giả, nhớ trạng thái tâm hồn, nhớ những xúc động trong lòng tác giả. Có khi không cần ghi chép, và không ghi chép được, nhưng mà sống mãnh liệt, sâu sắc xúc động, trạng thái ấy. Có lẽ, cách nhớ thứ nhất cần nhiều cho người viết tiểu thuyết, và cách nhớ sau cần cho người làm thơ nhiều hơn. Thật ra, nhà tiểu thuyết cũng cần nhớ những trạng thái tâm hồn. Còn lúc làm bài thơ là lúc phải sống lại đầy đủ xúc động của tâm hồn. Nghĩa là vận dụng một thứ trí nhớ nóng, không đẹp như những lá ướp khô làm tiêu bản cho nhà thảo mộc học.

Cũng vì một lẽ tương tự mà chỉ có thể làm thơ tình yêu vào lúc đang yêu, kể cả lúc làm thơ hoài niệm về tình yêu, vì lúc hoài niệm là còn yêu, là yêu nuôi, là ngọn lửa tình yêu bùng dậy một lần nữa, có thể để rồi tắt ngóm. Khó tưởng tượng, một nhà thơ làm thơ tình yêu bằng cách mờ các "ký hoa" về tình cảm mà nhà thơ đã ghép được trước đây, mà bây giờ sắp xếp lại, bố cục lại. Làm thơ anh hùng ca có chỗ khác. Nhưng cũng vận dụng cả trí nóng, trí nhớ sống. Nhưng trạng thái xúc động tâm hồn, thì thơ anh hùng ca mới có khí, mới liền mạch, mới xúc động được lòng người. Rèn luyện trí nhớ, nói cho cùng là tích lũy vốn sống một cách cẩn mẫn, làm quá khứ luôn luôn sống trong cơ thể, trong tâm hồn.

SỰ ĐẦU THAI CỦA MỘT TỬ THƠ

Sự đầu thai của một tử thơ vào một thể loại thơ, vào những hình tượng thích ứng, đó là một quá trình hào hứng và rộn rục, có khi dần vật. Một quá trình có quy luật của nó. Không phải tử thơ nào cũng có thể khuôn vào bất cứ hình thức thể loại nào. Trong đời làm thơ của tôi, có mấy lần tôi phải thay áo cho thơ, phải đổi thể loại thì tử thơ mới bật ra được.

Ví dụ : Bài *Đẹp xưa* trong tập *Lửa thiêng* lúc đầu làm theo thể Đường luật :

*Ngập ngừng mép núi đường quanh co
Quán đứng trơ vờ ngọn lá đưa.
Gió hút về ngàn vì vút mãi
Đạt sườn thung lũng hàng lau thưa .*

Đọc nhăm mãi, thấy còn nhẹ quá, có cái gì hẫng, không đạt được cái đẹp xưa trong cảnh sắc tâm hồn và tạo vật. Ý thì không có gì thay đổi nhưng điệu thơ, âm hưởng của câu thơ thì thứ phổ lục bát xem sao :

*Ngập ngừng mép núi quanh co,
Lưng đeo quán đứng, mịt mù mái ngang
Vi vu gió hút néo vàng
Một trời thu rộng, mấy hàng mây nao.
Đình cồng nghé ngựa non cao,
Đậm xa lữ thứ kẻ nào héo hon...*

*Đi rồi khuất ngựa sau non,
Nhỏ thua tràng đục, tiếng còn tịch liêu
Trơ vờ buồn lọt quán chiều,
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người.*

Rõ ràng là trong trường hợp này, lần đầu thai sau đúng chỗ hơn : bài lục bát thơ động hơn bài Đường luật.

Bài *Tràng giang*, trái lại, lúc sơ khai lại muốn là một bài lục bát và tên nguyên thủy của nó là *Chiều trên sông*. Nhưng cái nhịp điệu Đường luật đến ám ảnh ngay sự xúc động của tác giả và đặc biệt cái *Nhịp láy* của sóng nước, của thuyền nan đã đầu thai ngay thành *nhịp láy* của ngôn ngữ.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song*

Và cái xao động của cảnh chiều, của sông nước nhập thành cái xao động của cuộc đời. Bài thơ tưởng là tả cảnh, thật sự là tả tâm hồn, mang ý nghĩa tượng trưng rất tự nhiên, bằng cái lô gích bên trong của nó :

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả,
Củi một cành khô lạc mấy dòng.*

*Lơ thơ cồn nhỏ lá đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng bến cô liêu*

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang,
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Xác và hồn, hồn và xác của một bài thơ quyện nhuyễn vào nhau làm một. Khi ta đụng vào xác, sửa đổi một tý trong xác làm ảnh hưởng đến hồn của bài thơ, ấy là một dấu hiệu của thành công. Còn như thay đổi vần điệu, câu chữ, thậm chí thay đổi cả thể loại mà cảm thấy hồn thơ, tứ thơ không bị ảnh hưởng gì, thì đó là một điều đáng lo.

Nội dung quyết định hình thức, có nghĩa là phải tìm cho ra hình thức thích đáng để cho nội dung đầu thai thành máu thịt của tác phẩm, chứ không có nghĩa xem nhẹ sự sáng tạo hình thức. Không có hình thức đẹp thì lấy chỗ đâu cho nội dung đẹp tồn tại ! Xin nhớ rằng nội dung của tác phẩm nghệ thuật không chỉ là ý, mà là cả một tổng thể xúc động của tác phẩm.

DẠY TIẾNG MẸ ĐỂ CHO CON EM CHÚNG TA

Dạy cho thiếu nhi về tiếng mẹ đẻ bằng văn thơ là phương pháp có hiệu quả. Nhưng bãng thứ văn thơ nào ? Đôi khi người ta cứ bắt các cháu học những bài gọi là "Thơ cho thiếu nhi". Tất nhiên thơ cho thiếu nhi cũng có những bài hay, có hình tượng gợi cảm, có nhạc điệu, có hồn thơ. Nhưng một số bài mà tôi thấy thường dùng để dạy các cháu là một thứ "văn chương" bi bi bô bô, vờ làm điệu trẻ con, thực chất là nhai tính hồn nhiên trong sáng của chúng. Nhân danh giáo dục, mấy bài đó thường nhồi nhét cho các em những điều giáo huấn khô khan, không thông qua hình tượng, không thông qua cảm xúc, tóm lại bắt trẻ con học những bài văn vắn giáo huấn chủ nghĩa. Chính cái lối dạy tiếng mẹ đẻ, dạy văn cho tuổi non măng như thế làm các cháu mất hứng thú học văn, thậm chí làm cho chúng ngán. Tôi thấy rất cần dạy đạo đức, luân lý cho các em. Cần lắm. Nhưng đã dạy đạo đức qua văn thơ thì phải là văn thơ hay. Văn thơ hay mới làm rung động tâm hồn cần thiết cho mọi ý nghĩ tốt, hành động tốt.

Phải biết trích, biết chọn những bài văn, bài thơ hay của các tác giả hay ; khéo chọn thì vẫn có đủ văn thơ hay cho các lứa tuổi học.

Giáo dục những ý tốt, giáo dục những điều tốt qua cái đẹp. Cái đẹp có thể ví như cái thuyền chờ cái tốt, cái đúng. Văn thơ mà không đẹp thì không có sức thuyết phục, không dẫn diện, không kích thích tâm hồn nảy nở cái tốt. Cần sức thuyết phục của cái đẹp để tăng sức thuyết phục của cái đúng. Đừng quên

điều đó. Chính vậy mà chức năng giáo dục và chức năng thẩm mỹ của văn nghệ gắn quện vào nhau. Cái đẹp không chỉ biểu hiện cái đúng, cái tốt mà còn giúp khám phá cái đúng cái tốt.

Trong đầm gì đẹp bằng sen...

Chúng ta ai mà không thuộc bài ca dao đó, không chỉ thuộc chữ, thuộc lời mà thuộc cả âm thanh, nhịp điệu và cả trạng thái tâm hồn trong trẻo mà bài thơ gây cho ta. Giáo dục bằng thơ là như thế, xây dựng tâm hồn trẻ bằng thơ văn của dân tộc là như thế.

CON, CÂY, CỤC, CÁI

Đã có người bàn luận, phân tích khá sâu sắc về loại từ này rồi, trong một tác phẩm nghiên cứu về Việt ngữ. Cần nói thêm vào sự phân tích ngôn ngữ ấy mấy điều sau đây. Cha ông ta đã dám gọi người là *con* người, nghĩa là đặt vào loài động vật, đặt người vào vị trí giữa muôn con khác nhau... Con bò, con ngựa, con người, không phải *thánh* người, đức người nào cả.

Nhưng mặt khác cha ông lại dành riêng từ *cái* để chỉ những sản phẩm của lao động con người. Cũng là đá nhưng lúc còn là đá chưa có tác động của lao động vào thì gọi là *cục* đá ; nhưng đã đẽo đục thành cối thì gọi là *cái* cối đá. Cũng là đất nhưng đã thành nôi do lao động thì gọi là *cái* nôi đất. *Cục* sắt, *cục* thép lúc đã đúc thành búa, thành liềm thì gọi là *cái* búa, là *cái* liềm. Sự phân biệt này trong nhiều ngôn ngữ các nước không có, hoặc không tinh tế như thế.

Con người cũng là con vật nên gọi chính xác là *con* không có từ thân bí nào khác. Nhưng con người có đặc điểm lớn, cơ bản, đặc điểm quyết định người làm người là *lao động*, nên phải nhấn mạnh điều ấy bằng từ *cái*. Đó chẳng phải là trân trọng hết mực đối với người lao động, đối với con người ư ? Thân của ngôn ngữ là như vậy. Trong ngôn ngữ có ẩn náu tư tưởng triết học của cha ông, thế giới quan và nhân sinh quan của cha ông. Có khi tư tưởng còn sơ khai, nhưng mà sâu sắc, như trong ví dụ ta vừa nêu ra, ai dám bảo đó không phải là tư tưởng *duy vật và biện chứng* ? Cảm thấy đặc điểm của con người là lao động, và trân trọng sản phẩm của lao động, tư tưởng (ẩn náu) ấy sâu lắm chứ, và hiện đại lắm chứ. Điều mà ngày nay chủ nghĩa Mác phân tích cho ta một cách khoa học, rạch ròi thì cha ông ta đã cảm thấy từ khi mới đặt ra tiếng nói cho giống nòi. Nếu ta công phu và trân trọng nghiên cứu kỹ tiếng Việt chắc chúng ta sẽ phát hiện được nhiều điều lý thú về nhân sinh quan của dân tộc từ nghìn xưa. Lãng hơi thở của cha ông trong tiếng nói là gõ lại chuông vàng của quá khứ. Bao âm hưởng sâu xa sẽ vang dội làm thêm phong phú tâm hồn thời đại chúng ta.

VỪA LẠ VỪA QUEN

Một bài thơ hay, một tác phẩm nghệ thuật đạt thường cho ta một ấn tượng phong phú là vừa lạ, vừa quen. Ấn tượng lạ đến mức có khi làm ta giật mình, sững sốt ; ấn tượng quen làm ta yên tâm như gặp người thân, bè bạn.

*Gặp nhau vừa lạ vừa quen,
Lạ nhìn càng lạ, bên duyên thuở nào.*

Ấn tượng lạ là khía cạnh mới trong sự vật, trong tình cảm con người mà nhà thơ hay người nghệ sĩ mới khám phá cho ta ; cái lạ cũng là cách nhìn mới của tác giả rọi vào sự vật. Khía cạnh mới khám phá, cách nhìn mới... đều là những yếu tố làm nên tính độc đáo của bài thơ, của tác phẩm nghệ thuật. Nhưng cái gì là quen, là thân thuộc với tâm hồn chúng ta ? Phải chăng đó là cái vốn người sâu thẳm, vốn chất chứa trong ta mà tác phẩm biết gợi khơi, biết đánh thức dậy qua rung cảm độc đáo của nhà thơ. Một bài thơ có thể rất trôi chảy, chái chuốt, mượt mà nữa, nhưng nếu hình tượng dùng đã mòn, chữ lời sáo thì làm sao xui ra ngạc nhiên được ! Hình tượng mòn, lời chữ sáo không cho ta một cảm giác quen thuộc mà lại cho ta một ấn tượng khó sờ là ấn tượng nhàm.

Trái lại câu lục bát của Nguyễn Du :

*Có non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Thì tươi mãi mãi như màu cỏ non, và phơi phới như hoa lê điểm trắng đầu cành. Gây cho ta ấn tượng ngạc nhiên, mới lạ có khi bằng sự giản dị, trong trẻo của lời thơ, của nét nghệ thuật, Không nên lẫn lộn sự độc đáo, mới lạ với sự kỳ khu, rắc rối.

XÚC CẢM BAN ĐẦU VÀ TÁC PHẨM THỰC HIỆN

Có những nghệ sĩ luôn luôn tâm sự và phàn nàn : "tác phẩm hoàn thành thua xa phác thảo trong tâm trí tôi". Nếu là nhà thơ thì giọng chua chát : "bài thơ làm xong kém thua xa tứ thơ, ý thơ ban đầu". Có thật như vậy không ? Có thật tác phẩm nghệ thuật được làm ra cứ luôn luôn như côi trần bị sa sút đi so với thượng giới, một thiên đường tương tương ? Tất nhiên có những lần bài thơ làm ra không đạt được tứ thơ. Ngôn từ chưa tìm ra chính xác, sự xúc động mới không dễ dàng khuôn vào những chữ, không lời có sẵn, tất nhiên, có nhiều lần như vậy. Nhưng nếu là nghệ sĩ, nhà thơ thành thực, đừng làm điệu, đừng cao đạo thì nhà nghệ sĩ và nhà thơ cũng phải nhận rằng cũng có nhiều lần tác phẩm thực hiện đẹp hơn ý niệm ban đầu. Bài thơ viết xong hay hơn tứ thơ, ý thơ nguyên thủy. Bởi vì tứ thơ, ý thơ chỉ là một nổi niềm bàng bạc ; trong quá trình tìm vẩn, lựa chữ, tìm hình tượng cho tứ thơ đầu thai, ta mới sáng tạo thêm, mới làm giàu cái tứ cái ý ban đầu. Mà trên đường sáng tạo, gặp khó khăn cũng có, nhưng gặp may có nhiều. Gặp may hay nói đúng hơn là mình tự gặp mình trong sự tình cờ của hình ảnh, của nhạc điệu, tiết tấu, của màu sắc. Tôi quen một họa sĩ sáng tác tranh sơn mài. Anh tâm sự với tôi : Sáng tác vừa chủ động, vừa bị động. Vấn đề là cố gắng chủ động trong khi bị động. Đặc biệt là tranh sơn mài thì phần bị động khá nhiều. Anh vẽ sơn lên gỗ, lên vóc, anh ứ, rồi anh mài. Lúc mài mới công phu và thú vị. Màu sắc, hình dáng hiện lên không nhất thiết đúng như anh dự định, có khi xấu hơn ý anh, và có khi đẹp một cách bất ngờ

ngoài ý định của anh. Đó là anh bị động với chất liệu, bị động một cách thú vị. Anh phải biết chấp nhận mọi cái tình cờ đẹp đẽ, và chụp lấy nó : chụp lấy nó cho hợp với cái thế giới xúc động của anh. Nét này, màu này đẹp hơn ý định của anh. Có thể cả bức tranh đẹp hơn tứ hoạ ban đầu của anh". Anh bạn hoạ sĩ phân tích đúng dẫn qua sự sáng tạo của lao động nghệ thuật. Chỉ có lăn vào sáng tạo, thực hiện tác phẩm thì cái đẹp mới bật ra, có khi đẹp hơn cái ý mơ hồ ban đầu. Nhưng khốn nỗi, vì cái ý, cái tứ ban đầu mơ hồ bằng bạc nên ta cứ tưởng là nó đẹp lắm ! Người yêu trong chiêm bao đã chắc gì đẹp hơn người yêu máu thịt ta gặp trong đời, ta đã tạo ra trong đời. Có phải không nhà thơ và nghệ sĩ ?

ĐI BẢY BƯỚC LÀM XONG MỘT CÂU THƠ

Giai thoại văn học kể rằng một nhà thơ lỗi lạc thời xưa cứ đi bảy bước làm xong một câu thơ. Tôi thích giai thoại ấy, không phải vì choáng ngợp bởi tài ứng khẩu, tài làm thơ nhanh của nhà thơ. Làm nhanh hay làm chậm không nói lên điều gì về cái hay hoặc cái dở của một nhà thơ. Cũng có bài làm nhanh nhưng mà hay, cũng có bài làm nhanh mà không có một tý hồn thơ. Chậm cũng vậy, không có tý lệ thuận, tý lệ nghịch ở chỗ này. Nhưng tôi thích giai thoại bảy bước một câu thơ ở chỗ nào ? Ở chỗ thơ dính với bước, với bước đi. Thơ dính với vận động. Thơ là một

sự phấn khởi của tâm hồn, của cả con người, của cái tổng thể tâm hồn và thể xác hoà vào làm một. Tâm hồn phấn khởi là tâm hồn đang vận động. Thơ cũng như nghệ thuật khác là sáng tạo. Sáng tạo là hành động. Một trạng thái tâm hồn hoàn toàn yên tĩnh thì không sáng tạo ra gì cả. Hoàn toàn yên tĩnh là ở "điểm chết", là vô vị. Bày bước một câu thơ : "Dậy mà đi", hồn thơ mới đến được. Giai thoại là rất hiện thực.

CHỮ VÀ TIẾNG NÓI ĐỐI VỚI NHÀ THƠ

Chữ, tiếng đối với nhà thơ không phải chỉ là nghĩa, là tín hiệu, mà là một cái gì máu thịt dính liền với sự vật, đại diện cho sự vật, hình dáng của sự vật, nó quyện vào đời sống bên trong của nhà thơ. Nếu tiếng, chữ chỉ là tín hiệu thì nó chỉ là vai trò phiên dịch, phiên dịch sự vật thành khái niệm, thành nghĩa trong ý thức của con người. Đằng này đối với nhà thơ, chữ, tiếng không là bản thân sự vật, thì cũng là *hình ảnh máu thịt* của sự vật, đại diện của sự vật để giúp nhà thơ không phải phiên dịch sự vật, mà là cố gắng truyền đạt *nguyên bản*⁽¹⁾ của sự vật, của cuộc sống, của dáng dấp và máu thịt cuộc đời. Trong chữ,

(1) "Truyền đạt *nguyên bản*" là một cách nói, bởi vì nghệ thuật vẫn là phản ánh cuộc sống. Nhưng phản ánh bằng cảm xúc khác xa phản ánh bằng khái niệm.

tiếng của thơ, có cả hình ảnh máu thịt của sự vật và hình ảnh máu thịt của nhà thơ. Tiếng, chữ đối với nhà thơ là một tổng thể gồm có nghĩa (nghĩa là cái câu quan trọng, nhưng không chỉ có nghĩa), có dáng dấp âm thanh của sự vật qua cơ thể âm hưởng, v.v. Có thể nói : "Tiếng, chữ trong thơ là *máu của máu, thịt của thịt* của sự vật". Có như vậy thơ mới có sức thơ, sức đốt cháy tâm hồn, to thêm lửa sống. Cho nên tu dưỡng ngôn từ để làm ra thơ phải gắn liền tu dưỡng xúc cảm trước cuộc sống, trước cuộc đời để cho máu thịt của cuộc đời nhuộm thành máu thịt của ngôn ngữ. Làm thơ, đúng nghĩa cao cả cũng là nhập thế, nhập cuộc là vậy.

CẢM THÔNG VỚI VŨ TRỤ

Con người cảm thông với vũ trụ không chỉ bằng trí tuệ, không chỉ bằng tâm hồn. Cảm thông với vũ trụ bằng cơ thể, thân thể nữa. Có thể nào khác được ! Sự rung động vũ trụ của những tế bào trong cơ thể, ta chưa đo được, chưa nghĩ đến chuyện đo lường ; nhưng chắc chắn những rung động tinh vi ấy phải là một luồng, một làn sóng vô hồi vô hạn vô vào bờ vũ trụ và vào hồn ta. Sự nhạy cảm của cơ thể với nhịp tuần hoàn trong vũ trụ cũng là một chỉ số về sự khoẻ khoắn của cơ thể và của tâm hồn, một mức sống cần thiết của con người để giữ cân bằng giữa cơ thể nhỏ của bản thân ta và cơ thể lớn là toàn bộ thiên nhiên, trời đất. Nhà bác học Anh-xtanh (Einstein) thốt ra : "Tôi chỉ là một hạt bụi trong thiên nhiên", nhưng lần khác lại nói :

"Tôi cảm thấy vũ trụ đẹp quá, đẹp như một bản phổ nhạc hay mà con người cũng là một nốt nhạc thần diệu trong đó. Và chính hôm Einstein tìm ra được công thức vũ trụ trong thuyết tương đối là hôm Einstein đánh một bản dương cầm rạo rức. Trong lúc tấu nhạc thì bùng lên ánh sáng của phát minh (Theo *Sác-li Sáp-lin* kể).

Giáo dục cho con người biết đấu tranh xã hội để cải tạo xã hội. Cũng phải giáo dục con người không chỉ hiểu biết thiên nhiên, mà còn phải yêu thiên nhiên, để làm chủ thiên nhiên. Sự sống từ thiên nhiên mà bật ra, hãy trở về nguồn cội đó để bồi thêm nhựa sống, ý sống. Không phải ngẫu nhiên mà nhà thơ cổ La Mã Luy-cờ-re-xơ (Lucrece) viết được tập thơ bản chất sự vật, tưởng là khoa học (so với hồi đó), vừa chứa chan hồn thơ.

KHÍ HẬU TÂM HỒN

Ở giữa đám đông tạo cho mình một sự yên lặng cần thiết, ở giữa quần chúng tạo cho mình một sự thư thái tâm hồn. Ở giữa tập thể loài người tạo cho mình một sự lắng đọng, tính trong của bản lĩnh. Giữa đời hoạt động cùng với mọi người tham gia cải tạo xã hội và xây dựng xã hội tạo cho mình một sự lắng trầm, kết tủa. Cái yên lặng, thư thái lắng đọng giữa đám đông, giữa quần chúng, giữa tập thể là vô cùng quý giá, và giúp thay nhén những giá trị mới, những chất lượng mới về tư tưởng, về nghệ thuật, về con người. Đám đông quần chúng, tập thể

lúc bấy giờ bao bọc lấy ta, ôm ấp ta như một tổ ấm, như một cái kén, như nắng ấm và hơi ấm của đất cần cho sự nảy nở của hạt mầm. Hạt cần sự yên lặng của đất sâu, nhưng rất cần hơi nắng ấm của bầu trời áp ủ.

Tôi không thể tưởng tượng một người nghệ sĩ, một nhà tư tưởng sống trong một sự yên lặng xa số đông, xa quần chúng, xa tập thể xã hội mà lại có thể sáng tạo được cái gì ra hồn, đáng gọi là nghệ thuật và tư tưởng. Sự yên lặng ấy – nếu có – lạnh lùng quá. Lạnh quá không đủ tác động vào quá trình ủ trướng của nghệ thuật và tư tưởng được. Nhưng mặt khác tôi cũng muốn nhấn mạnh sự cần thiết phải tạo cho mình cái yên lặng, thư thái, lắng đọng giữa cái ồn ào và bận rộn của cuộc sống và của cuộc đời hoạt động hằng ngày. Nếu không có được cái lắng đọng, tinh trong ấy thì làm sao thai nghén được những chất sống mới, những xúc động mới ? Nghe như mâu thuẫn, nhưng sự thực lại như vậy. Đây là "sự yên lặng sản sinh ra những hoà âm mới".

Trong đời tôi, tôi thích sống ở giữa phố đông, dù có rộn rịp cũng được. Cho tôi được gặp nhiều người hằng ngày, cho tôi được nhận ánh sáng từ những mặt người phản chiếu lại : cho tôi được nghe tiếng người qua lại, trò chuyện, tâm tình "cãi co cũng được" ; cho tôi được nghe tiếng xe cộ nói lên nhịp sống của cuộc đời. Nhưng giữa cái ồn ào, tấp nập ấy, tôi biết dành cho tôi một bầu trời yên lặng, cái yên lặng giữa hơi thở ấm áp của loài người. Khí hậu tâm hồn của tôi là như vậy. Thêm một ít cây, hoa lá ở xung quanh. Hồn thơ tôi làm tổ trong cảnh người và cảnh trời đêm ấm.

HAI SÁNG TẠO LỚN CỦA CON NGƯỜI

Chúng ta biết : Lao động sáng tạo ra con người. Nhưng cũng phải nói thêm : giữa muôn loài chỉ có con người đã sáng tạo ra lao động, chỉ có con người đã sáng tạo ra công cụ lao động, làm cho hai tay được chấp dài thêm mãi để nhào nặn thiên nhiên, chấp dài thêm mãi cho đến ngày nay với tới trăng, sao. Sáng tạo ra lao động, rồi lao động sáng tạo ra con người, hai chiều sáng tạo ấy thúc đẩy nhau tiến lên mãi mãi. Quá trình lao động gắn liền với quá trình hình thành và phát triển tư tưởng. Điều này chúng ta cũng đã biết. Nhưng có một điều nữa, ít được nhấn mạnh, ít ai nói đến mà vô cùng ý nghĩa, vô cùng quan trọng ấy : con người đã *sáng tạo ra tình cảm* đã sáng tạo ra mối quan hệ tình cảm giữa người với người. Tình cảm, phần nào là do bản năng bật ra, phần nào là do quan hệ trong lao động mà hình thành, điều đó chúng ta cần tìm hiểu và phân tích thêm. Nhưng dù có từ bản năng mà nảy sinh thì tình cảm con người cũng vượt xa bản năng nghìn dặm ; dù từ quan hệ trong lao động mà hình thành thì tình cảm cũng đã nhuần thành máu thịt một thứ bản năng rồi. Tóm lại : Tình cảm là một sáng tạo lớn của loài người sau sự sáng tạo ra lao động.

Với lao động, từ chỗ là một bộ phận của thiên nhiên, con người đã cải tạo thiên nhiên, làm chủ được thiên nhiên. Với lao động và tình cảm con người từ chỗ là một sinh vật giữa các sinh vật khác đã sáng tạo một điều mới lạ trong vũ trụ. Đó là *tập thể loài người*. Đó là một sự sáng tạo vĩ đại, một bước nhảy vọt trên con đường phát triển của con người. Lao động và tình cảm : hai sáng tạo lớn của con người, và giúp con người sáng tạo mãi mãi. Hiểu kỹ điều này cũng là hiểu đến nơi gốc của nghệ thuật.

HÌNH TƯỢNG, SO SÁNH, ẨN DỤ TRONG THƠ VĂN

Làn thu thủy, nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Để tả sắc đẹp của nàng Kiều (mắt, mày, má, tóc) Nguyễn Du nghĩ đến cái đẹp trong thiên nhiên : Nước mùa thu, núi mùa xuân, hoa thắm và liễu xanh.

Vì ai rụng cái rơi kim,

Để con bèo nổi, mây chìm vì ai

Để tả thân phận chìm nổi của nàng Kiều, Nguyễn Du cũng lại nghĩ đến những hình ảnh thiên nhiên : Hạt cải (đánh vào hồ phách), kim (đánh vào nam châm), bèo và mây.

Để tả cái dáng dấp tao nhã, thanh thoát của Kim Trọng trong buổi đầu tiên gặp Kiều, Nguyễn Du cũng lại liên tưởng đến thiên nhiên :

Hài văn lẫn bước dặm xanh,

Một vùng như thế cây quỳnh, cành giao

Và khi ca ngợi cái đẹp lộng lẫy, trong trắng và phơi phới của nàng Kiều, Nguyễn Du lại cũng phải mượn hình ảnh trong thiên nhiên :

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,

Dây dẫu sẵn đục một toà thiên nhiên

Chúng ta thường nói *hoa niên* (Tế Hanh có tập thơ đầu tiên là *Hoa Niên*). Để nói cái tuổi tươi non của một đời, ta cũng

nghĩ đến thiên nhiên. Hoa đây là nói độ hoa nở trong đời cây, trong đời người. Ta cũng nói *ánh sáng* của trí tuệ để nói sự thông minh ; ánh sáng cũng là thiên nhiên.

Hô-me-rơ, ngược lại, để tả cái ánh hồng tuyệt đẹp của bình minh lại nói : "Bình minh với những ngón tay hồng" nghĩa là tả cái đẹp của thiên nhiên, lại phải nghĩ đến cái đẹp của con người. Nhân dân ta để nói cây lúa đang độ lớn lên gọi là *lúa thì con gái*. Xuân Diệu có câu : "lá liễu dài như một *nét mi*".

Trong văn chiêu hồn của Nguyễn Du, để tả cái ảo não của mùa thu, lại nói : "Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt". nghĩa là để tả thiên nhiên (mưa), nghĩ đến một trạng thái của lòng người (sùi sụt như khóc sùi sụt). Cũng có nhiều nhà thơ nói biển *nổi giạt sóng gầm vang sao nhấp nháy* (như con mắt người) gió *rit rìng rời* (như tiếng rít của người). Trong văn thơ cũng thường thấy nói : núi đứng *trám ngám* con sông *lao tới*.

Cả về hai phía : mượn hình ảnh thiên nhiên để tả trạng thái của người, hoặc mượn hình ảnh của người để tả thiên nhiên, chúng ta có thể kể ra hàng ngàn, hàng vạn ví dụ như thế ở trong bất cứ nền văn học nào. Không chỉ có một chiều là *nhân cách hoá* thiên nhiên, mà *thiên nhiên hoá* cũng là một biện pháp phong phú, lý thú, và cần thiết. Nhưng nói cho chính xác hơn, không phải là thiên nhiên hoá con người, mà là bắt gặp được mối quan hệ cố hữu, sâu sắc giữa người và vũ trụ.

Điều thú vị và có ý nghĩa mà ta có thể nêu lên gần như một quy luật là mối quan hệ mật thiết ấy giữa thiên nhiên, vũ trụ với con người. Con người có thể đo bằng kích thước vũ trụ (một cách tượng trưng) ; và vũ trụ có thể thu gộp lại trong kích thước

của con người (cũng là một cách tượng trưng). Và vũ trụ, thiên nhiên là cái kho hình ảnh vô tận giúp ta xây dựng vô vàn hình tượng để phản ánh con người, và con người cũng là cái kho vô tận của trạng thái, hình ảnh để nói được muôn hình, muôn vẻ của thiên nhiên, tạo vật.

Hình tượng là mối tương quan, tương ứng kỳ diệu ấy. Xây dựng hình tượng là đặt trúng, một cách mới mẻ, cái tương quan người và thiên nhiên, hoặc ngược lại, thiên nhiên và người.

Mối tương quan, tương ứng đặt trúng ấy chứa nhiều sức cảm xúc, vì nó đông đến một cái đáy sâu thẳm là mối quan hệ máu thịt, ruột gan giữa người và vũ trụ. Cơ sở sâu xa, cốt tuỷ của hình tượng (gồm cả so sánh, ẩn dụ) trong văn thơ là như vậy. Cảm xúc của chúng ta như nằm trong chiếc nôi mắc giữa hai bờ : con người và tạo vật, đưa xít giữa hai bờ bát ngát ấy, đưa xít mà cân bằng, đưa xít để cân bằng. Mà vì thế muốn tạo được hình tượng hay, phải sống sâu sắc cuộc sống xã hội và phải sống sâu sắc trong mối quan hệ người với thiên nhiên. Ca dao của ta thì vô cùng sâu sắc và tài tình về mặt này.

Chiều chiều gió thổi Hải Vân,

Chim kêu ghénh đá găm thân thêm buồn.

[...] *Núi cao chỉ lấm núi ơi,*

Núi che mặt trời không thấy người thương.

Không chỉ là mượn thiên nhiên để nói người mà là xúc động về thiên nhiên trùng hợp với xúc động về người.

NGUYỄN DU VÀ ĐỖ PHỦ

Chưa ai nhắc đến tính bà con, thân thuộc giữa thơ Nguyễn Du và thơ Đỗ Phủ. Nguyễn Du như mọi nhà thơ xưa của ta chịu sâu sắc ảnh hưởng của thơ Đường (Trung Quốc), điều ấy không có gì đáng nói lại. Nhưng điều đặc biệt là thơ Nguyễn Du gần thơ Đỗ Phủ. Điều ấy thấy được trong thơ *Truyện Kiều*, trong *Văn chiêu hồn*, và trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Tấm lòng ưu ái đối với con người, sự lo lắng cho thân phận của con người cùng một âm hưởng xót xa trong tâm hồn của hai nhà thi hào. Nỗi cơ cực cụ thể của những con người cụ thể, đói rách, tủ nhục, cay đắng, dưới chế độ phong kiến hà khắc, tất cả những quần quai, da diết ấy đều được nói đến một cách phần nộ hoặc chua chát trong thơ Đỗ Phủ và thơ Nguyễn Du. Gọi đó là thơ hiện thực chăng? Cũng được, nếu ta định nghĩa hiện thực là phản ánh thực tại của cuộc sống xã hội của một thời nhất định. Gọi đó là thơ nhân ái, xét về nội dung, có lẽ thích hợp hơn. Gọi gì thì gọi, điều quan trọng là trong thơ Nguyễn Du ta nghe mạch đập của cuộc đời, ta thấy được thân phận của con người giữa ba đào của thời đại.

Nguyễn Du, nhà thơ tài hoa, hào hoa phong nhã, lại đi gần những cay đắng của cuộc đời, gần gũi với những thân phận thấp hèn của xã hội, và cũng sẵn lòng để cảm thông với những kiếp lỡ làng. Nếu thử so sánh thơ Nguyễn Du và thơ Đỗ Phủ với thơ Lý Bạch thì ta thấy nổi bật tấm lòng ưu ái xót xa của Đỗ Phủ và của Nguyễn Du, Lý Bạch tài hoa, Nguyễn Du cũng tài hoa nhưng tấm lòng đau đời của Nguyễn Du và của Đỗ Phủ rõ ràng là nặng đôn cân hơn trong tác phẩm.

THƠ TRÍ TUỆ

Sáng tác thơ cũng như sáng tác mọi nghệ thuật khác đều đòi hỏi vận động của trí tuệ song song với sự nung nấu của tâm hồn, của tư tưởng và tình cảm, với sự trau dồi cảm xúc cho nhọn sắc nữa. Nhưng có vì vậy mà quan niệm ra có một loại thơ trí tuệ không ? Thế nào gọi là thơ trí tuệ ? Theo tôi nên xoá từ này đi trong những khái niệm về văn học. Thơ là thơ, và thơ bùng lên một xúc cảm tổng thể nó làm rung động cả trái tim ta, cả trí óc ta, cả cơ thể ta nữa. Tình cảm, tư tưởng, cảm giác đều xao động trong một rung động thơ ; và có như vậy thơ mới sống được, thơ mới là thơ ; có cảm xúc tổng thể đó mới giúp nhà thơ trong sự cố gắng truyền được nguyên bản của cuộc sống chứ không phải chỉ là phiên bản, không chỉ là bản dịch (dịch sự vật thành ra khái niệm mà thôi).

Nói thế không phải là trong thơ không có yếu tố trí tuệ. Trong sự xúc cảm tổng thể của thơ, có sự rung cảm của trí tuệ. Thơ có thể, và nên chứa đựng tư tưởng, những tư tưởng lớn nữa, nhưng tư tưởng ấy phải thật sự bật lên từ máu thịt của cuộc đời, từ máu thịt, chứ không phải từ một sự nặn óc của nhà thơ để gọi là có tư tưởng. Điều này thật ra cũng dễ thấy thôi, thấy đâu là tư tưởng thật bật lên từ cuộc sống, và đâu là "tư tưởng" nặn óc mà ra. "Đau đớn thay phận đàn bà" ! Tiếng kêu thương ấy của Nguyễn Du, tiếng kêu thốt lên hai lần (một lần trong *Truyện Kiều* và một lần trong *Văn chiêu hồn*) là một tư tưởng lớn, chứa đựng một cảm nghĩ lớn về thân phận con người, về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ. Nhưng rõ ràng tư tưởng ấy, cảm

ngôi ấy toát lên một cách hết sức tự nhiên, không cưỡng được, từ máu thịt cuộc đời, từ cảnh ngộ của nàng Kiều háy nổi ba chìm mà tác giả đã truyền cho ta với cả niềm xúc động bồi hồi, da diết.

Đau đớn thay phận đàn bà.

Ta không còn nghe đây là tư tưởng, là suy nghĩ của tác giả nữa, mà là tiếng kêu thốt lên của nhân vật ấy, cảnh ngộ ấy, của chính cuộc đời. Thơ Nguyễn Du chứa đựng những tư tưởng lớn, nhưng có vì vậy mà ta gọi đó là thơ trí tuệ không ?

Trong đời muôn vạn điều cay đắng

Cay đắng chi bằng mất Tự do !

Hai câu thơ ấy của Hồ Chủ tịch chứa đựng một tư tưởng lớn, là một tư tưởng lớn, nhưng ai nấy đều thấy tư tưởng lớn ấy toát lên một cách tự nhiên không những từ bài thơ, mà từ máu thịt của cả cuộc đời của dân tộc ta, của nhân dân ta. Chắc chắn không ai gọi hai câu thơ trên của Bác Hồ là thơ trí tuệ.

Trở về vấn đề thật, ấy là rung cảm từ cuộc đời, từ cuộc sống, từ máu thịt của cuộc sống thì mới thật sự có tình cảm lớn và tư tưởng lớn bật lên trong thơ. Tư tưởng và tình cảm lớn lúc bấy giờ như nhụy của hoa thơm, nhụy sống của hoa sống, chứ không phải nhụy vờ của hoa giấy. Thơ trí tuệ ư ? Thế nào là thơ trí tuệ ? Từ nay theo tôi nghĩ, nên xoá khái niệm ấy trong văn học, vì nó gây một nhận thức nhầm lẫn về thực chất của thơ.

ANH HÙNG CA VÀ TRỮ TÌNH

Trong văn học trước đây, người ta hay phân ra từng thể loại trong thơ : thơ trữ tình, thơ anh hùng ca, và các thể loại cách biệt nhau gần như tuyệt đối, không thể lẫn trộn giữa anh hùng ca và trữ tình được.

Nhưng ở thời đại chúng ta, khi mà thực chất trữ tình trong thơ còn là trữ tình của tập thể, khi mà chất anh hùng ca nhuỷên vào cuộc sống của mỗi người (vì là thành viên tích cực của tập thể anh hùng), thì ranh giới giữa anh hùng ca và trữ tình không còn tuyệt đối nữa. Một bài thơ nào nói đến Tổ quốc vinh quang mà không mang chất trữ tình ? và lại không có tính anh hùng ca ? Tính trữ tình tập thể và tính anh hùng ca phổ biến : đó chính là những yếu tố mới trong thơ ca do cách mạng vô sản mang lại, những yếu tố kết hợp lại trong một tính chất mới : tính anh hùng ca – trữ tình của thơ ca. Nhân vật anh hùng ca mới chính là tập thể cách mạng, và những cá nhân anh hùng mang tính tập thể cao trong người. Điều này mở nhiều triển vọng mới trong thơ ca, và trong văn học nói chung.

VĂN NGHỆ DÂN GIAN

Qua văn nghệ dân gian, quần chúng của mỗi thời đại tự biểu hiện một cách trực tiếp và sinh động, trực tiếp cả những khi quần chúng sáng tạo thần thoại hay truyện cổ tích cũng là

sáng tạo của quần chúng. Quần chúng không chỉ tự biểu hiện một cách "tự nhiên" mà còn tự khẳng định những giá trị tinh thần, đạo đức của mình, tự khẳng định những tiêu chuẩn về cuộc sống. Đối với quần chúng thẩm mỹ luôn luôn gắn liền với đạo lý sống.

Văn nghệ dân gian vừa là miếng đất màu mỡ giúp nở muôn hoa tươi đậm sắc hương của văn nghệ dân tộc, đồng thời cũng là vườn hoa muôn sắc nghìn hương. Không chỉ là vườn ươm, mà còn là vườn hoa trái. Chúng ta vẫn chưa nhận thức hết ý nghĩa này của văn nghệ dân gian.

Văn nghệ dân gian không chỉ là một mảng của nền văn nghệ dân tộc ; mà xét cho kỹ trên một ý nghĩa nào đó, trên ý nghĩa "lót ổ" thì đó là văn nghệ mẹ của nền văn nghệ dân tộc, nó là văn nghệ gốc. Văn nghệ dân gian không chỉ là chất liệu, mà cũng là một nguồn cảm xúc ; không phải chỉ là vốn hình tượng, mà còn là cách sáng tạo hình tượng. Đặc điểm của nếp cảm và nghĩ của dân tộc nằm trong văn nghệ dân gian, được thể hiện đậm đà, sinh động trong văn nghệ dân gian của các thời đại.

BẢN THÂN TIẾNG NÓI LÀ TỔNG KẾT

Bản thân tiếng nói là tổng kết, tổng kết kinh nghiệm sống của một dân tộc, tổng kết về nhận thức và về hành động. Có thể nói : tiếng nói là khoa học đầu tiên của loài người. Bởi vì khoa học là gì nếu không phải là nắm được các quy luật của sự sống,

của cuộc sống và vận dụng được các quy luật ấy để phát triển sự sống. Vì thế cho nên cần dạy tốt môn văn, môn ngôn ngữ cho trẻ em, để trang bị cho chúng một công cụ bậc nhất đang nắm được khoa học về sau, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Dạy nhiều và dạy kỹ, dạy sinh động ca dao và tục ngữ cho các cháu. Mỗi câu ca dao, mỗi câu tục ngữ là một tổng kết đồng đặc về cuộc sống, về cuộc đời về con người, có khi về cả thiên nhiên nữa :

Cá không ăn muối cá ươn,

Con không nghe lời cha mẹ, trăm đường con hư.

Ca dao tục ngữ lại còn là tổng kết về ngôn ngữ : Nói thế nào cho gọn nhất mà nổi bật nhất, tiết kiệm nhất. Chúng ta chưa đi sâu trong khoa học về ngôn ngữ. Cần chú trọng mặt này vì ngôn ngữ là khởi đầu của khoa học.

THƠ TÌNH XUÂN DIỆU

Thơ tình mà lại là thơ tình của Xuân Diệu : Đây là vườn hồng, đây là "vườn mơ trốn", là vườn yêu mà cũng là vườn đời.

Tình yêu không có tuổi, và thơ tình hay càng không tính tuổi được bao giờ. Thơ tình Xuân Diệu thật là thơ tình, tình yêu của những người yêu. Cái rạo rức, thiết tha, nồng cháy trong *Thơ thơ*, ai mà đã không trải qua ít nhất là dăm ba lần trong tuổi trẻ của mình. Cái da diết, cái đắm thắm xen lẫn vị đắng cay trong *Giả hươg cho gió* có phải riêng gì của Xuân Diệu : Riêng chăng là sự cảm quan đặc biệt sâu sắc – Sâu sắc đến đau đớn –

của tác giả trước những trạng thái tinh vi, những biến chuyển kỳ diệu của tình yêu, trước những đe dọa mất còn của tình cảm nữa. Sở dĩ như vậy là vì : Thơ tình của Xuân Diệu trước hết "nói" về tình, nhưng thông qua tình yêu "nói" lên cảm xúc sâu thẳm về cuộc sống, về đời người. Bên cạnh những bài, những câu nói về sự mê say, tha thiết rạo rực, bản khoân trong tình yêu, chúng ta còn bồi hồi nhớ những câu chuyện xoay như những đợt sóng lòng :

- *Với bàn tay ấy ở trong tay*
Tôi đã người quên hận tháng ngày
- *Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn,*
Chớ để riêng em phải gặp lòng em...

Có thể nói bất cứ bài thơ tình nào của Xuân Diệu cũng mang theo nó âm hưởng, cộng hưởng của cuộc đời, của đời người. Cho nên ta không ngạc nhiên tại sao khi đọc xong một bài thơ tình của Xuân Diệu, ta thấy yêu người yêu của ta đến thế, yêu tình yêu đến thế, và yêu cuộc đời đến thế. Thơ tình của Xuân Diệu, suy cho cùng, ngẫm cho kỹ là bài ca sự sống. Có lẽ dần dần ta sẽ hiểu thấu điều này hơn.

Tôi xin tiết lộ một điều "bí mật". Sau khi đọc *Thơ thơ*, Hàn Mặc Tử đã gửi tặng Xuân Diệu tập *Gái Quê* với lời đề tặng : "Tôi gửi anh tập thơ của tôi, vì đọc thơ anh, nỗi đau khổ của tôi được xoa dịu đi nhiều lắm". Một người đau khổ tột cùng như Hàn Mặc Tử mà thốt lên một câu như thế, âu cũng là một chứng minh về tính nhân bản sâu sắc của thơ tình Xuân Diệu.

Thơ tình của Xuân Diệu về sau này có gì khác thơ tình buổi trước ? Thơ vẫn là thơ, tình vẫn là tình. Nhưng người thơ, người tình đã sống nhiều, đã "từng trải", đã cảm nhận của cuộc sống

nhiều ý sâu trong tình người, và lứa đôi vẫn là lứa đôi tình nhân, nhưng bên cạnh tình lại có thêm tình nghĩa. Đúng rồi, tình và tình nghĩa, nhưng là tình nghĩa của người tình. Có phải chăng vì thế mà thơ tình của Xuân Diệu về sau này vẫn say, vẫn đắm, nhưng cái giọng thơ thì dường như đậm hơn, lắng hơn ; vẫn rạo rức, nhưng là cái rạo rức của lứa ngún, của than hồng có phủ ít gio :

- *Vai anh khi để đầu em tựa
Cán cả buồn vui của một đời.*
- *Uống xong lại khát là tình,
Gặp rồi lại nhớ, là mình với ta.*

Những người yêu nhau thường hay đi ra giữa thiên nhiên – đó là một quy luật – vì chỉ có kích thích của vũ trụ hoa chăng mới do được cái không – bờ – bến của xúc động tình yêu. Cho nên thơ tình của Xuân Diệu trước cũng như sau, đều đượm hương sắc của thiên nhiên, nhịp nhàng với cái nhịp đi của trời đất.

- *Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang, nắng trở chiều...*
- *Một lần đặt bước đôi ta,
Gốc cây, đường cái bỗng là thị xã.*

Xuân Diệu lúc sống có ý định làm một cuốn từ điển về tình yêu, mà các định nghĩa đều lấy những câu thơ tình của anh làm căn cứ hoặc làm ví dụ. Chẳng hạn : "Làm sao cất nghĩa được tình yêu ? - Có nghĩa gì đâu ! Một buổi chiều - Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt, - Bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu", hoặc : "Thôi đã hết, hờn ghen và giận tui - Được giận hờn nhau sung sướng bao nhiêu !". Anh mất đi chưa kịp làm cuốn từ điển lý thú

ấy : – Nhưng tôi nghĩ : Mỗi bạn đọc của anh thực hiện ý đó đẹp đẽ của anh bằng cách ngắm đọc, và thắm đọc thơ anh mỗi khi họ sống thiết tha những trạng thái của tình yêu mà chính anh đã giúp họ sống mãn nồng, sâu sắc.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu

Làm sao cắt nghĩa được hết thơ tình của Xuân Diệu ? Nó là cả một thế giới, thế giới của tâm hồn, thế giới bên trong của con người. Sau cái tuổi hai mươi yêu đời, lãng mạn, tiếp đến những năm tháng dài của cuộc đời cách mạng, thơ tình của Xuân Diệu đã là thơ tình của một nhà thơ cộng sản rất đời trung thực với người yêu, với đời, với cuộc sống. Thơ tình của Xuân Diệu hoà một nhịp với thơ tình của những Nê-ru-đa, những Hích-mét, những A-ra-gông. Có thể nói Xuân Diệu đã sống để mà yêu, và yêu để mà sống. Và mong chúng ta đọc lại thơ tình của Xuân Diệu cũng để mà yêu, yêu tình, yêu "đời", và yêu để mà sống, sống sâu sắc hơn cái cuộc sống đáng sống.

PHẤN THÔNG VÀNG
TẬP TRUYỆN NGẮN TRỪ TÌNH
ĐỘC ĐÁO CỦA XUÂN DIỆU

Phấn thông vàng xuất bản năm 1939, một năm sau tập *Thơ thơ*, đã gây xôn xao, một sự xôn xao thú vị trong giới văn học và bạn đọc hồi đó, xôn xao bởi vì đây là một sự sáng tạo :

truyện mà gần như không có truyện, không phải chuyện đời mà là chuyện tâm hồn ; còn văn là những bài thơ văn xuôi đạt dào cảm xúc, cực kỳ gợi cảm, một chiếc cầu nối giữa tác giả với bạn đọc, một chiếc cầu tơ, bằng ánh trăng, bằng những rung động tinh tế của lòng người và những làn sóng dạt dào của tạo vật nữa. Chúng ta hãy nghe tác giả nói về ý đồ sáng tác của mình :

"Các bạn đừng tìm ở đây chuyện chàng này và cô kia. Tâm hồn người có biết bao nhiêu là chuyện ! Các bạn vào đây sẽ thấy một giàn thiên lý và mấy con ong, và một trái tim đang đập theo nhịp đời. *Thương vay* : Một buổi chiều của cảnh vật len lỏi vào một hồn người. *Toả nhị kiều* : cái nhát tẻ của cuộc đời, một buổi chiều trong nhà và trong tâm lý. *Phấn thông vàng* : Tình yêu độ lượng giữa cuộc đời bất ngát. Và *Truyện cái giường* là bài ca của sự sống...".

Cả tập truyện là một sự lan toả tâm hồn, một nỗi niềm ôm ấp, một ngọn triều yêu thương vỗ mãi vào bờ đời. "Chi sợ ta nghèo không đủ tình để vung phí. Ta không thêm nghĩ sự thiên hạ cho lại, nhưng ta cứ cho, tự khắc thiên hạ cũng đem đến cho ta. Mà nếu thiên hạ không cho, thì đã sao chứ ? *Phấn thông vàng* đã làm đẹp không gian, tình của ta sẽ theo mộng cho tâm vải xoàng xĩnh của cuộc đời bầu trời sẽ vang động những tiếng đàn hát, những phấn thông vàng của lòng yêu ; và cuộc đời nhờ bọn đa tình, sẽ kém bẽ hững hờ, nhát tẻ...". Rõ ràng là một tuyên ngôn về tình yêu, mà cũng là tuyên ngôn của cuộc sống vốn chứa chất nhiều độ lượng.

Và đây cái không khí của truyện *Toả nhị kiều*, "Ấy đó, Quỳnh và Giao, hai kiều rất đứng đưng, không e lệ nép vào dưới

bụi hoa nào cả, và cũng không đẹp một chút, nhưng bởi một hội ý tiêu tao, đã khiến tôi nghĩ ngay đến câu thơ phong toả của ngày xưa. Bởi vì hai cô ngồi trong một buổi chiều rất đối ngẫu, một buổi chiều triển miên của sự vật, của linh hồn, một buổi chiều trong nhà và trong tâm lý", và cứ thế tác giả cảm nghe sự mờ nhạt của cuộc đời khi trông hai cô. Cố nhiên đây là cuộc đời của một tầng lớp trước Cách mạng tháng Tám. Nhưng cái cảm quan của Xuân Diệu về cuộc đời lúc đó cũng mang tính nhân bản sâu sắc. *Truyện cái giường* đúng là bài ca sự sống, với lòng yêu thương vô hạn đối với thân phận con người.

"Tôi nghiệp cho những thân thể mệt nhọc kia, nhờ giấc ngủ mà được sống cái đời cây cỏ, ăn vào giấc ngủ để nuôi cuộc đời chạt vật để tìm quên lãng, nghỉ ngơi, cái giường phải chăng là một bà mẹ hiền từ, vuốt ve, xoa dịu ? Cái giường ở với con người gần hết nửa đời, rộng lượng nhất và nâng niu nhất". Có những lời nào trìu mến hơn, thương cảm hơn đối với con người giữa cuộc đời vất vả ! Và cái giường cũng có số kiếp của nó : "Từ nhà trên, tôi xuống nhà giữa, rồi tôi lại xuống nhà dưới, rồi cuối cùng tôi lại xuống nhà bếp, hứng lấy khói bụi mờ hồng... Khi họ mang tôi lên vai vứt ra khỏi cuộc đời, bao nhiêu xương xóc của tôi đã kêu to lên một lần cuối cùng và tôi biết rằng tôi đã hết". Lời hứa của cái giường hay lời của những kiếp người chìm nổi ? Nếu không phải là một người có nhiều trải nghiệm, có nhiều cảm thông với số phận thì không thể viết lên được những dòng nhân tình như thế.

Nhưng nhấn mạnh tính chất trữ tình – triết lý của tập truyện, chúng ta cũng không nên quên có những truyện hiện

thực chủ nghĩa trong *Phấn thông vàng* : *Cái hoá lò, Chó mèo hoang, Đũa ăn mày, Người học trò tốt...* Con mắt của Xuân Diệu cũng rất sắc sảo khi nhìn vào những chi tiết "rất đời" của cuộc sống hằng ngày. "Bây giờ sự chềch méch tăng thêm, tôi nghe tiếng dân vật bát chén, tiếng đập thúng, hát nổi, tiếng cái gát". "Cá với lửa, với đất trộn nhau, nước vào than kêu xèo xèo. Luôn giạn, bà đổ rổ rau, bà đập trã canh, và hắt mớ tôm chị Bón vừa bóc vỏ, chỉ trong nửa phút, bao nhiêu thức ăn tan tành...". Chất hiện thực ở đây không chỉ là hiện thực sự việc, mà còn là hiện thực tâm lý. Trong truyện *Người học trò tốt, Đũa ăn mày* hay *Chó mèo hoang*, chúng ta cũng gặp nhiều nét hiện thực tầng tầng lớp lớp như thế. Cảm tưởng gộp lại của chúng ta : *Phấn thông vàng* là một tập truyện trữ tình và hiện thực, một tác phẩm nhân bản chủ nghĩa, trong đó tác giả đầu tư cả cảm nghĩ của mình về cuộc sống, về con người, nhưng trong đó cũng đầy rẫy những nét, những tình tiết của cuộc đời "thiên hạ". Rõ ràng là tác phẩm của một người có các thớ lòng đã gắn bó xoắn xuýt với đồng loại. Tiêu chuẩn chính để cảm thụ một tác phẩm văn : Xem có chứa đựng chủ nghĩa nhân bản hay không, và đến mức độ nào.

MỤC LỤC

		Trang
Lời giới thiệu	PHAN TRỌNG THƯỜNG	5
HUY CẬN		7
Huy Cận một linh hồn trời đất	NGUYỄN DĂNG DIỆP	9

I - THƠ

LỬA THIÊN

Trình bày	26
Thân thể	28
Buồn	30
Buồn đêm mưa	31
Trông lên	31
Xuân	32
Tĩnh tự	33
Đi giữa đường thơm	34
Vỗ về	36
Chiều xưa	37
Đẹp xưa	38
Học sinh	38
Tự trường	40
Tiến đưa	41
Em về nhà	42
Trăng giang	43
Thuyền đi	44
Vạn lý tình	45
Gánh xiếc	45
Dấu chân trên đường	46
Thu	47
Hoạ điệu	48
Nhớ hồ	49
Hôn xa	50
Trò chuyện	51
Giấc ngủ chiều	53
Cách xa	54
Tình mắt	54
Nhạc sâu	56

Ngậm ngùi	57
Ê chế	58
Xuân ý	59
Lời điệu	60
Khung tình	61
Điệu buồn	63
Quanh quẩn	64
Chiêu xuân	65
Mưa	66
Thu rừng	67
Áo trắng	68
Bì ca	69
Tâm sự	70
Hồn xuân	71
Mai sau	73
VŨ TRƯ CA	
Xuân hành	75
Sưởi	77
Lượng vui	78
Áo xuân	79
Đào	79
Sơ khai	80
Tin vui	81
Hoa về	81
Nắng đào	81
Hương dạy đất	82
Nằm nghe người thờ	82
TRỜI MỖI NGÀY LẠI SÁNG	
Anh Tài Lạc	83
Đoàn thuyền đánh cá	87
Giữa lòng thế kỷ	88
Nằm trong tiếng nói	90
Chín	91
Em bé và mặt trăng	92
Buổi sáng hôm nay	92
Chiều thu quê hương	93
Được tin con tập đi	94
Đến Tây Hồ nhớ Bạch Cư Dị	96
Mưa mười năm sau	97

ĐẤT NỖ HOA	
Mưa xuân trên biển	98
Hoa giữa nắng	99
Hoa sáu bảy ong	100
Chiều xanh trộm sao	100
Anh thương em	101
Anh viết bài thơ	101
Trăng xuân	102
Xen tranh Tế Bạch Thạch	102
BÀI THƠ CUỘC ĐỜI	
Các vị La Hán chùa Tây Phương	104
Anh thợ gốm	108
Một buổi chiều thu	109
Trò chuyện với Kim tư tháp	110
Canh địa ngục	113
Sớm mai gà gáy	114
Thư ghé	116
Mây trắng	118
Gió chuyển mùa	118
Trăng rằm mọc	118
HAI BÀN TAY EM	
Hai bàn tay em	119
Mỗi sáng mai về	122
Buổi trưa hè	124
Chong chóng	126
Con chim chiến chiến	127
Con sóc	128
NHỮNG NAM SÁU MƯƠI	
Đi trên manh đất này	130
Chân lý	133
Giờ trưa	134
Có những con sông	135
Gửi bạn người Nghệ – Tĩnh	137
CHIẾN TRƯỞNG GẦN ĐẾN CHIẾN TRƯỞNG XA	
Ngã ba Đồng Lộc	140
Tổ quốc	144
Mẹ sinh con...	146
Chiếc võng tơ em tặng	147

Hương đất	149
Gà gáy trên cánh đồng Ba Vì được mùa	149
Xem triển lãm tương gỗ dân gian	150
Đêm nay	153
NGÀY HANG SỐNG NGÀY HANG THO	
Những thành phố bên bờ biển ca	155
Tôi nằm nghe đất	156
Đêm về với biển	158
Đêm trăng mưa	158
NGÔI NHÀ GIỮA NẮNG	
Ngôi nhà giữa nắng	160
Hương đêm thu	161
Ốm đậy	163
Đàn tơ-rưng	164
HẠT LẠI GIEO	
Gió lạnh chiều đông	166
Huê vẫn vương	167
Chép bài thơ cũ	168
Hạt lại gieo	169
Trời xanh	170
Ta viết bài thơ gọi biển về	171
Bãi biển cuối hè	172
Áo thời gian	173
CHIM LÂM RA GIÓ	
Chim lâm ra gió	174
Con chim bay	175
Vào mùa giông bão	175
Anh mang thăm em	176
Điều ơi, Điều đã về yên tĩnh	177
TAO PHÙNG	
Hoa đang	178
Đời hỏi gì ta	179
Tao phùng	180
Em à, vườn xoan	182
Yêu đời	183
Chùm hoa nủ tang em	184
Tóc em	185
Cờ khẩu đội trường pháo dân quân thô sơ hay ở An Thụy	185

II - VĂN XUÔI VÀ PHÊ BÌNH, TIỂU LUẬN

KINH CẦU TỬ

Cái nhục căn cốt	187
Ánh sáng	211

GIỌT LỆ HOÀNG MAI

Ban sắc văn hoá, tính hiện đại và đối thoại của các nền văn hoá	216
Xây dựng nền văn hoá, văn nghệ mới, đậm đà bản sắc dân tộc	221
Nguyễn Du, nhà thơ cổ điển lớn, cũng là nhà thơ lãng mạn lớn	
dầu tiên của dân tộc ta	230

SUY NGHĨ VỀ NGHỆ THUẬT

Lao động về nghệ thuật	234
Nghệ thuật và những mâu thuẫn về con người	235
Nghệ thuật, niềm vui lớn nhất	237
Văn chương là tiếng chun gọi đàn	239
Thơ ca đi dưỡng tinh thần	240
Rung động thơ	242
Vai trò của trạng từ trong câu	243
Không gian và thời gian trong một câu thơ	245
Hai cực của thơ	247
Trí nhớ trong sáng tạo văn học	248
Sự đầu thai của một tứ thơ	250
Day tiêng mẹ đẻ cho con em chúng ta	253
Con, cây, cục, cái	254
Vừa lạ vừa quen	255
Xúc cảm ban đầu và tác phẩm thực hiện	257
Đi bảy bước làm xong một câu thơ	258
Chữ và tiếng nói đối với nhà thơ	259
Cam thông với vũ trụ	260
Khí hậu tâm hồn	261
Hai sáng tạo lớn của con người	263
Hình tượng, so sánh, ẩn dụ trong thơ văn	264
Nguyễn Du và Đỗ Phủ	267
Thơ trí tuệ	268
Anh hùng ca và trữ tình	270
Văn nghệ dân gian	270
Bản thân tiếng nói là tổng kết	271
Thơ tình Xuân Diệu	272
<i>Phấn thông vàng</i> – Tập truyện ngắn trữ tình độc đáo của Xuân Diệu	275

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngô Trần Ái
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập Nguyễn Quý Thao

Biên tập nội dung : Nguyễn Trí Sơn

Biên tập kỹ thuật : Nguyễn Kim Toàn

Trình bày bìa : Văn Sáng

Sửa bản in : Nguyễn Trí Sơn

Chế bản : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC

HUY CẬN – TÁC PHẨM CHỌN LỌC

Mã số : 8V735H9 - CPH

In 3.000 cuốn (QĐ: 27), khổ 14,5 x 20,5cm, tại công ty CP VHTH
HƯNG PHÚ, ĐC: 755 PHẠM THẾ HIẾN - P4 - Q8. TP HCM.

Số xuất bản : 90 2009/CXB/101 82/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 năm 2009.



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

HUY CÂN

TÁC PHẨM CHỌN LỌC



Giá : 29.500đ